

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ
PHẦN 216 ĐÀ NẴNG

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Hà My
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Ngọc Ý
Mã số sinh viên : 2254010080
Khóa học : 2022-2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Ngọc Ý
- Chuyên ngành: Kế toán
- Lớp: 22KH2
- Mã số sinh viên: 2254010080
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

Khoa: Kinh tế

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG”

3. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Chương 3: Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

4. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

6. Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Hà My

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH	
DANH MỤC BẢNG	
DANH MỤC SƠ ĐỒ	
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	
LỜI CẢM ƠN	
LỜI MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	2
1.2.1. Nhiệm vụ	2
1.2.2. Ý nghĩa.....	3
1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.3.1. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
1.3.2. Hình thức và thời điểm thanh toán	4
1.3.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	5
1.3.4. Chứng từ sử dụng	6
1.3.5. Tài khoản sử dụng	6
1.3.6. Phương pháp hạch toán	7
1.3.7. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24).....	7
1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.4.1. Nội dung	7
1.4.2. Chứng từ sử dụng	8
1.4.3. Tài khoản sử dụng	8
1.4.4. Phương pháp hạch toán.	9
1.4.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24).....	10
1.5. Kế toán giá vốn hàng bán	10
1.5.1. Nội dung	10
1.5.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.....	10
1.5.2.1 Phương pháp thực tế đích danh.	10
1.5.2.2 Phương pháp bình quân gia quyền.	10
1.5.2.3 Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).....	11
1.5.2.4 Phương pháp giá bán lẻ	11

1.5.3. Chứng từ sử dụng	12
1.5.4. Tài khoản sử dụng	12
1.5.6. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24).....	14
1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	14
1.6.1. Nội dung	14
1.6.2. Chứng từ sử dụng	15
1.6.3. Tài khoản sử dụng	15
1.6.4. Phương thức hạch toán	16
1.6.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24).....	17
1.7. Kế toán chi phí tài chính.....	17
1.7.1. Nội dung	17
1.7.2. Chứng từ sử dụng	17
1.7.3. Tài khoản sử dụng	17
1.7.4. Phương thức hạch toán	18
1.7.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24).....	19
1.8. Kế toán chi phí bán hàng	19
1.8.1. Nội dung	19
1.8.2. Chứng từ sử dụng	19
1.8.3. Tài khoản sử dụng.	19
1.8.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với TT200/2014/TT-BTC (Phụ lục 641).....	21
1.9. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
1.9.1. Nội dung	21
1.9.2. Chứng từ sử dụng	21
1.9.3. Tài khoản sử dụng	21
1.9.4. Phương thức hạch toán	23
1.9.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT/BTC. (Phụ lục 24)	24
1.10. Kế toán thu nhập khác	24
1.10.1. Nội dung	24
1.10.2. Chứng từ sử dụng	24
1.10.3. Tài khoản sử dụng	25
1.10.4. Phương thức hạch toán	26

1.10.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC. (Phụ lục 24).....	27
1.11. Kế toán chi phí khác	27
1.11.1.Nội dung	27
1.11.2.Chứng từ sử dụng	27
1.11.3.Tài khoản sử dụng	27
1.11.5.Một số điểm mới của Thông tư 99 so với Thông tư 200. (Phụ lục 24)	29
1.12. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	29
1.12.1. Nội dung	29
1.12.2. Chứng từ sử dụng	29
1.12.3. Tài khoản sử dụng	29
1.12.4. Phương pháp kế toán	31
1.12.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC. (Phụ lục 24).....	32
1.13. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	32
1.13.1. Nội dung	32
1.13.2. Tài khoản sử dụng	33
1.13.3. Phương thức hoạch toán	34
CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG...	35
2.1. Tổng quan về Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng	35
2.1.1. Thông tin khái quát về Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.....	35
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.....	36
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.....	37
2.1.3.1. Lĩnh vực kinh doanh.....	37
2.1.3.2. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	37
2.1.3.3. Phương thức thanh toán.....	38
2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.....	38
2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	38
Về cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng có tổng số 90 người, được phân bổ hợp lý cụ thể như sau:.....	38
2.2.2. Chức năng từng bộ phận.....	39
2.3. Tổ chức kế toán tại công ty.....	42
2.3.1. Bộ máy kế toán	42

2.3.2. Chức năng từng bộ phận.....	42
2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.	43
2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.	44
2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty.....	45
2.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	46
2.4.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.	46
2.4.2. Tài khoản sử dụng	46
2.4.3. Chứng từ sử dụng	47
2.4.4. Sổ sách sử dụng	48
2.4.5. Quy trình ghi sổ	48
2.5. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	78
2.6. Kế toán giá vốn hàng bán	78
2.6.1. Nội dung	78
2.6.2. Tài khoản sử dụng	78
2.6.3. Chứng từ sử dụng	78
2.6.4. Sổ sách sử dụng	79
2.6.5. Qui trình ghi sổ	79
2.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	86
2.7.1. Nội dung	86
2.7.2. Tài khoản kế toán	86
2.7.3. Chứng từ kế toán	86
2.7.4. Sổ kế toán được sử dụng.....	86
2.7.5. Qui trình ghi sổ	86
2.8. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	89
2.9. Kế toán chi phí bán hàng	89
2.9.1. Nội dung	89
2.9.2. Tài khoản sử dụng	89
2.9.3. Chứng từ sử dụng	90
2.10. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	95
2.10.1. Nội dung	95
2.10.2. Tài khoản sử dụng	96
2.10.3. Chứng từ sử dụng	97
2.10.4. Sổ sách sử dụng	97
2.10.5. Qui trình ghi sổ	97
2.11. Kế toán thu nhập khác	105

2.11.1.Nội dung	105
2.11.2.Tài khoản sử dụng	105
2.11.3.Chứng từ sử dụng	105
2.11.4.Sổ sách sử dụng gồm	105
2.11.5.Quy trình ghi sổ	106
2.12. Kế toán chi phí khác	107
2.12.1. Nội dung	107
2.12.2. Tài khoản sử dụng	107
2.12.3. Chứng từ sử dụng	107
2.12.4. Sổ sách sử dụng	107
2.12.5. Qui trình ghi sổ.....	107
2.13. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	110
2.13.1. Nội dung	110
2.13.2. Tài khoản sử dụng	110
2.13.3. Chứng từ sổ sách	110
2.13.4. Sổ sách sử dụng	110
2.13.5. Quy trình ghi sổ.....	111
2.14. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	115
2.14.1. Nội dung	115
2.14.2. Tài khoản sử dụng	115
2.14.3. Chứng từ sử dụng	115
2.14.4. Sổ sách sử dụng gồm:.....	115
2.14.5. Qui trình ghi sổ.....	115
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG	121
3.1. Nhận xét công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.....	121
3.1.1. Những ưu điểm nổi bật.....	121
3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại.....	122
3.2. Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.	123
KẾT LUẬN	
PHỤ LỤC.....	

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
Sơ đồ 1.2: Hạch toán phản ánh số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.....	9
Sơ đồ 1.3: Hạch toán trường hợp hàng bán bị trả lại.	10
Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn bán hàng.....	14
Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	16
Sơ đồ 1.6: Hạch toán chi phí tài chính	18
Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng.....	20
Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23
Sơ đồ 1.9: Hạch toán thu nhập khác.....	26
Sơ đồ 1.10: Hạch toán chi phí khác.....	28
Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31
Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31
Sơ đồ 1.13: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh	34
Sơ đồ 2.1: Bộ máy kế toán	42
Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.....	44
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Smile	45

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
NĐ	Nghị định
CP	Chính phủ
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
KQKD	Kết quả kinh doanh
CCDC	Công cụ dụng cụ
TSCĐ	Tài sản cố định
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
QLKS	Quản lý khách sạn
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
BDS	Bất động sản
HH	Hàng hóa
TS	Tài sản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
TTN	Thuế thu nhập
MST	Mã số thuế

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý Thầy, Cô khoa Kinh Tế – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, những người đã tận tâm dìu dắt và truyền dạy cho em những kiến thức quý báu trong suốt năm tháng học tập dưới mái trường này. Những bài học lý thuyết sâu sắc cùng các bài tập thực hành sát với thực tiễn đã xây dựng cho em một nền tảng vững chãi để tự tin tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Kế Toán.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng tập thể anh chị nhân viên tại Công ty Chi nhánh Cổ phần 216 tại Đà Nẵng. Cảm ơn quý công ty đã tạo điều kiện tối đa để em được thực tập và nghiên cứu trong một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và đầy sáng tạo. Khoảng thời gian tại đây đã giúp em rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực tế quý giá mà không trang sách nào có thể thay thế được. Bên cạnh đó, em xin cảm ơn các anh chị đồng nghiệp đã luôn cởi mở, sẵn sàng hỗ trợ và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, giúp em nhanh chóng hòa nhập và học hỏi được nhiều điều bổ ích.

Đặc biệt, em xin dành lời tri ân sâu sắc nhất tới Nguyễn Thị Hà My. Với sự tận tụy và tâm huyết, Cô đã luôn đồng hành, sát sao hướng dẫn và động viên em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những lời chỉ dẫn quý báu và sự chia sẻ kinh nghiệm tận tình của Cô chính là động lực lớn nhất giúp em vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt bài nghiên cứu này.

Cuối cùng, dù đã dành nhiều tâm huyết và nỗ lực, nhưng do hạn chế về thời gian và kinh nghiệm, bài khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý Thầy, Cô để kiến thức của em ngày càng hoàn thiện hơn.

Em xin trân trọng cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay với sự biến đổi sâu sắc về nền kinh tế toàn cầu, vấn đề mà doanh nghiệp nào cũng quan tâm, lo lắng đó là kinh doanh sao cho có hiệu quả. Xét về mặt tổng thể thì các doanh nghiệp không những chịu tác động của quy luật giá trị, mà còn chịu tác động của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh và đặc biệt hơn khi Việt Nam đã ra nhập tổ chức thương mại WTO thì những quy luật này càng trở nên quan trọng hơn.

Các doanh nghiệp càng phải cố gắng vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh để phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Lợi nhuận là cái đích mà các doanh nghiệp hướng tới, để đạt được cái đích đó thì phải trải qua rất nhiều khâu và khâu rất quan trọng đó là tiêu thụ hàng hóa. Khi sản phẩm, hàng hóa được tung ra thị trường thì các doanh nghiệp đã phải tính đến các chi phí và dự đoán được doanh thu tiêu thụ là bao nhiêu về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chính vì thấy được tầm quan trọng của hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nên em đã chọn đề tài **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng”** để làm đề tài cho báo cáo thực tập của mình.

Ngoài ra phần mở đầu và kết luận, nội dung gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Chương 3: Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty cổ phần 216 tại Đà Nẵng

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Căn cứ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 14 - doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được định nghĩa như sau:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo khoản 1 Điều 78 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Theo khoản 1 điều 82 - Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí của Thông tư 200/2014/TT-BTC có định nghĩa chi phí như sau:

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Căn cứ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) – Chi phí được định nghĩa như sau:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Theo khoản 1 Điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê

hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo điều 79, thông tư 200/2014/TT-BTC:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

1.2. Nhiệm vụ và ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Nhiệm vụ

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý thông qua việc cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời giúp nhà quản lý phân tích, đánh giá và quyết định phương án kinh doanh cho mỗi doanh nghiệp.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời khối lượng hàng hóa, thành phẩm bán ra và tiêu thụ nội bộ, tính toán đúng giá vốn hàng đã bán theo phương pháp tính giá xuất kho, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả bán hàng của doanh nghiệp.

- Phản ánh chính xác doanh thu bán hàng, doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác để xác định kết quả kinh doanh.

- Tính toán chính xác, kịp thời kết quả của quá trình tiêu thụ hàng hóa. Tính toán xác định đúng số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT phải nộp cho nhà nước.

- Kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện, kế hoạch bán hàng, xác định kết quả quá trình tiêu thụ để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Xác định kết quả kinh doanh: Dựa trên doanh thu và chi phí, kế toán tính toán lợi nhuận (hoặc lỗ) của doanh nghiệp trong kỳ kế toán và lập báo cáo kết quả kinh doanh.

Báo cáo này giúp nhà quản lý đánh giá hiệu quả kinh doanh và đưa ra các quyết định chiến lược phù hợp.

1.2.2. Ý nghĩa

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò rất quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp kiểm soát hoạt động tài chính, đánh giá hiệu quả kinh doanh và đảm bảo sự phát triển lâu dài.

- Đối với cơ quan Nhà nước: Cơ quan Thuế xác định chính xác các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Riêng đối với các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn đảm bảo nguồn vốn của Nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với doanh nghiệp: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng giúp nhà quản lý đánh giá được hiệu quả hoạt động, từ đó điều chỉnh chính sách, quy trình sản xuất hoặc chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời kì.

- Đối với nhà đầu tư: Thông qua các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính trung gian: Các số liệu về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để các tổ chức tài chính đưa ra quyết định có hay không nên cho doanh nghiệp vay vốn.

1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Hiện nay, có rất nhiều phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ khác nhau. Ở mỗi doanh nghiệp, tùy vào sản phẩm và mô hình kinh doanh để chọn phương thức bán hàng phù hợp.

Dưới đây là một số phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ phổ biến trong doanh nghiệp:

- Phương thức bán buôn: Là hình thức bán hàng với khối lượng lớn hoặc theo lô hàng, thường hướng đến các trung tâm thương mại, nhà phân phối hoặc nhà bán lẻ khác...thường qua kho hoặc vận chuyển thẳng

- Phương thức bán lẻ: Là hình thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng hoặc các cơ quan mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ thường mua với số lượng ít và giá bán ổn định.

- Phương thức bán hàng thông qua đại lý: là hình thức doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa cho các đơn vị đại lý để họ là người trực tiếp bán hàng. Trong thời gian gửi tại đại lý, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi đại lý thanh toán, chấp nhận thanh toán hoặc thông báo số lượng hàng đã tiêu thụ. Khi đó, doanh nghiệp mới chính thức chuyển quyền sở hữu đối với số hàng này. Đại lý được hưởng thù lao dưới hình thức phổ biến là nhận hoa hồng.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là hình thức bán hàng cho phép khách hàng thanh toán nhiều lần. Theo đó, người mua chỉ cần trả trước một phần giá trị hàng hóa để nhận hàng, phần còn lại sẽ được thanh toán dần trong một khoảng thời gian nhất định và phải chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá bán trả ngay, còn phần lãi phát sinh được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

1.3.2. Hình thức và thời điểm thanh toán

Hình thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt

Thanh toán bằng tiền mặt là việc tổ chức, các nhân dùng tiền mặt để trực tiếp chi trả hoặc thực hiện các nghĩa vụ trả tiền khác trong các giao dịch thanh toán. Theo hình thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa dịch vụ cho khách hàng và tiêu thụ được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được số tiền mặt tương ứng với số hàng mà mình đã bán.

Theo quy định tại Nghị định 222/2013/NĐ-CP, việc thanh toán bằng tiền mặt bị hạn chế trong một số giao dịch, nhằm đảm bảo tính minh bạch và kiểm soát tài chính

- Không dùng tiền mặt: theo phương thức này người mua có thể thanh toán bằng các loại séc, trái phiếu, cổ phiếu, các loại tài sản có giá trị tương đương,...

- Thanh toán trả sau:

Đối với các khách hàng làm ăn lâu dài và kí kết hợp đồng với công ty thì các khoản mua hàng và sử dụng dịch vụ sẽ được ghi vào công nợ và thanh toán định kỳ vào cuối tháng tùy vào cam kết trong hợp đồng kinh tế.

- Thanh toán trả trước:

Người mua hàng phải thanh toán trước một phần hoặc toàn bộ giá trị tiền mua hàng cho bên bán. Sau đó bên bán mới chuyển hàng hóa cho bên mua. Nếu thanh toán trước một phần thì sau khi nhận hàng, phần tiền còn lại cần thanh toán thực hiện theo thỏa thuận hai bên. Đối với một số hoạt động dịch vụ như cước thuê bao hay các dịch vụ di chuyển, khách hàng cần thanh toán tiền dịch vụ trước khi sử dụng hoặc thanh toán một phần sau đó sẽ thanh toán phần còn lại sau khi đã sử dụng dịch vụ.

1.3.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo khoản 1.3 Điều 79 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3.4. Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng
- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có.

1.3.5. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại khoản 2, Điều 79, Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ, kế toán sử dụng TK511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511 được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

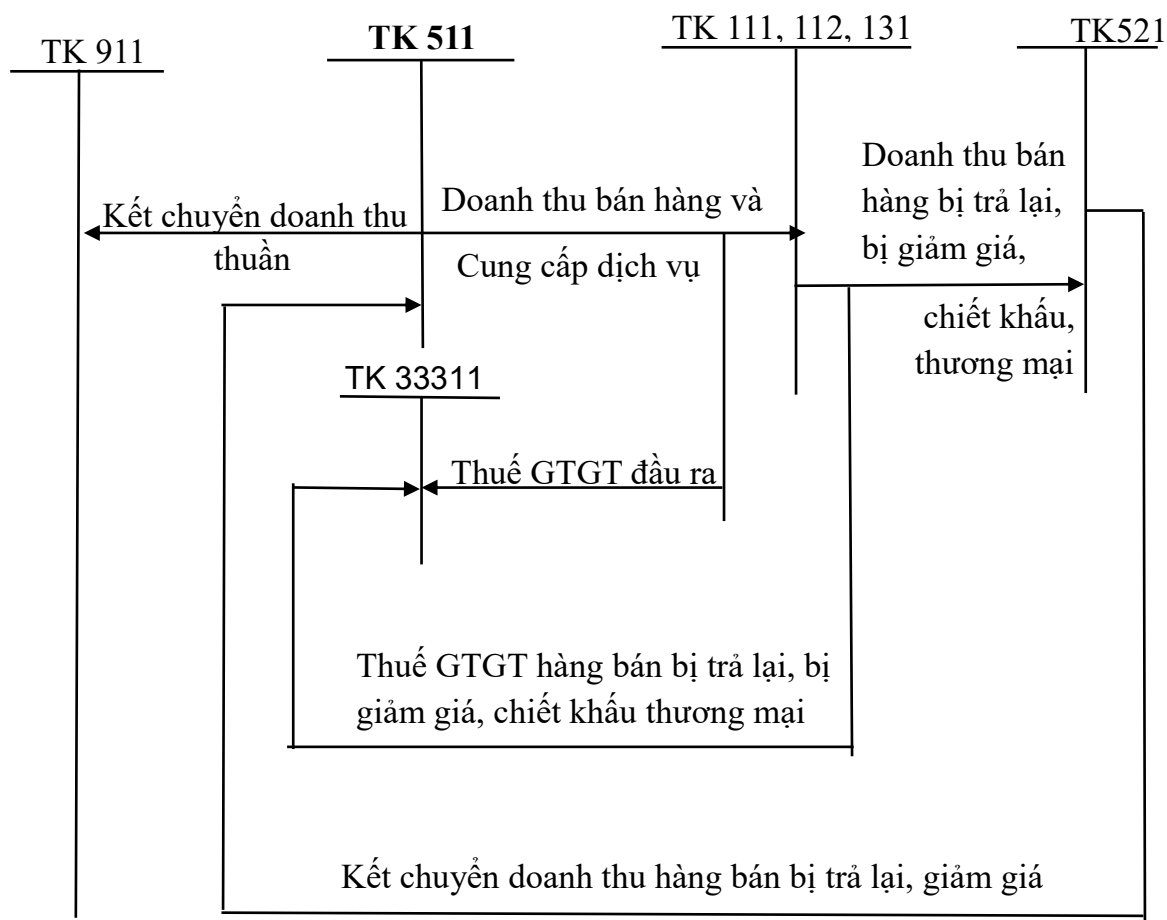
Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511

Nợ	Tài khoản 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ; - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ; - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán
		

TK 511: Không có số dư cuối kỳ

1.3.6. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.7. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24)

1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1. Nội dung

Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng và hàng đã bán đã bị trả lại.

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Chiết khấu thương mại với ba hình thức cụ thể:

- Chiết khấu thương mại theo từng lần mua hàng: trên hóa đơn GTGT ghi giá bán đã chiết khấu thương mại danh cho khách hàng, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT.
- Chiết khấu thương mại sau nhiều lần mua hàng (mua nhiều lần lần số lượng lớn): số tiền chiết khấu được điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng lần mua cùng hoặc kỳ kế tiếp.
- Chiết khấu thương mại sau khi kết thúc chương trình (sau khi xuất hóa đơn bán hàng mới tính chiết khấu trong kỳ): lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn,

số tiền, tiền thuế cần điều chỉnh. Căn cứ hóa đơn điều chỉnh bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán và đầu ra, đầu vào.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Doanh nghiệp tiến hành giảm giá hàng bán.

Giá trị hàng bán bị trả lại: là khoản dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.4.2. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Biên bản chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Biên bản giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Biên bản trả lại hàng bán
- + Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Theo khoản 2 Điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ, kế toán sử dụng TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2

Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại

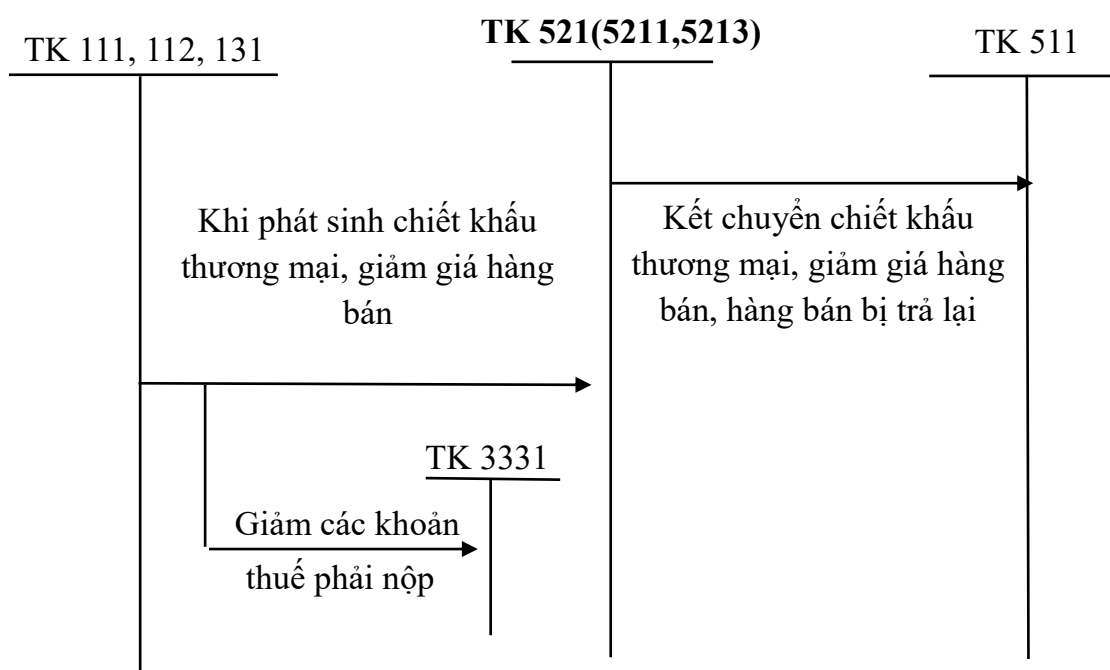
Tài khoản 5213- Giảm giá hàng bán

Kết cấu và nội dung phản ánh của 521

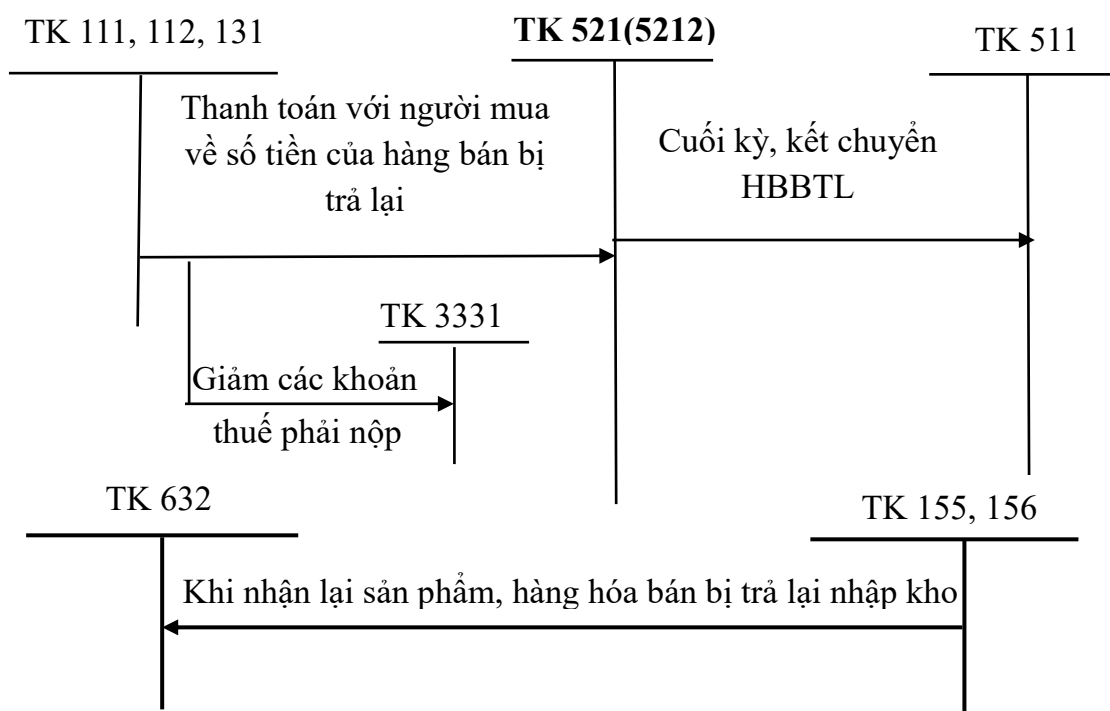
Nợ	Tài khoản 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng - Doanh thu của hàng hóa bị trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo

TK 521: Không có số dư cuối kỳ

1.4.4. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.2: Hạch toán phản ánh số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán



Sơ đồ 1.3: Hạch toán trường hợp hàng bán bị trả lại.

1.4.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24)

1.5. Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.1. Nội dung

Theo khoản 1 Điều 89 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Giá vốn hàng bán bao gồm: giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

1.5.2. Các phương pháp tính giá xuất kho

1.5.2.1 Phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp thực tế đích danh là phương pháp giá xuất kho được tính theo đúng chính xác với giá mua của hàng tồn kho đó. Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hàng tồn kho rất chặt chẽ để có thể nhận diện chính xác được từng lô hàng, từng loại hàng tồn kho, từng lần mua vào và đơn giá theo từng hóa đơn mặt hàng của chúng. Phương pháp này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định, hàng tồn kho có giá trị lớn và có thể nhận diện được.

1.5.2.2 Phương pháp bình quân gia quyền.

Giá xuất kho theo phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi được nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp, cụ thể:

Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền, gồm: 2 phương pháp

- Phương pháp bình quân thời điểm:

Sau mỗi lần nhập kho thì kế toán phải tiến hành xác định lại đơn giá bình quân mới nhất để làm căn cứ tính giá xuất kho:

$$\text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ mua và nhập ở lần nhập } t}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập } t}$$

$$\text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} = \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng} \times \text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t$$

- Phương pháp bình quân cả kỳ:

Đơn giá bình quân cho từng mặt hàng được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại } i = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng } i \text{ nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá thực tế hàng } i \text{ xuất kho} = \text{Số lượng hàng } i \text{ xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân của hàng tồn kho loại } i$$

1.5.2.3 Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

1.5.2.4 Phương pháp giá bán lẻ

Phương pháp này được áp dụng trong ngành bán lẻ để tính giá trị hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác như các đơn vị kinh doanh siêu thị.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

1.5.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê chi tiết nhập xuất tồn
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

1.5.4. Tài khoản sử dụng

Theo khoản 2.1 Điều 89 Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh giá vốn hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của 632:

Nợ

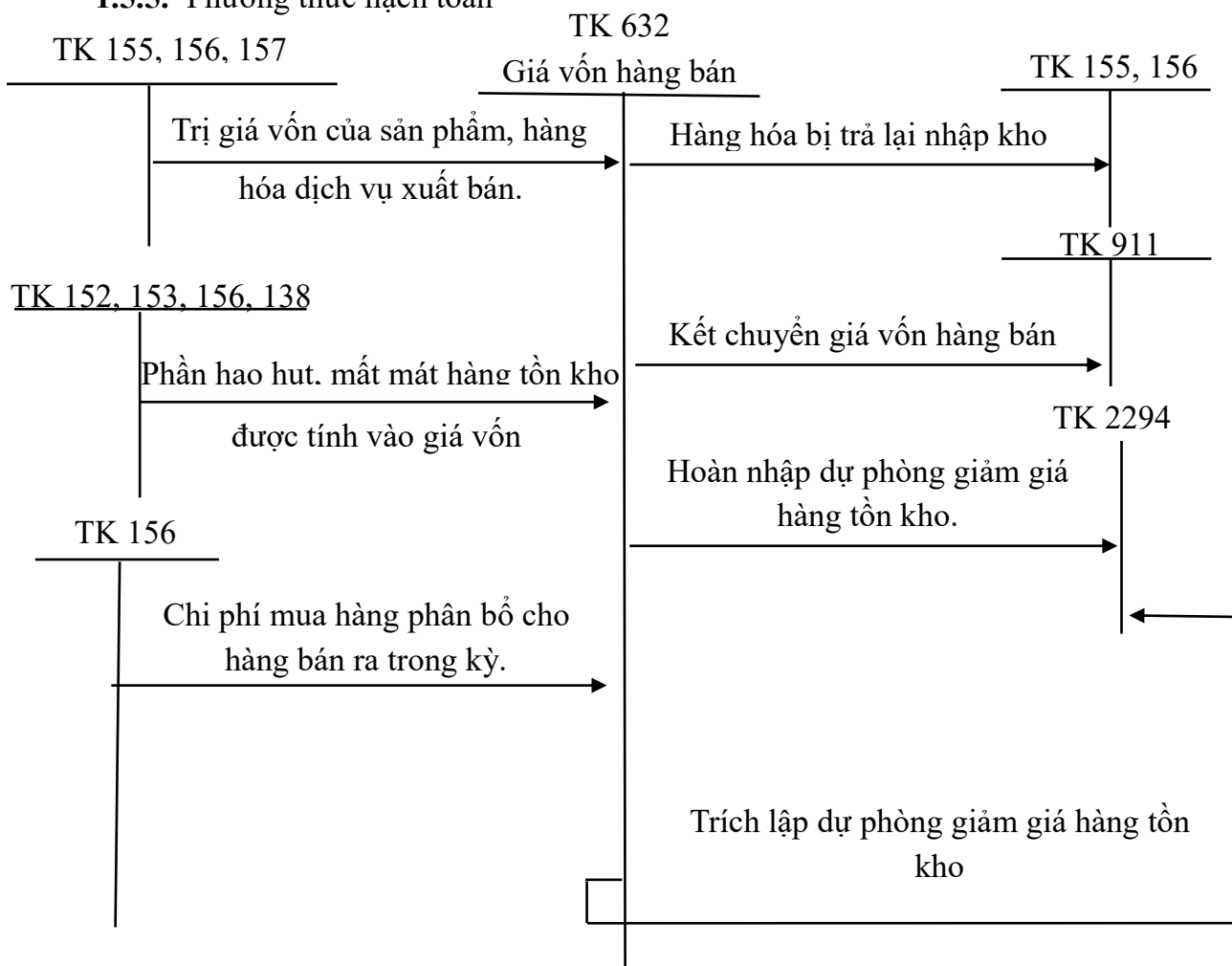
Tài khoản 632

Có

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh: + Số khấu hao BĐS đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ; + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh). - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
---	--

Tài khoản 632: Không có số dư cuối kỳ

1.5.5. Phương thức hạch toán



Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn bán hàng

1.5.6. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24)

1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.6.1. Nội dung

Theo khoản 1 Điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.6.2. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng hoặc thoả thuận tài chính: Đây là các hợp đồng với các bên liên quan như hợp đồng vay, đầu tư, cho thuê tài sản, hoặc hợp đồng cổ tức từ các công ty con, liên kết.

- Chứng từ thu lãi vay: Khi doanh nghiệp nhận được lãi suất từ các khoản vay, chứng từ bao gồm thông báo lãi từ bên vay, hoặc bảng thanh toán lãi từ ngân hàng, tổ chức tài chính.

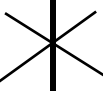
- Thông báo cổ tức: Nếu doanh nghiệp có cổ phần trong các công ty khác, chứng từ cổ tức từ các công ty này cần được ghi nhận, thường là thông báo cổ tức hàng năm hoặc quý từ công ty phát hành cổ phiếu.

- Giấy chứng nhận đầu tư: Các chứng từ liên quan đến đầu tư tài chính, như giấy chứng nhận cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán.

1.6.3. Tài khoản sử dụng

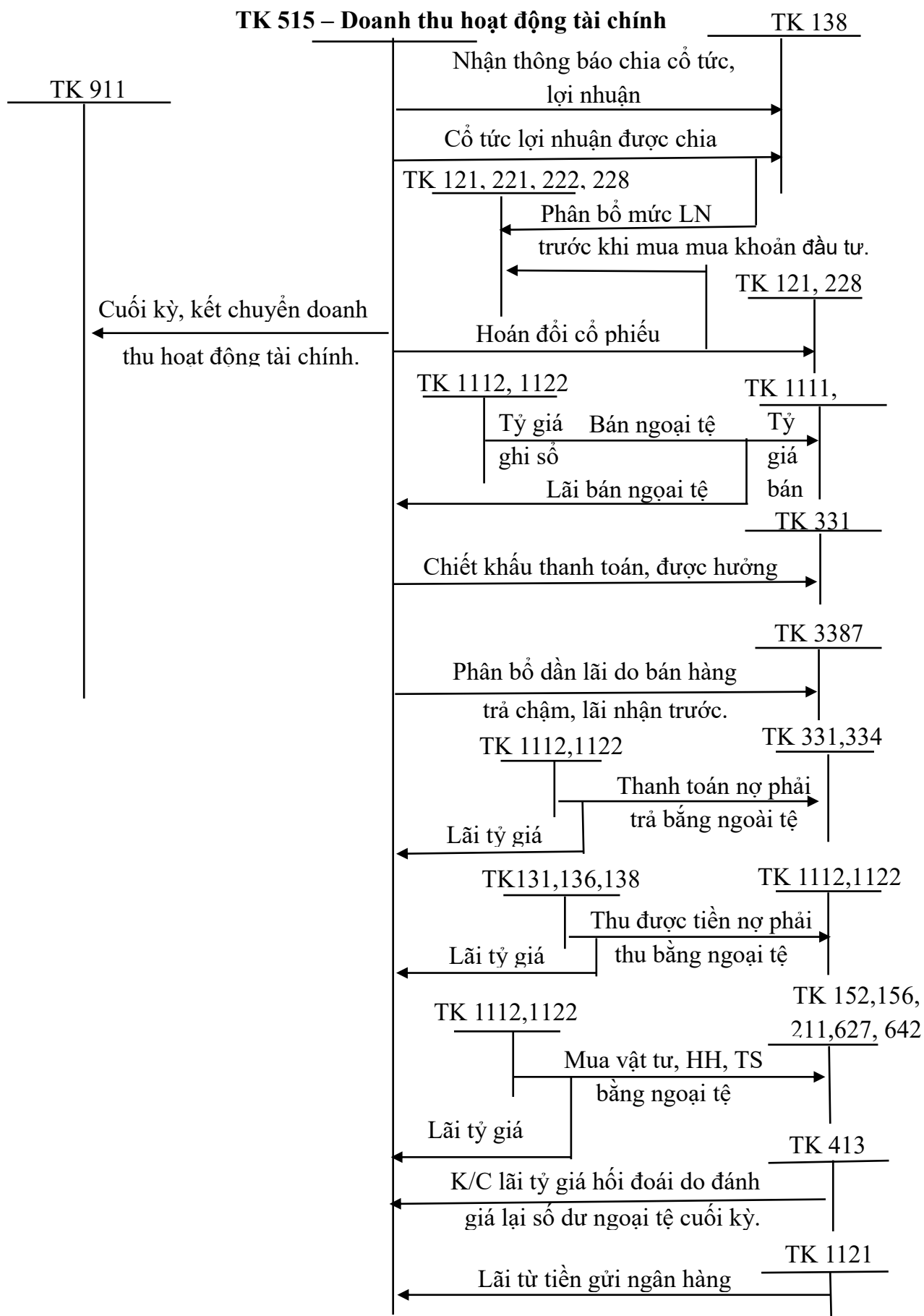
Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh Doanh thu hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 515 –Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của 515

Nợ	Tài khoản 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515: không có số dư cuối kỳ

1.6.4. Phương thức hạch toán



Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.6.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24)

1.7. Kế toán chi phí tài chính

1.7.1. Nội dung

Chi phí tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi chí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.
- Các khoản lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng

khoản.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

- Các khoản lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ khi phát sinh bán ngoại tệ.

1.7.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Phiếu tính lãi đi vay

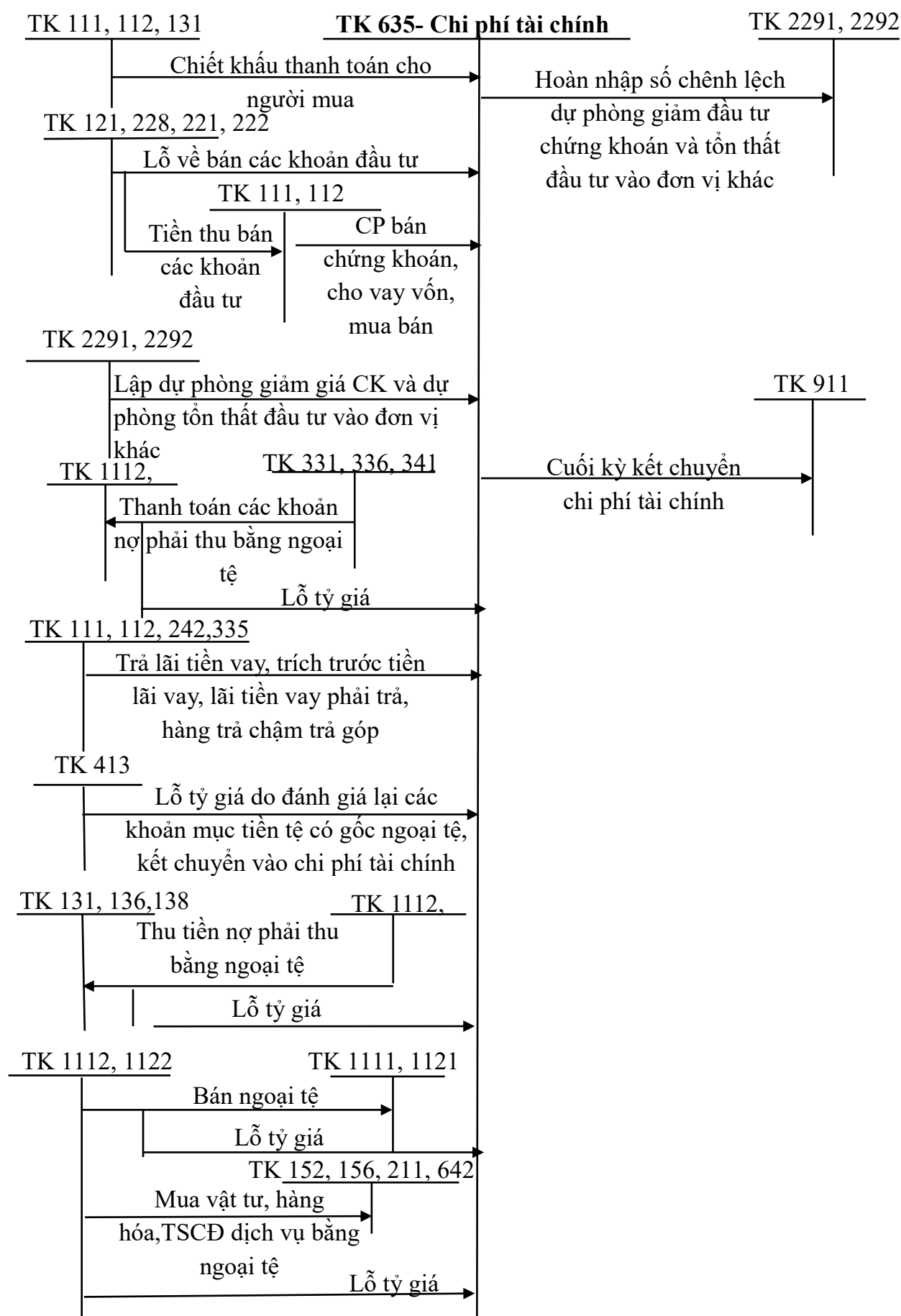
1.7.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh chi phí tài chính thực tế phát sinh trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của 635

Nợ	Tài khoản 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính; - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
TK 635: Không có số dư cuối kỳ		

1.7.4. Phương thức hạch toán



Sơ đồ 1.6: Hạch toán chi phí tài chính

1.7.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC (Phụ lục 24)

1.8. Kế toán chi phí bán hàng

1.8.1. Nội dung

Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí bảo hành
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

1.8.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn dịch vụ
- Phiếu chi tiền mặt, ủy nhiệm chi
- Phiếu xuất kho
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ CCDC

1.8.3. Tài khoản sử dụng.

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 641 – Chi phí bán hàng. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2.

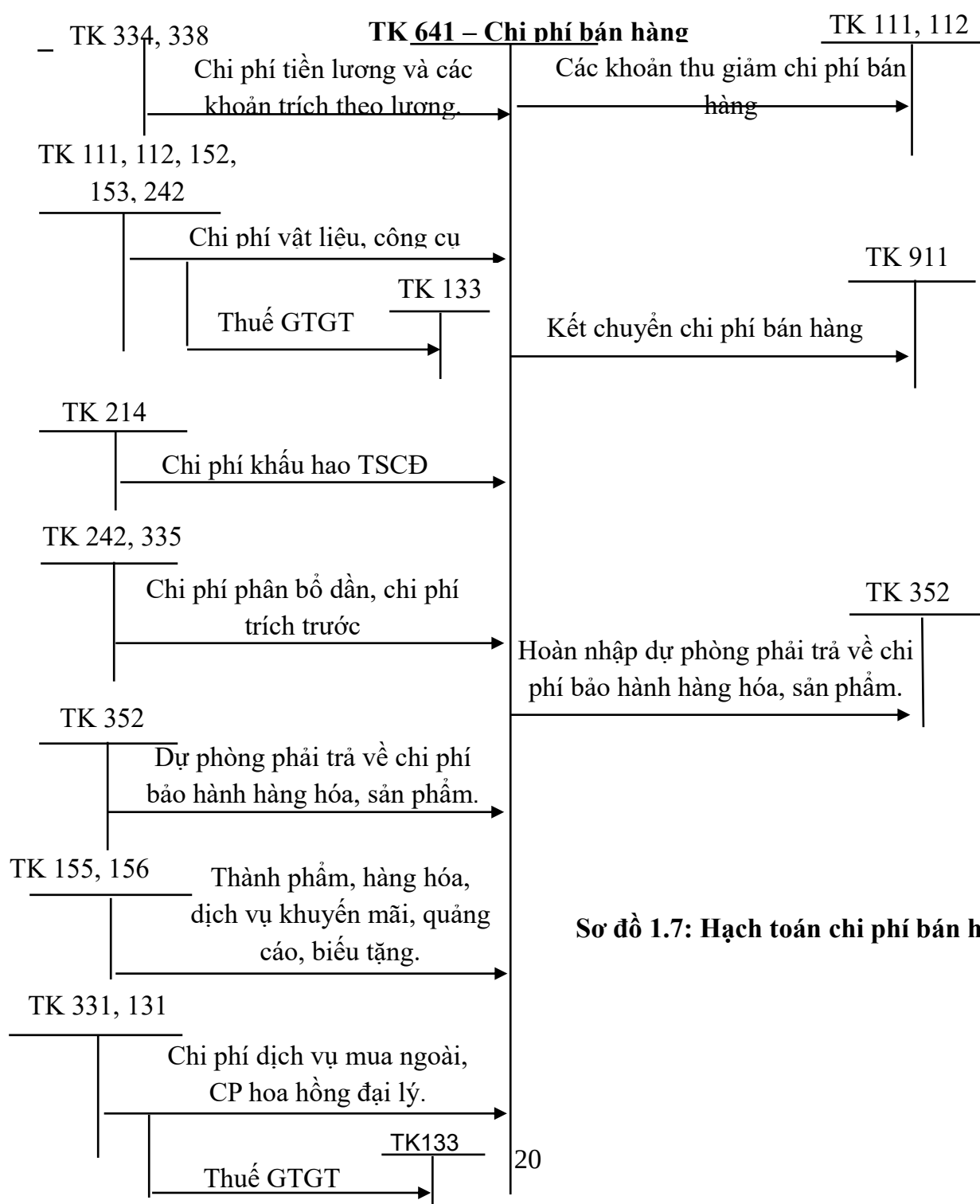
- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu và nội dung phản ánh của 641

Nợ	Tài khoản 641	Có
- Phản ánh các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.	✕	- Các khoản chi phí được giảm trong kỳ - Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

TK 641: Không có số dư cuối kỳ

1.8.4. Phương thức hạch toán



1.8.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với TT200/2014/TT-BTC (Phụ lục 641)

1.9. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.9.1. Nội dung

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

1.9.2. Chứng từ sử dụng

- Bảng lương và các khoản trích theo lương.
- Hợp đồng thuê văn phòng, thuê tài sản
- Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc dịch vụ
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ CCDC

1.9.3. Tài khoản sử dụng

Theo khoản 2 Điều 92 Thông tư 200/2014/TT-BTC, Tài khoản 642

Chi phí quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý

Tài khoản 6422 - Chi phí nguyên vật liệu quản lý

Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng

Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí

Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng

Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

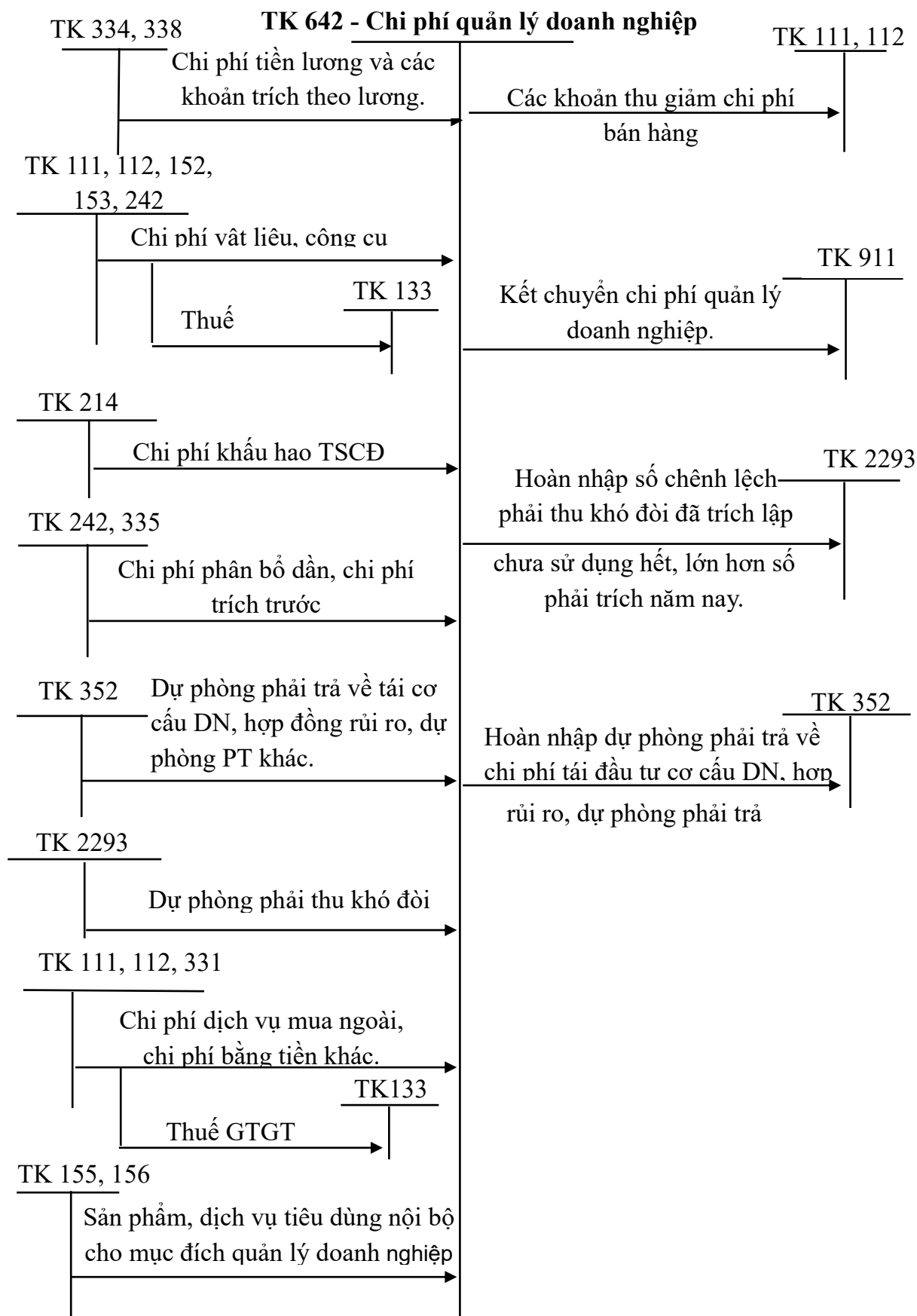
Chi phí quản lý doanh nghiệp - TK 642: Không có số dư cuối kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 642:

Nợ	Tài khoản 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
	✕	

TK 642: Không có số dư cuối kỳ

1.9.4. Phương thức hạch toán



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.9.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC. (Phụ lục 24)

1.10. Kế toán thu nhập khác

1.10.1.Nội dung

Theo khoản 1, Điều 93, Thông tư 200/2014/TT-BTC

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.10.2.Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo có
- Giấy đề nghị thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.10.3. Tài khoản sử dụng

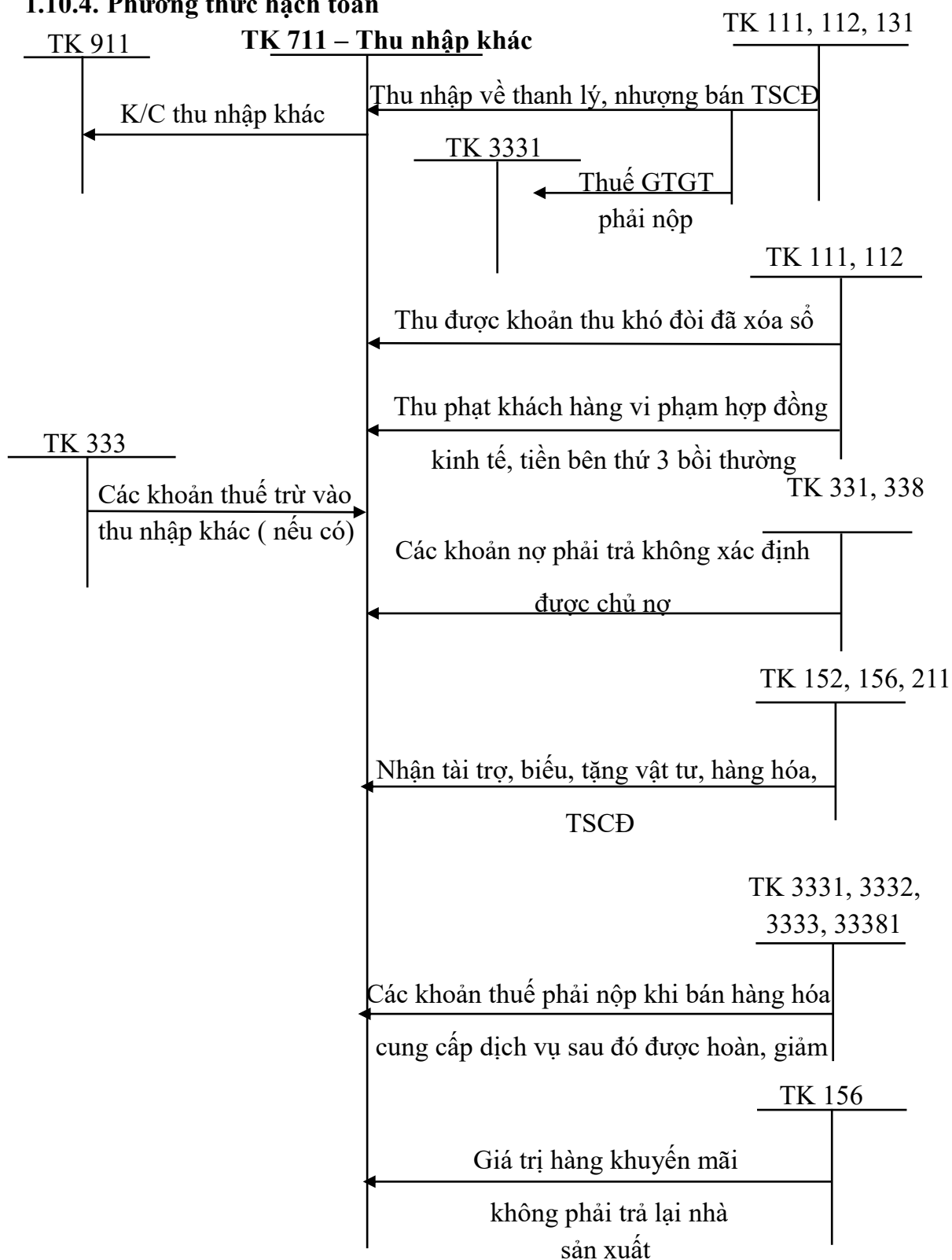
Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu và nội dung TK 711

Nợ	Tài khoản 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		

TK 711: Không có số dư cuối kỳ

1.10.4. Phương thức hạch toán



Sơ đồ 1.9: Hạch toán thu nhập khác

1.10.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC. (Phụ lục 24)

1.11. Kế toán chi phí khác

1.11.1. Nội dung

Theo Khoản 1, Điều 94, Thông tư 200/2014/TT-BTC

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.11.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Hợp đồng kinh tế

1.11.3. Tài khoản sử dụng

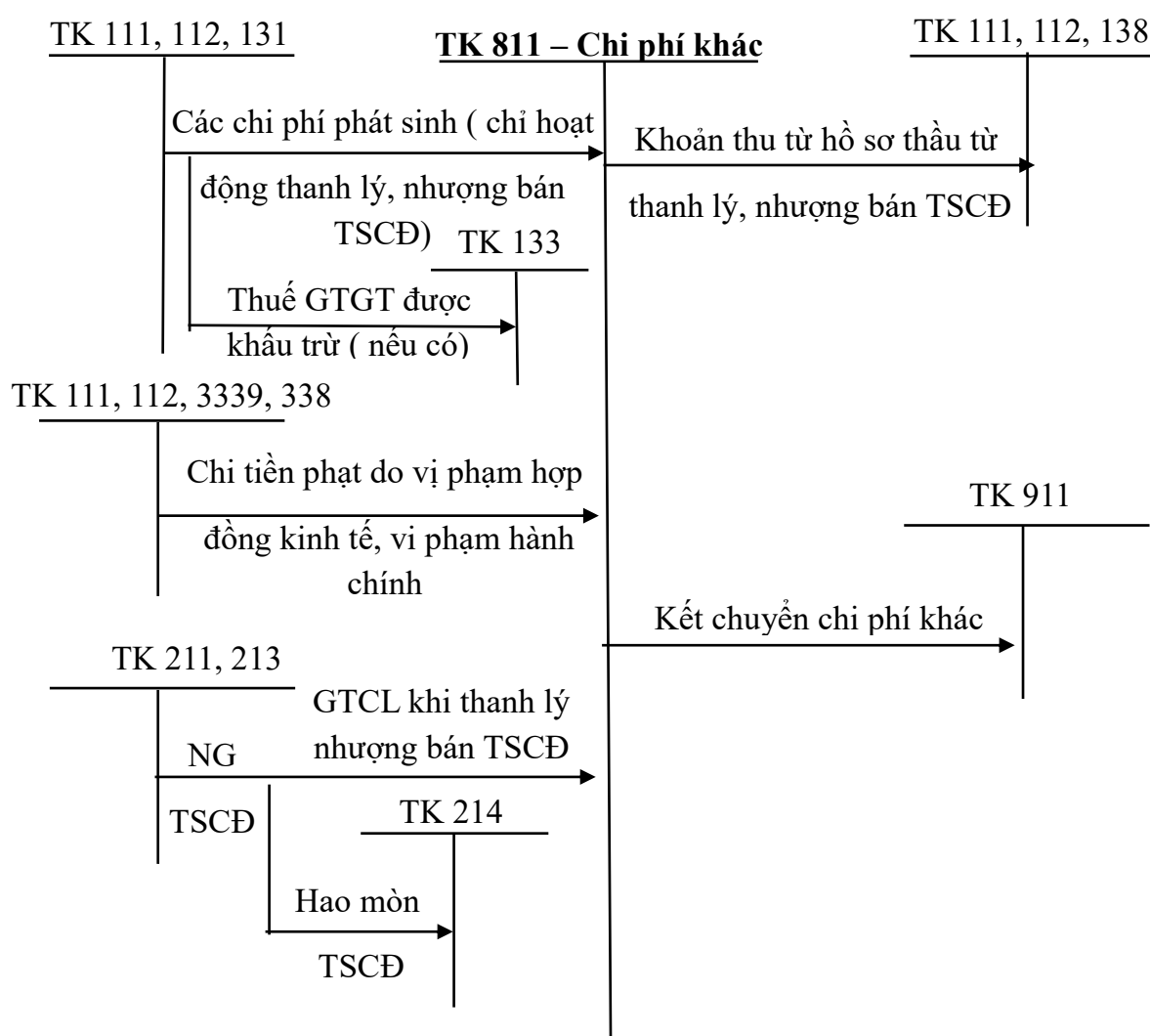
Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác.

Kết cấu và nội dung tài khoản 811:

Nợ	Tài khoản 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh.		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
	✕	

TK 811: Không có số dư cuối kỳ

1.11.4. Phương thức hạch toán



1.11.5. Một số điểm mới của Thông tư 99 so với Thông tư 200. (Phụ lục 24)

1.12. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.12.1. Nội dung

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập thực tế của các doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Công thức tính thuế:

Thu nhập chịu thuế = (Doanh thu – Chi phí được trừ) + các khoản thu nhập khác

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

Thuế thu nhập
doanh nghiệp phải nộp = (Thu nhập tính thuế - Phần trích lập khoa học công nghệ (nếu có)) x Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

1.12.2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi

1.12.3. Tài khoản sử dụng

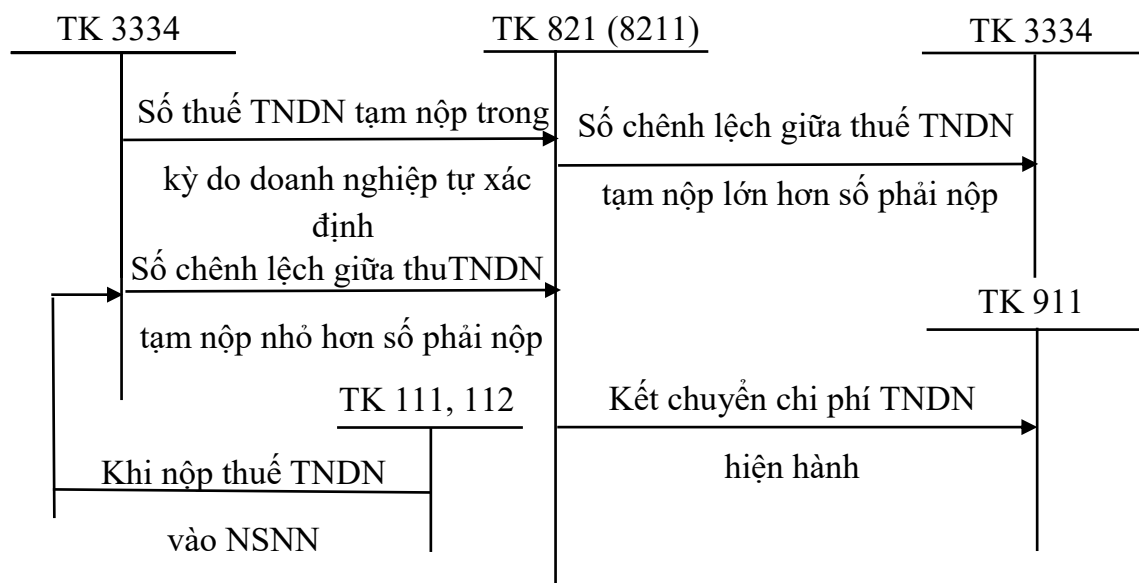
Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 821 – Chi phí khác.

Kết cấu tài khoản 821:

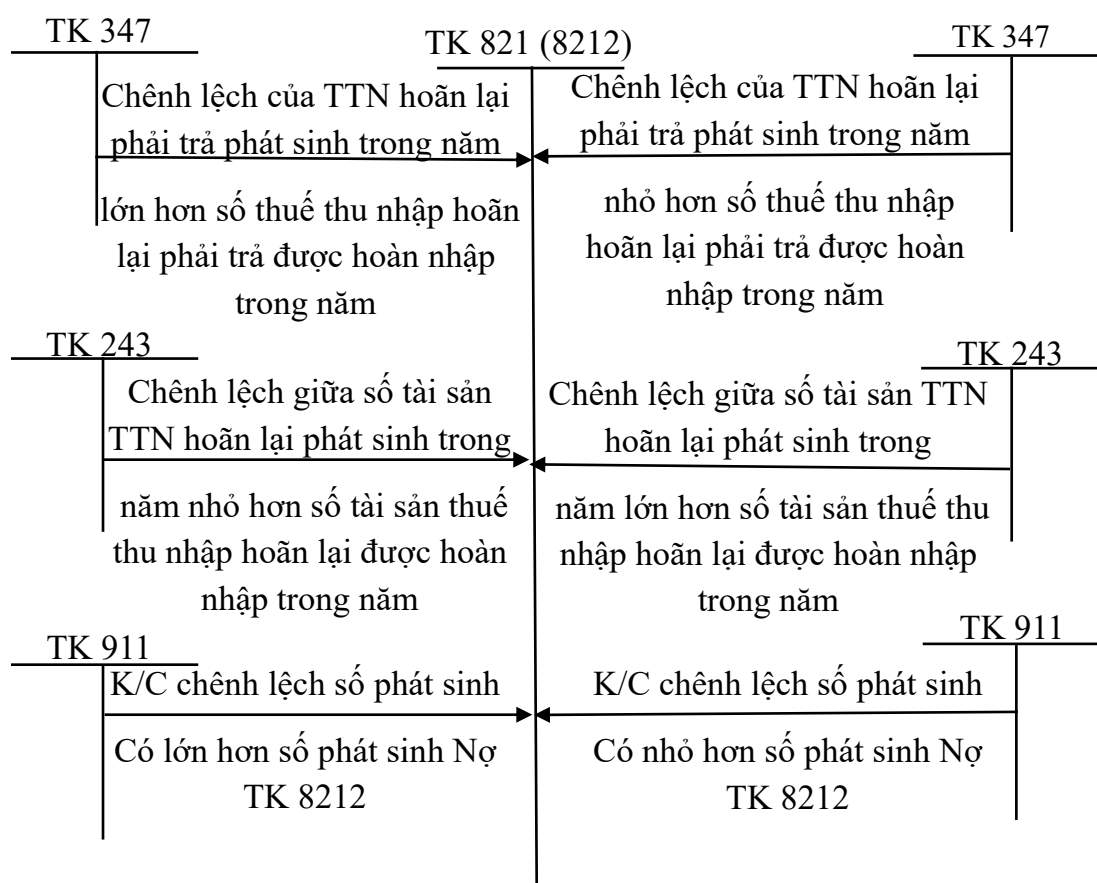
Nợ	Tài khoản 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm); - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	

Tài khoản 821: Không có số dư cuối kỳ

1.12.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

1.12.5. Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC. (Phụ lục 24)

1.13. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.13.1. Nội dung

Theo khoản 1, Điều 96, Thông tư 200/2014/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Các công thức tính lợi nhuận:

$$\text{Lợi nhuận gộp về BH và CCDV} = \text{Doanh thu thuần về BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về BH và CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

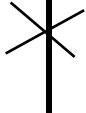
$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ HĐKD} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.13.2. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

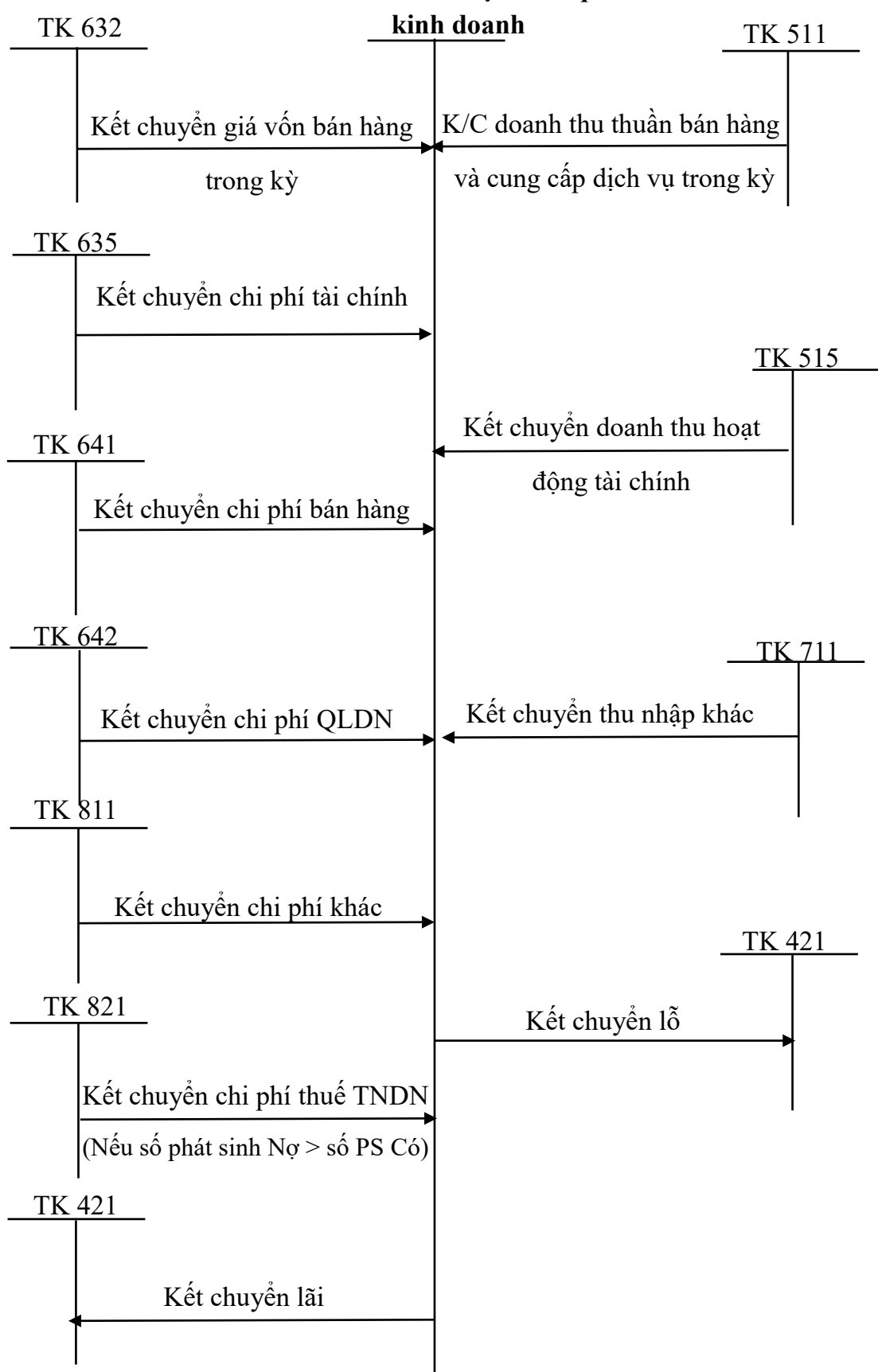
Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	Tài khoản 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
		

TK 911: Không có số dư cuối kỳ

1.13.3. Phương thức hạch toán

TK 911 - Xác định kết quả



Sơ đồ 1.13: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

2.1. Tổng quan về Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

2.1.1. Thông tin khái quát về Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng là một thương hiệu được kinh doanh dịch vụ lưu trú. Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng được hình thành trong chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú nhằm khai thác tiềm năng du lịch tại Đà Nẵng. Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng là một phần trong ngành nghề kinh doanh rộng hơn của công ty mẹ, tập trung vào lĩnh vực khách sạn, bất động sản, căn hộ dịch vụ, quản lý dự án và xây lắp (điện, công nghiệp, dân dụng), khách sạn 4 sao tọa lạc tại vị trí đắc địa 268 Võ Nguyên Giáp, đối diện biển Mỹ Khê, nổi bật với thiết kế hiện đại pha cổ điển, tiện nghi đầy đủ như hồ bơi, nhà hàng, spa có phòng gia đình, bãi đậu xe và phục vụ bữa sáng buffet đa dạng, được nhiều khách đánh giá cao về vị trí đẹp, dịch vụ chu đáo và không gian thoáng đãng, lý tưởng cho kỳ nghỉ dưỡng.

- Tên Công ty: Chi nhánh Công ty Cổ Phần 216 Tại Đà Nẵng
- Tên tiếng anh: BRANCH OF 216 JOINT STOCK COMPANY IN DA NANG
- Tên viết tắt: BRANCH OF 216 JOINT STOCK COMPANY IN DA NANG
- Địa chỉ trụ sở: Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0101324219-002
- Ngành kinh doanh chính: 5510 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Tình trạng: đang hoạt động
- Ngày hoạt động: 21-07-2016
- Biểu tượng của công ty:



- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Quản lý bởi: Thuế cơ sở 3 thành phố Đà Nẵng
- Người đại diện pháp luật: Đoàn Thị Vân Trang
- Giám đốc: Nguyễn Dương Quỳnh
- Website: [Nesta Danang Hotel - Nesta Hotel Group](#)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

(Phụ lục 1)

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Hình thành (Bối cảnh chung):

- Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng được thành lập và chính thức đi vào hoạt động vào ngày 21-07-2016

Phát triển của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng:

Trong quá trình hoạt động, Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và hoàn thiện công tác quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, từng bước hình thành và phát triển như sau:

Giai đoạn đầu khi thành lập:

- Hoàn thiện cơ sở vật chất
- Ổn định bộ máy tổ chức và nhân sự
- Triển khai các dịch vụ cơ bản như lưu trú, lễ tân, buồng phòng

Hoạt động kinh doanh thời kỳ này chủ yếu là nhằm xây dựng hình ảnh ban đầu và tiếp cận thị trường khách du lịch

Sau 1 tháng thành lập:

- Chuẩn hóa quy trình phục vụ
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và đội ngũ nhân viên
- Mở rộng các dịch vụ bổ trợ như giặt là, đưa đón sân bay, tư vấn du lịch
- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ
- Tăng cường hoạt động marketing, đặt phòng qua các nền tảng trực tuyến
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý đặt phòng và chăm sóc khách hàng

Sau khi đi vào hoạt động ổn định, khách sạn từng bước tạo được uy tín với khách hàng. Doanh thu và lượng khách lưu trú có xu hướng tăng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh

Giai đoạn hiện tại:

Đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, được khách du lịch chú ý đến và chọn là nơi nghỉ dưỡng mỗi khi du lịch, đóng vai trò là đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú quan trọng của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

Điểm nổi bật:

- Hệ thống: Là một phần của chuỗi khách sạn thừa hưởng kinh nghiệm quản lý và xây dựng thương hiệu từ công ty mẹ.
- Sự kiện: Nổi tiếng với các không gian tổ chức sự kiện linh hoạt, đáp ứng nhu cầu đa dạng từ hội thảo đến tiệc cưới

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

2.1.3.1. Lĩnh vực kinh doanh

Ngành nghề theo đăng ký kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng:

5510 - dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Trong đó kèm theo các ngành nghề kinh doanh như:

1104 – Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng

7710 – Cho thuê xe có động cơ

7911 – Đại lý du lịch

1622 – Sản xuất đồ gỗ xây dựng

2394 – Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

2592 – Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

4210 – Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

4311 – Phá dỡ

4321 – Lắp đặt hệ thống điện

4330 – Hoàn thiện công trình xây dựng

4541 – Bán mô tô, xe máy

4543 – Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô và xe máy

.....

2.1.3.2. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng sử dụng các phương thức bán hàng đa dạng, tập trung vào phân phối qua kênh doanh nghiệp, kênh trực tuyến, và kênh trực tiếp, kết hợp kinh nghiệm thị trường quốc tế, chuyên viên sale am hiểu sản phẩm và tận dụng công nghệ số, nhằm tiếp cận nhiều phân khúc khách hàng từ khách đoàn, khách lẻ (cặp đôi, gia đình) đến khách công tác, qua đó tối ưu hóa doanh thu và trải nghiệm đặt phòng.

Các kênh phân phối chính:

- Kênh Doanh nghiệp: Khách sạn ký hợp đồng hợp tác với công ty lữ hành, doanh nghiệp có nhu cầu đặt phòng số lượng lớn. Thương lượng chiết khấu, và tạo các gói dịch vụ độc đáo, đồng thời có chính sách giá tốt, dịch vụ chất lượng và kênh kết nối rõ ràng (qua điện thoại, email, hoặc số hotline) để công ty lữ hành có thể dễ dàng book phòng và nhận hoa hồng.

- Kênh Trực tuyến: Bán phòng qua trang Agoda và kênh Website chính thức (nestahotel.com.vn). Khách sạn kết nối với ứng dụng Agoda thông qua nền tảng Yield control system: là một hệ thống kiểm soát giá và phòng được sử dụng ở khách sạn trên nền tảng trực tuyến Agoda), để chủ khách sạn đăng ký, quản lý thông tin phòng ốc, giá

cả và tình trạng phòng trống, đồng bộ dữ liệu và hiển thị phòng tới hàng triệu du khách toàn cầu.

- Kênh Trực tiếp: Khách hàng đặt phòng trực tiếp qua điện thoại, email hoặc tại quầy lễ tân.

2.1.3.3. Phương thức thanh toán

Tiền mặt (Cash): Thanh toán trực tiếp tại khách sạn.

Thẻ tín dụng/ghi nợ (Credit/Debit Card): Chấp nhận các loại thẻ phổ biến (Visa, Mastercard, Amex).

Thanh toán trực tuyến: Qua các website như Booking.com, VietNam Booking

Chuyển khoản ngân hàng (Bank Transfer): Có thể áp dụng cho các giao dịch lớn hoặc đặt qua đối tác.

Ví điện tử/Mã QR: Các hình thức hiện đại này có thể được hỗ trợ tùy theo chính sách của khách sạn.

2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng

2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Về cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng có tổng số 90 người, được phân bổ hợp lý cụ thể như sau:

- Điều hành công ty 1 người
- Bộ phận kế toán gồm 6 người: 1 kế toán trưởng và 5 kế toán viên
- Bộ phận nhân sự gồm 2 người
- Bộ phận công nghệ thông tin gồm 2 người
- Bộ phận spa gồm 4 người
- Bộ phận bếp gồm 19 người
- Bộ phận buồng phòng gồm 19 người
- Bộ phận nhà hàng gồm 13 người
- Bộ phận kỹ thuật gồm 7 người
- Bộ phận tiền sảnh gồm 17 người



2.2.2. Chức năng từng bộ phận

- Giám Đốc công ty

Đảm nhận chức vụ Giám Đốc công ty là ông Nguyễn Dương Quỳnh có chức năng quản lý toàn diện, điều hành hoạt động kinh doanh, tài chính, nhân sự; đảm bảo chất lượng dịch vụ, vận hành hiệu quả giữa các bộ phận, thực hiện các chiến lược kinh doanh, đối ngoại, chăm sóc khách hàng và chịu trách nhiệm về lợi nhuận, tài sản, báo cáo kết quả hoạt động cho cấp trên.

- Trợ lý giám đốc

Đảm nhận chức vụ trợ lý giám đốc là bà Kiều Ngọc Thảo có chức năng hỗ trợ giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động, làm cầu nối giữa cấp trên và các phòng ban, quản lý lịch trình, sắp xếp cuộc họp, tham mưu chiến lược, giải quyết vấn đề phát sinh, giám sát nhân viên, xử lý khiếu nại khách hàng và đảm bảo chất lượng dịch vụ, nhằm tối ưu vận hành và nâng cao hiệu quả kinh doanh cho khách sạn.

- Bộ phận kinh doanh tiếp thị

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận kinh doanh tiếp thị là bà Cao Tiểu Ngọc có chức năng lập và triển khai kế hoạch kinh doanh, nghiên cứu thị trường và xu hướng khách hàng để xây dựng chiến lược phù hợp; quản lý quảng bá thương hiệu, quảng cáo và thúc đẩy bán hàng, báo cáo định kỳ cho Tổng giám đốc; theo dõi và nhắc nhở bộ phận kinh doanh về kế hoạch đề ra, tiếp đón khách hàng khi đến văn phòng; tìm kiếm, khai thác khách hàng sử dụng dịch vụ nhà hàng, hội nghị và tiệc.

- Bộ phận kế toán – tài chính

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Kế Toán là ông Trương Minh Thịnh có chức năng kiểm soát biến động tài chính khách sạn; lập chứng từ xác định kết quả kinh doanh của toàn khách sạn và của từng bộ phận; quản lý và giám sát thu, chi nhằm ngăn chặn thất thoát hoặc rủi ro tài chính. Tham mưu với ban Giám Đốc, cung cấp thông tin số liệu tài chính để hỗ trợ đưa ra quyết định. Phân tích tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và dự báo nguồn tài chính cho khách sạn. Đại diện khách sạn làm việc với cơ quan thuế, thanh tra, kiểm toán....

- Bộ phận hành chính – nhân sự

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Hành chính - Nhân Sự là bà Lê Xuân Mai có chức năng tổ chức và sắp xếp cán bộ, nhân viên; ban hành các thể chế, quy chế làm việc; đánh giá, theo dõi quá trình làm việc của nhân viên các bộ phận và tiếp nhận ý kiến từ cấp trên cũng như thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện hiệu suất làm việc; tổ chức tuyển dụng và đào tạo nhân viên.

- Bộ phận công nghệ thông tin

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận công nghệ thông tin là ông Trần Quang Huy có chức năng chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến Công nghệ thông tin trong khách sạn, quản lý và vận hành hệ thống máy tính, mạng LAN, internet, Wifi, và thiết bị ngoại vi. Đồng thời, hỗ trợ nhân viên và khách lưu trú về các vấn đề liên quan đến công nghệ thông tin. Ngoài ra, bộ phận này còn có nhiệm vụ thiết kế tờ rơi, quảng cáo, banner, theo yêu cầu của quản lý.

- Bộ phận An Ninh

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận An Ninh là ông Lê Minh Bảo thực hiện tuần tra và canh gác theo ca, luôn ở tư thế sẵn sàng để xử lý mọi sự cố an ninh; trông giữ xe cho khách và nhân viên các bộ phận khác của khách sạn; hỗ trợ bộ phận lễ tân trong việc hướng dẫn và chuyển hành lý của khách vào và ra khỏi khách sạn; hỗ trợ các bộ phận khác trong khách sạn để đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động hàng ngày.

- Bộ phận Kỹ Thuật

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Kỹ Thuật là ông Lê Đình Sang có chức năng kiểm tra, bảo trì thường xuyên các thiết bị trong khách sạn; sửa chữa các công cụ, thiết bị khi có yêu cầu từ bộ phận khác; thực hiện công việc trang trí sân khấu, chuẩn bị âm thanh cho hội trường, hội thảo khi có yêu cầu.

- Bộ phận Lễ Tân

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Lễ Tân là bà Nguyễn Quang Kim Châu có chức năng đón tiếp, nhận, giải quyết mọi yêu cầu của khách hàng và chuyển thông tin của khách hàng đến các bộ phận liên quan; hướng dẫn khách và thực hiện các thủ tục đăng ký, trả phòng; thu phí nếu khách hàng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ khác trong

khách sạn. Đồng thời, bộ phận này còn có nhiệm vụ lưu trữ thông tin của khách lên hệ thống, báo cáo tình hình hoạt động cho quản lý, liên kết và hỗ trợ các bộ phận khác để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bộ phận chăm sóc khách hàng

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận chăm sóc khách hàng là bà Võ Thị Kim Tuyền có chức năng quản lý toàn bộ hoạt động tương tác, hỗ trợ, giải quyết vấn đề và xây dựng mối quan hệ với khách hàng, đảm bảo sự hài lòng cao nhất.

- Bộ phận Bếp

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Bếp là ông Huỳnh quốc Kỳ có chức năng chịu trách nhiệm điều hành và giám sát toàn bộ hoạt động của bộ phận bếp; đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý hàng hóa, công cụ cũng như đào tạo nhân viên bếp; chế biến món ăn, sáng tạo thực đơn và giám sát công việc nấu nướng cũng như kiểm soát và xử lý sự cố phát sinh trong quá trình nấu.

- Bộ phận Nhà hàng

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Bếp là bà Huỳnh quốc Kỳ có chức năng quản lý và giám sát tất cả các hoạt động của quầy bar, đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm và dịch vụ được duy trì; chịu trách nhiệm pha chế đồ uống theo yêu cầu của khách tại quầy bar hoặc quán cà phê; phục vụ thực khách tại nhà hàng hoặc địa điểm kinh doanh ẩm thực, từ tiếp đón đến bưng bê đồ ăn và đồ uống. Ngoài ra, vị trí này còn có nhiệm vụ đảm bảo an toàn thực phẩm, tuân thủ các quy định vệ sinh.

- Bộ phận Spa

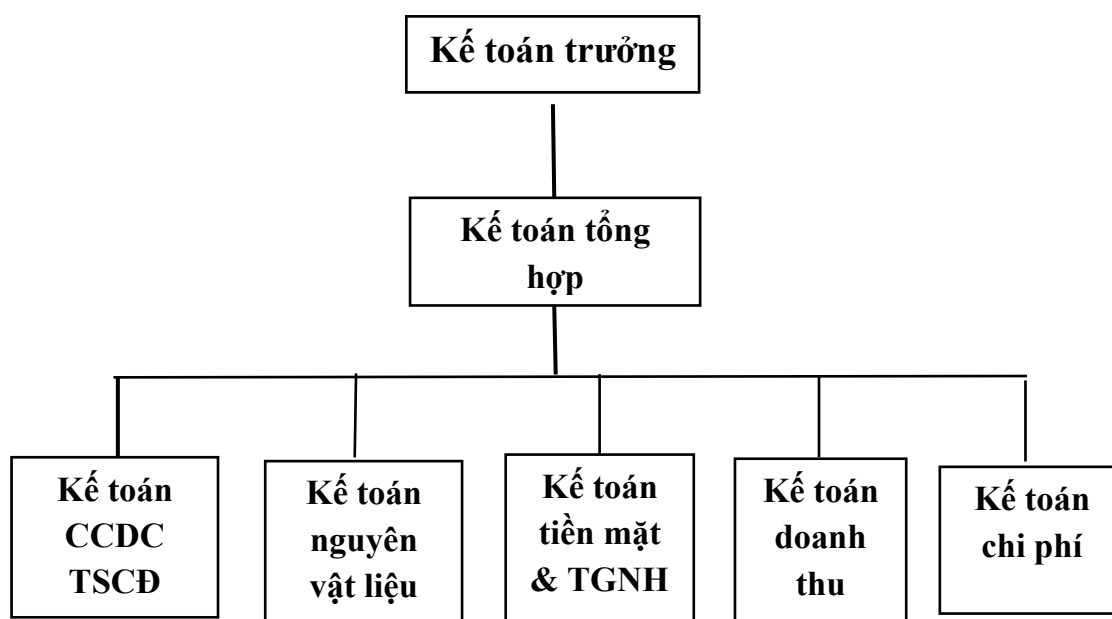
Đảm nhận chức vụ trưởng bộ phận spa là bà Bùi Thị Mai quản lý vận hành toàn bộ dịch vụ spa/massage, trị liệu, đảm bảo trải nghiệm thư giãn, hiệu quả cho khách hàng.

- Bộ phận Phòng Buồng

Đảm nhận chức vụ Trưởng bộ phận Phòng Buồng là bà Trần Thị Thanh, bộ phận Housekeeping thực hiện việc chuẩn bị buồng và đảm bảo phòng luôn sẵn sàng đón khách, phục vụ riêng cho khách VIP; thực hiện vệ sinh hàng ngày của buồng phòng và các khu vực công cộng; kiểm tra tình trạng phòng, thiết bị và vật dụng khi thực hiện vệ sinh; nhận và giao các dịch vụ phục vụ khách, báo cáo vấn đề liên quan cho bộ phận lễ tân; nắm bắt tình hình khách thuê phòng và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận khác để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

2.3. Tổ chức kế toán tại công ty

2.3.1. Bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.1: Bộ máy kế toán

2.3.2. Chức năng từng bộ phận

- Kế toán trưởng

Là người trực tiếp điều hành công tác kế toán của công ty, có nhiệm vụ phụ trách chung, chịu trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo tài chính. Kế toán trưởng liên hệ chặt chẽ với phó Tổng giám đốc kinh doanh, tham mưu cho ban Tổng giám đốc về các chính sách Tài chính – kế toán của công ty, ký duyệt các tài liệu kế toán. Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của công ty.

- Kế toán tổng hợp

Thực hiện việc tổng hợp, đối chiếu và kiểm tra số liệu giữa các phần hành kế toán. Thực hiện các bút toán kết chuyển, phân bổ cuối kỳ; lập các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và cung cấp thông tin tài chính do Ban Giám Đốc yêu cầu.

- Kế toán CCDC – TSCĐ

Xử lý nhiệm vụ theo dõi tài sản cố định, công cụ dụng cụ của khách sạn: nhập liệu số liệu, hạch toán khấu hao, kiểm kê tăng – giảm định kỳ. Chịu trách nhiệm đảm bảo rằng tình trạng, giá trị và nguồn gốc tài sản được ghi nhận đầy đủ và đúng thời gian.

- Kế toán nguyên vật liệu

Kế toán nguyên vật liệu nhận đơn từ thư ký bếp và các bộ phận đề gọi hàng từ nhà cung cấp. Quản lý và kiểm soát toàn bộ nghiệp vụ nhập hàng - xuất hàng - hàng tồn kho của khách sạn, từ nguyên vật liệu tiêu dùng ở nhà hàng, minibar, đến spa, hóa chất. Kế toán lập phiếu nhập kho – phiếu xuất kho, kiểm kê định kỳ và tính toán định mức tiêu hao để tránh thất thoát.

- Kế toán tiền mặt & TGNH

Quản lý thu chi tiền mặt, thu/chi qua ngân hàng, đối chiếu số dư tiền mặt và ngân hàng, lập báo cáo quỹ, báo cáo thu chi, quản lý công nợ phải thu/phải trả liên quan đến tiền. Cung cấp thông tin minh bạch về tình hình tài chính, dòng tiền, hỗ trợ thanh toán, kiểm soát các giao dịch tiền tệ, hỗ trợ kiểm toán.

- Kế toán doanh thu

Kế toán doanh thu có nhiệm vụ tổ chức theo dõi và hạch toán toàn bộ doanh thu cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng, ăn uống phát sinh. Hằng ngày, căn cứ vào báo cáo bán hàng, bảng kê doanh thu và chứng từ thu tiền do bộ phận lễ tân thu. Kế toán doanh thu thực hiện kiểm tra đối chiếu số liệu giữa báo cáo doanh thu, phiếu thu, sao kê tiền mặt- tiền gửi ngân hàng và dữ liệu trên hệ thống bán hàng nhằm đảm bảo doanh thu được ghi nhận đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Kế toán chi phí

Kế toán chi phí chịu trách nhiệm theo dõi, hoạch toán toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Các khoản chi phí bao gồm chi phí điện nước, chi phí nguyên vật liệu phục vụ dịch vụ, chi phí sửa chữa, cũng như các chi phí quản lý doanh nghiệp khác. Kế toán chi phí thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hóa đơn đầu vào, phân loại chi phí và hạch toán vào các tài khoản kế toán phù hợp theo quy định hiện hành.

2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

- Niên độ của kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Kỳ kế toán: năm

- Đơn vị tiền sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ)

- Hệ thống tài khoản kế toán hiện hành tại Việt Nam theo thông tư 200/2014/TT- BTC của bộ tài chính.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: bình quân gia quyền theo thời điểm

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ.

- Hình thức ghi sổ: hình thức Nhật ký chung
- Phần mềm kế toán sử dụng: Phần mềm kế toán Smile
- Hệ thống Báo cáo tài chính sử dụng tại doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán

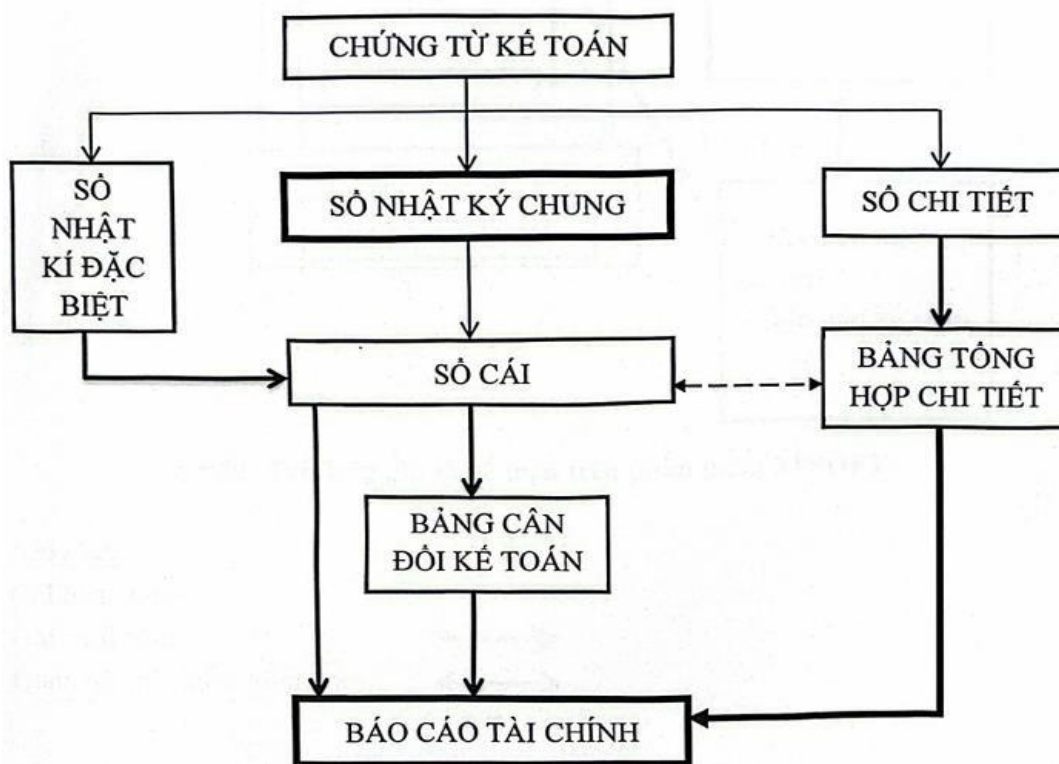
Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.

Tại Chi nhánh Công Ty Cổ Phần 216 tại Đà Nẵng , áp dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm Smile.

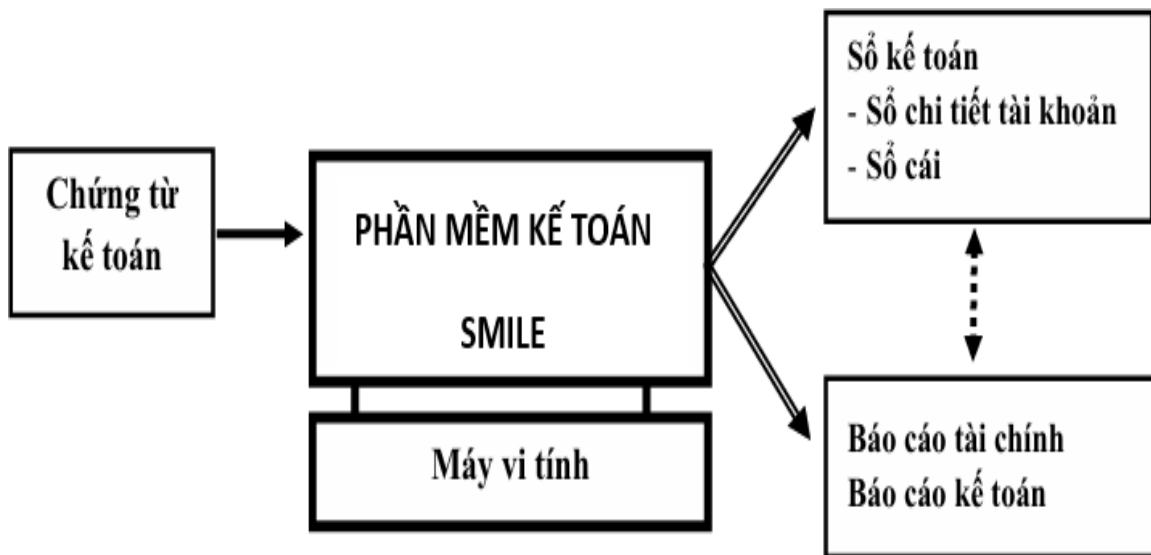


Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

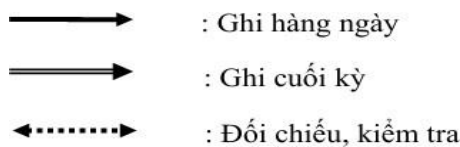
Ghi chú:

- ghi theo ngày
- ghi định kỳ, cuối tháng, cuối năm
- ← - - - - -> đối chiếu sổ

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Smile



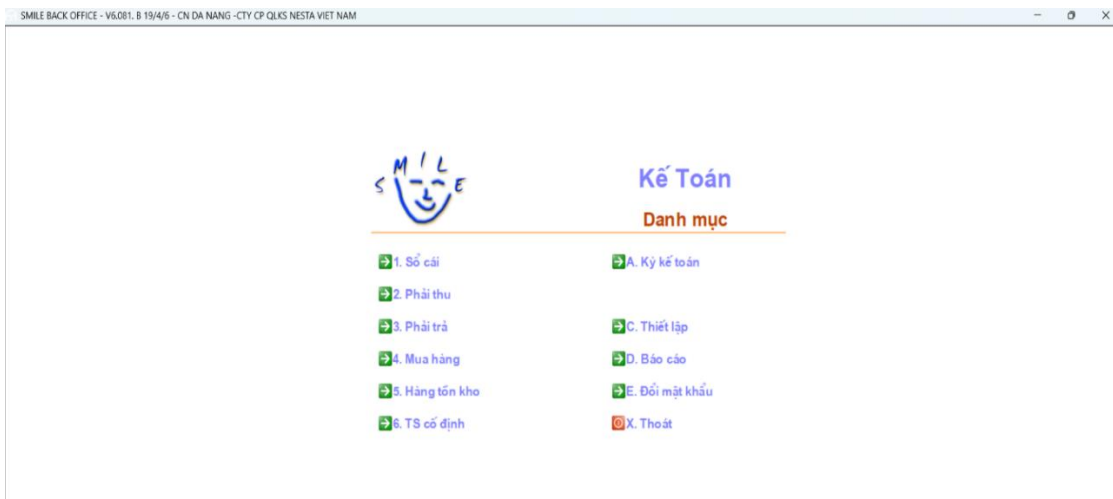
Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán gốc hợp pháp, hợp lệ, kế toán viên thực hiện kiểm tra, đối chiếu và nhập dữ liệu trực tiếp vào phần mềm Smile. Sau khi chứng từ được nhập, phần mềm sẽ tự động xử lý và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan, bao gồm: Nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Theo nguyên tắc, mỗi chứng từ kế toán chỉ được nhập một lần duy nhất vào phần mềm. Trên cơ sở đó, hệ thống sẽ tự động phân loại, định khoản và cập nhật đồng thời vào toàn bộ các sổ kế toán có liên quan, đảm bảo tính chính xác, nhất quán và hạn chế tối đa sai sót trong quá trình ghi sổ.

Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các bút toán điều chỉnh, bút toán kết chuyển, tiến hành khóa sổ kế toán trên phần mềm. Căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp và kiểm tra, phần mềm Smile tự động lập các báo cáo tài chính theo quy định hiện hành và cho phép in ấn đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và lưu trữ.

2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty

Để công việc có thể nhanh chóng và thuận lợi hơn, công ty đã sử dụng phần mềm SMILE trong công việc kế toán của công ty



Phân hệ của phần mềm

Các chức năng được gắn kết chặt chẽ với nhau đảm bảo tính hợp nhất của dữ liệu và mỗi dữ liệu sẽ chỉ cần nhập một lần, sau đó sẽ được tự động luân chuyển trong hệ:

- Phân hệ sổ cái
- Phân hệ hàng tồn kho
- Phân hệ mua hàng
- Phân hệ TSCĐ, CCDC, Chi phí trả trước
- Phân hệ phải trả
- Phân hệ phải thu

2.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.4.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.

Doanh thu 2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng bao gồm: doanh thu ăn sáng từ tiền phòng, doanh thu ăn, doanh thu uống, doanh thu minibar, doanh thu nhà hàng khác, doanh thu phòng, doanh thu giặt là, doanh thu vận chuyển, doanh thu các tour, doanh thu massage, doanh thu vật lý trị liệu, doanh thu trò chơi – giải trí, doanh thu phòng họp – hội nghị, doanh thu dịch vụ khác, phí dịch vụ.

2.4.2. Tài khoản sử dụng

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng sử dụng tài khoản 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) để hạch toán doanh thu. Tài khoản này được chi tiết:

- TK 511102: Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng
- TK 511104: Doanh thu ăn
- TK 511106: Doanh thu uống
- TK 511118: Doanh thu Minibar
- TK 511119: Doanh thu nhà hàng khác
- TK 511302: Doanh thu phòng
- TK 511332: Doanh thu giặt là

- TK 511342: Doanh thu vận chuyển
- TK 511346: Doanh thu các Tour
- TK 511352: Doanh thu Massage
- TK 511354: Doanh thu vật lý trị liệu
- TK 511374: Doanh thu trò chơi, giải trí
- TK 511377: Doanh thu phòng họp, hội nghị
- TK 511379: Doanh thu dịch vụ khác
- TK 511402: Phí dịch vụ

2.4.3. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhận phòng.
- Guest Folio.
- Guest Check.
- Captain Oder.
- Mini bar voucher.

Trình tự luân chuyển chứng từ .

Đối với khách lẻ:

Khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ lưu trú tại khách sạn, khách hàng có thể đặt phòng trước qua website của khách sạn hoặc các website tìm kiếm khác, gửi Email đặt phòng đến bộ phận Sales hoặc có thể đặt phòng trực tiếp tại bộ phận Lễ tân của khách sạn. Sau khi xem xét các thủ tục cần thiết và báo giá phòng cho khách hàng, nhân viên Sales hoặc Lễ tân nhập vào hệ thống phần mềm Smile chọn phòng đặt trước của khách bao gồm số phòng, hạng phòng để đánh dấu phòng đã được đặt trước. Khi khách đến làm thủ tục nhận phòng, lễ tân giao phòng cho khách và theo dõi các dịch vụ khách sử dụng trên sổ đặt phòng để làm cơ sở thanh toán với khách hàng.

Trong quá trình lưu trú tại khách sạn, khi khách sử dụng các dịch vụ như: Mini Bar, giặt là, massage, ăn uống tại nhà hàng, spa... (mỗi loại dịch vụ có 1 hoá đơn riêng biệt), bộ phận lễ tân cộng dồn tiền sử dụng dịch vụ vào hóa đơn phòng nếu khách chưa trả tiền khi sử dụng dịch vụ. Nếu khách thanh toán ngay sau khi sử dụng các loại dịch vụ trên thì trưởng mỗi bộ phận chuyển hóa đơn thanh toán cho bộ phận lễ tân.

Khi khách Check out, người trực phòng kiểm tra phòng khách sử dụng, lễ tân tập hợp các dịch vụ mà khách đã sử dụng nhưng chưa thanh toán, thu tiền khách hàng và trả giấy tờ đã nhận của khách khi nhận phòng

Sau đó chuyển cho kế toán doanh thu bao gồm hóa đơn các dịch vụ, Gest Folio, phiếu nhận phòng, hình ảnh trao đổi gmail (có tổng giá phòng) và thông tin của khách. Sau khi xuất hóa đơn, hệ thống sẽ tự chuyển hóa đơn về gmail khách hàng.

Đối với khách tours

Căn cứ vào hợp đồng đặt phòng đã được ký kết giữa công ty và đối tác như Agoda, Booking.com,...phía đối tác sẽ tạo cho công ty một mã gồm 6 chữ số, trước khi sử dụng dịch vụ tại khách sạn, khách hàng đã thanh toán trước tiền phòng cho ứng dụng. Khi khách đến, Lễ tân đón khách, kiểm tra đơn đặt phòng được cung cấp bởi ứng dụng du lịch và hướng dẫn khách làm những thủ tục cần thiết để nhận phòng. Tương tự đối với khách lẻ, lễ tân giao phòng cho khách và theo dõi các dịch vụ khách sử dụng trên sổ đặt phòng để làm cơ sở thanh toán với khách hàng.

Kết thúc thời gian lưu trú tại khách sạn, Lễ tân lập Guest Folio cho từng phòng, phiếu nhận phòng và thông tin khách hàng, giấy xác nhận đặt phòng, lập thành từng bộ hóa đơn. Khách hàng chỉ thanh toán các dịch vụ như Spa, ăn uống, giặt là,.....Lễ tân sẽ xuất bill cho những dịch vụ trên.

Cuối ngày, Lễ tân tập hợp các bộ chứng từ của khách hàng đã thanh toán qua ứng dụng thành một bộ. Sau đó kết xuất số tiền tổng cho bên đối tác, nhập mã và nhận tổng số tiền dịch vụ mà khách sử dụng. Sau khi hoàn thành, chuyển bộ chứng từ về kế toán doanh thu theo ngày để xuất hóa đơn.

Bên cạnh đó, khách tours còn có nhóm khách đặt phòng hội nghị để tổ chức tiệc và họp báo. Nhóm khách này thường sẽ căn cứ vào hợp đồng đã ký kết với bộ phận Sales của khách sạn về số lượng khách, thực đơn, ngày giờ tổ chức tiệc, trang trí,... để thực hiện. Hợp đồng này sẽ cọc trước 50% tổng giá trị hợp đồng khi ký kết và số còn lại sẽ được thanh toán theo thời hạn hợp đồng đề ra (thường là sau khi kết thúc buổi tiệc vài ngày). Hợp đồng này do bộ phận Sales soạn thảo, một bộ gửi khách hàng, bộ còn lại do Sales lưu giữ. Doanh thu từ hợp đồng này do kế toán công nợ theo dõi và thu nợ từ khách hàng. Sau khi thu đủ từ khách hàng theo hợp đồng, kế toán công nợ chuyển khoản thu này cho kế toán doanh thu ghi nhận.

2.4.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ cái TK 511
- Sổ nhật ký chung

2.4.5. Quy trình ghi sổ

Các chứng từ gốc như hợp đồng kinh tế, Guest Folio, minibar voucher, captain order và information bill sẽ làm căn cứ để lập hóa đơn GTGT và đồng thời lập và theo dõi phần mềm. Thông tin trên phần mềm được sử dụng để ghi vào sổ cái.

Ví dụ minh họa 1:

Ngày 02/09/2025 Chị Nguyễn Khánh My có xuống nhà hàng order đồ ăn trưa bao gồm: 1 Cơm gà Hội An, 1 Ba chỉ rang cơm trắng, 1 Canh bí đao nấu tôm.

Captain order:

Captain Order No. 0006000
Time: _____ Date: 1/9.

Waiter/ Waitress No.	Table No.	No. of Person
Quality	Details	
ly	Cơm gà Hết An	
ly	Ba chỉ rang cơm trắng	
ly	Canh bí đao nấu tôm	

Waiter/ Waitress Signature _____

Khách hàng kiểm tra món ăn, thanh toán bằng tiền mặt ngay tại quầy nhà hàng.
Nhiên viên nhà hàng xác nhận thanh toán, nhập vào máy POS và in biên lai cho khách hàng

NESTA HOTEL DA NANG
268 - Vo Nguyen Giap, Ngu Hanh Son
ĐT: - Đ- 236 345 8888

TABLE : 2
Cashier Info :
Check No : 000015803
Date : 02Sep25
Open By : LMH
Payment : CASH

Ten Hang	Sl.	Don Gia	Thanh Tien
Items	QTY	Price	Amount
Cơm gà hội an	1	89.000	89.000
Canh bí đao tôm	1	65.000	65.000
Ba chỉ rang cơm trắng	1	79.000	79.000
Total			233.000
CASH			-233.000
CLOSE			12134333

CVES-8 SFGH CASHIER-8 SFGH

ĐÃ THANH TOÁN

Thu ngân tiến hành phát hành hóa đơn.

Bước 1: Lễ tân vào phần mềm Smile FO để phát hành hóa đơn.

(Phụ lục 2)

Đối với Khách lễ điền thông tin ở "Guest name"

Chọn hình thức thanh toán: TM/CK

- Bước 2: Import qua smile Web: <http://10.3.0.5:8085/ImportInv.aspx>

(Phụ lục 3)

Khi import lưu ý ở ký hiệu bộ phận nhà hàng sẽ là: C25MFB -> tích upload Inv

- Bước 3: Đăng nhập VNPT: <https://nestadng-tt78admin.vnpt-invoice.com.vn>

Thông tin đăng nhập của bộ phận nhà hàng:

Tên TK: FBDN

Mk: Abc123456@

Ký hiệu thể hiện sẽ luôn là C25MFB

Cuối ngày thu ngân đưa bill cho kế toán kiểm tra và tiến hành in hóa đơn.

10:54 4/9/25 VAT

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

 **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** (VAT INVOICE) Ký hiệu: 1C25MFB
Số: 00002094

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Seller): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Mã số thuế (Tax code): 0101324219-002 Điện thoại (Tel): 02362658888
Địa chỉ (Add): Số 268 Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Tài khoản (Account No): 6304216-001 tại (at) Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đà Nẵng

Tên khách hàng (Guest name): NGUYỄN KHÁNH MY
Đơn vị mua hàng (Invoice to):
Địa chỉ KH (Address):
Mã số thuế (Tax code):
Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

STT (No)	Ngày (Date)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	02/09/2025	Canh bí đao tôm/ Winter melon broth with shrimp	Cái bát	1	57.319	57.319
2	02/09/2025	Ba chỉ rang cơm trắng FRIED PORK + STEAMED RICE	Phần	1	69.665	69.665
3	02/09/2025	Cơm gà Hội An Hoi An chicken rice	Phần	1	78.483	78.483
1	02/09/2025	Phí phục vụ				10.273

Cộng tiền hàng (Total charge): 215.740
Thuế TTDB (SCT):
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8% Tiền thuế GTGT (VAT): 17.260
Tổng cộng tiền thanh toán (Total Amount): 233.000

Viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn

KHÁCH HÀNG (Guest's)
Ký, ghi rõ họ tên
(Sign & full name)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Manager)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216
TẠI ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 02/09/2025 19:58:16

Mã của cơ quan thuế: MI-25-SWZY-01100002094
Website tra cứu: <https://nестadng-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã khách hàng: 30521020925195753

<https://nестadng-tt78admin.vnpt-invoice.com.vn/MTHOTELInvoice?Pattern=1/002&OutletName=&Status=-1&CheckNo=&RoomNo=&FolioNo=&...> 1/1

Chi tiết doanh thu ăn 02/09/2025:

NESTA HOTEL DA NANG

ALL OUTLET

ITEM SALES REPORT

From date : 02/09/2025 To date : 02/09/2025

From Time :

Print date : 28/04/2026

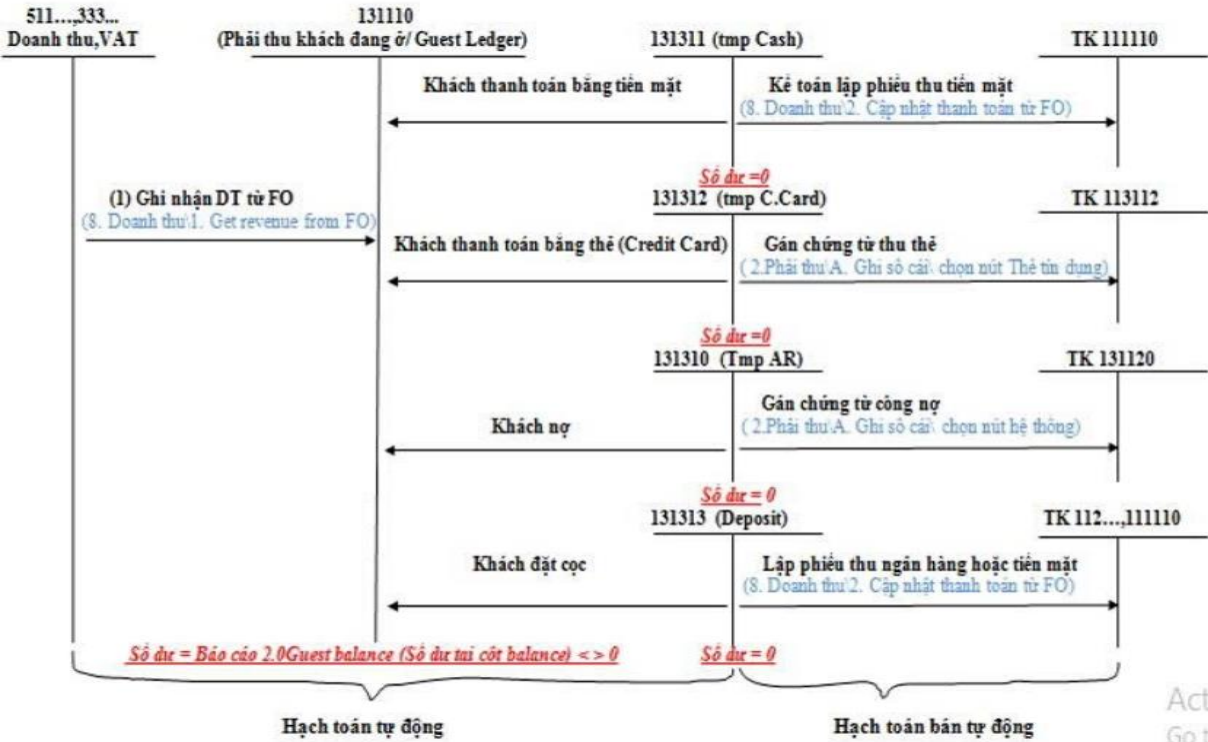
To Time :

ItemCode	Item Name	Unit	Q.Ty	Price	Sub	Service	STax	Tax	Total
Food Net									
	DscTotal - 30%		1.00		-48,942	-2,447	0	-4,111	-55,500
120076	Cải thìa xào tỏi/ Sauteed Bok	Portion	1.00	55,000	48,501	2,425	0	4,074	55,000
120077	Rau củ xào thập cẩm/ Wok fried	Portion	1.00	55,000	48,501	2,425	0	4,074	55,000
120082	Bánh pizza kiểu hawaii / Hawaii	Portion	1.00	165,000	145,503	7,275	0	12,222	165,000
120083	Bánh pizza hải sản/ Frutti di	Portion	1.00	185,000	163,139	8,157	0	13,704	185,000
120084	Mỳ ý sốt bò bằm/ Pasta Bologna	Portion	1.00	169,000	149,030	7,451	0	12,519	169,000
120101	Trứng chiên/ Omelet	Portion	1.00	49,000	43,210	2,160	0	3,630	49,000
120171	Canh bí đao tôm/ Winter melon	Bowl	1.00	65,000	57,319	2,866	0	4,815	65,000
120260	Phở bát đá	Portion	1.00	89,000	78,483	3,924	0	6,593	89,000
120292	Bò xào kiểu Hàn Quốc / Beef bu	Portion	1.00	165,000	145,503	7,275	0	12,222	165,000
120293	Mỳ xào hải sản sốt tương đen/	Portion	1.00	165,000	145,503	7,275	0	12,222	165,000
120296	Mì xào bò hoặc hải sản/ Stir-f	Portion	1.00	165,000	145,503	7,275	0	12,222	165,000
120314	Trái cây / Fresh fruit l	Dish	2.00	39,000	68,782	3,440	0	5,778	78,000
120318	Gà Chiên / Chicken Nugget	Dish	1.00	59,000	52,029	2,601	0	4,370	59,000
120324	Cơm chiên rau củ FRIED RICE	Portion	1.00	59,000	52,029	2,601	0	4,370	59,000
120325	Ba chỉ rang cơm trắng FRIED	Portion	2.00	79,000	139,330	6,966	0	11,704	158,000
120327	Cơm gà Hội An Hoi An chicken	Portion	1.00	89,000	78,483	3,924	0	6,593	89,000
120329	Phở bò xào rau củ BEEF PHOWI	Portion	1.00	79,000	69,665	3,483	0	5,852	79,000
120331	Mì Xào Hải Sản / Stir-Fried No	Portion	1.00	89,000	78,483	3,924	0	6,593	89,000
120387	Khoai tây chiên / French Fries	Portion	2.00	49,000	86,420	4,320	0	7,260	98,000
120392	Trái cây theo mùa/ Seasonal sl	Portion	1.00	39,000	34,391	1,720	0	2,889	39,000
Total Of Food Net					1,780,865	89,040	0	149,595	2,019,500

Kế toán vào phần mềm Smile BO → Doanh thu→Get Revenue From FO.

Nhấn Filter→ Assign Voucher (cấp số chứng từ kế toán)→Post→Hệ thống tự tạo bút toán. (Phụ lục 4)

Bút toán được cài trên phần mềm:



Acti
Go tr

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG**

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(JOURNAL VOUCHER)

Kỳ kế toán (Period): 202509

Ngày lập (Date): 02/09/2025

Số (Number): RE2509-002

Nội dung (Content) Doanh thu ngày 02/09/2025 :

Tham chiếu (JV Ref) :-

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		12.592
333210	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	Doanh thu ngày 02/09/2025	450	Spa Massage		686.013
511102	Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng	Doanh thu ngày 02/09/2025	210	Nha hang Oceania		23.333.324
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 02/09/2025	210	Nha hang Oceania		1.223.545
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 02/09/2025	220			120.811
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 02/09/2025	270	Dịch vụ phòng / Room Service		436.509
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 02/09/2025	210	Nha hang Oceania		233.446
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 02/09/2025	220			181.818
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 02/09/2025	270	Dịch vụ phòng / Room Service		48.501
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 02/09/2025	290	Minibar		86.580
511118	Doanh thu MiniBar	Doanh thu ngày 02/09/2025	290	Minibar		639.327
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		15.963.239
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		124.167.510
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		2.598.412
511332	Doanh thu Giặt là	Doanh thu ngày 02/09/2025	430	Giặt La / Guest Laury		285.714
511352	Doanh thu Massage	Doanh thu ngày 02/09/2025	450	Spa Massage		2.177.823
511354	DT Vật lý trị liệu	Doanh thu ngày 02/09/2025	455	Lam Dep /Beauty Salon		2.883.598
511374	DT Trò chơi, giải trí	Doanh thu ngày 02/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		132.275
511379	Doanh thu dịch vụ khác	Doanh thu ngày 02/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		17.637
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		798.161
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		6.208.368
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		129.921
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	210	Nha hang Oceania		1.239.523
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	220			15.130
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	270	Dịch vụ phòng / Room Service		24.250
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	290	Minibar		36.297
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	430	Giặt La / Guest Laury		14.286
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	450	Spa Massage		108.891
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	455	Lam Dep /Beauty Salon		144.180
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 02/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		7.496
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			132.275	
131312	Phải thu hàng ngày cashier - Credit Card	Doanh thu ngày 02/09/2025			118.855.004	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			8.726.503	

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
131311	Phải thu hàng ngày cashier - Tiền mặt	Doanh thu ngày 02/09/2025			19.040.200	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			550.345	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			2.883.598	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			2.177.823	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			142.729.161	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			1.780.865	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			285.714	
131313	Phải thu hàng ngày cashier - Đặt cọc	Doanh thu ngày 02/09/2025			2.742.250	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			639.327	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			686.013	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			23.333.324	
131310	Phải thu hàng ngày cashier - City Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			33.538.546	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			17.637	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025			14.783.771	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 02/09/2025				174.176.000
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	110	Le Tan / FO		11.989.245
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	210	Nha hang Oceania		2.085.662
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	220			29.241
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	270	Dich vu phong / Room Service		40.740
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	290	Minibar		62.796
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	430	Giat La / Guest Laury		24.000
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	450	Spa Massage		297.273
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 02/09/2025	455	Lam Dep /Beauty Salon		242.222
Cộng					372.902.356	372.902.356

Ví dụ minh họa 2:

Vào ngày 19/09/2025, bộ phận Sales của khách sạn nhận được thông tin đặt phòng từ website: [Nesta Danang Hotel - Nesta Hotel Group](#),...Khách hàng là bà Võ Thị Quỳnh Nhi đặt 1 phòng Superior Garden View cho 2 người lớn và 1 trẻ em (trẻ em từ 6-12 tuổi phụ thu 250.000/người). Đơn giá này đã bao gồm phí dịch vụ 5% và thuế suất GTGT 8% là 1.120.000VNĐ/đêm, đã thanh toán trước. Ngày đến là 20/9/2025 và ngày đi là ngày 21/09/2025. Sau đó bộ phận Sales gửi mail xác nhận kèm số booking: 139553 cho khách, Sale sẽ nhập vào hệ thống quản lý của khách sạn, giữ 1 phòng theo yêu cầu của khách hàng cùng với mã phòng.

Ngày 20/9/2025, vào lúc 14h chiều, theo như đã đặt trước, bà Võ Thị Quỳnh Nhi đến gặp lễ tân. Lễ tân sẽ kiểm tra tất cả thông tin đặt phòng theo mã khách hàng, sau đó điền những thông tin như tên khách hàng, số phòng: E207, loại phòng: Superior Garden View, số khách(người lớn):2 và có phụ thu 1 trẻ em 9 tuổi, ngày đến 20/09/2025, ngày đi 21/09/2025, gmail và số điện thoại vào phiếu Registration Form (phiếu nhận phòng) cho khách hàng.

Chiều ngày 21/09/2025, khách hàng Võ Thị Quỳnh Nhi xuống lễ tân trả phòng. Nhân viên lễ tân đàm gọi nhân viên buồng phòng kiểm tra phòng khách sử dụng, sau đó nhân viên Lễ tân được báo lại chỉ sử dụng 1 chai aqua và 1 khoai tây , sau đó lễ tân tiến hành làm thủ tục trả phòng cho khách và in giấy Pro-Forma Invoice (bảng kê dịch vụ) từ hệ thống phần mềm Smile bao gồm các dịch vụ và đưa khách kiểm tra, thanh toán DV ăn uống (Minibar) bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng Viettinbank, Lễ tân xác nhận đã nhận được tiền. Cuối ngày bộ phận buồng phòng đổ báo cáo tổng hợp Minibar đã bán và viết bill. Lễ tân tổng hợp tất cả chứng từ cho kế toán để kế toán in hóa đơn giá trị gia tăng.

Bộ chứng từ đầy đủ bao gồm: Gmail xác nhận, Registration Form (đăng ký nhận phòng), Pro-forma Invoice (bảng kê dịch vụ), Miscellaneous Charge (phí phụ trội).

Gmail xác nhận:

(Phụ lục 5)

Đăng ký nhận phòng:

(Phụ lục 6)

Bảng kê dịch vụ:



PRO-FORMA INVOICE
BẢNG KÊ DỊCH VỤ
21/09/2025 12:28:37AM

Tên khách / Guest name: VO THI QUYNH NHI
Công ty / Company:
Địa chỉ / Address:

Số TT / Folio No: 89710 B
Phòng / Room No: E207
Số khách / No. of Guest(s): 3
Ngày đến / Arrival: 20/09/25
Ngày đi / Departure: 21/09/25

Hình thức thanh toán / Method of payment: TM/CK

Ngày Date	Tham chiếu Reference	Tên hàng hóa, dịch vụ Description	Phòng Room	Tiền Sub Amount	Phí phục vụ Serv charge	Thuế Tax Amount	Tổng Cộng Amount
19/09/2025	286	Bank Deposit VND 19.9 VT	E207	-1.120.000			-1.120.000
20/09/2025	407	Dịch Vụ Phòng (Room Charge)	E207	987.654	49.383	82.963	1.120.000

Exchange rate: 24,000

Tổng cộng (Total): 1.120.000
Total USD : (USD) 46.67
Thanh Toán (Payment): 1.120.000
(USD) 46.67
Còn lại (Balance): 0
(USD) 0.00

Số tiền bằng chữ (Amount in words):
VND : Một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn
One million one hundred twenty thousand dong only
Khách hàng (Guest)
Ký & ghi họ tên (Sign & Name)

Thu ngân (Cashier)
Ký & ghi họ tên (Sign & Name)

FO Le Xuan Hung

 Được quét bằng CamScanner

Phiếu kê Minibar:



NESTA
Da Nang

MINIBAR

THE PLEASURE OF PAUSE
KHOẢNH KHẮC NGHỈ NGƠI THÚ VỊ

0001289
No:

Room Number: E207

Số phòng

Guest name: _____

Tên khách

Date: 21/9

Ngày

Guest's Signature: _____

Chữ ký khách

Kindly indicate the below products you have consumed and present it at the reception desk upon check out. Thank you!
Vui lòng điền số lượng những sản phẩm quý khách đã sử dụng và gửi tại quầy lễ tân cùng với chìa khoá phòng khi trả phòng. Xin cảm ơn!

Quantity Số Lượng	Products Sản Phẩm	Unit Price (VND) Đơn Giá	Quantity consumed Số Lượng đã dùng	Amount(VND) Thành tiền
NƯỚC SUỐI / MINERAL WATER				
4	Aquafina 500ml	25,000	1	25.000
BIA / BEER				
2	Larue	25,000		
NƯỚC NGỌT / SOFT DRINK				
2	Pepsi	25,000		
2	RedBull	30,000		
DANH MỤC ĐỒ KHÔ / DRY GOODS INVENTORY				
1	Potato Chips	50,000	1	50.000
1	Dried Jackfruit	30,000		
1	Cashew Nuts	55,000		
TỔNG CỘNG / GRAND TOTAL				75.000

All above prices are subject to VAT and service charge
Tất cả giá ở trên đã bao gồm thuế và phí dịch vụ

Phí phụ trội:



NESTA
Hotel Group

MISCELLANEOUS CHARGE

PHÍ PHỤ TRỘI

0004147

Guest Name: _____

Serial No: _____

Room No: 139533

Date: _____

No	Description/ Mô tả	Amount/ Số tiền
	Phụ thu 1tr2 em 20 - 21/9	250.000
TOTAL		250.000

PAID
ĐÃ THANH TOÁN

Issued by
Lập bởi

[Signature]

Posted by
Đăng bởi

[Signature]

Guest's Signature
Chữ ký khách hàng

[Signature]

Võ Thị Quỳnh Như

Được quét bằng CamScanner

Quy trình xuất hóa đơn

Lễ tân vào phần mềm Smile FO

(Phụ lục 7)

(Phụ lục 8)

Ấn vị trí số 4 Cashier → Post Transaction để vào giao diện tra cứu.

Bước 1: Nhập mã booking hoặc folio ở giao diện “Post transtion”, chúng ta sẽ nhận được giao diện trên bao gồm số phòng của từng bộ hồ sơ, ngày vào-ra, tổng số thanh toán và số tiền từng phòng.

SMILE - NESTA HOTEL DA NANG - V6.081 Build 25/09/26

SMILE Reservations Receptions Cashier Groups HSKP Telephone AR Inquiry TA Guest Profile

Post Transaction

Guest Infor: 89710 Search

Group Infor: ... More...

TA/Company: ...

Folio#: 89710 Status: 3 MCF Folio

Name: VO, THI QUYNH NHI

Room #: E207 Arr/Dept: 20/09/25 21/09/25

Rate: 1,130,000 VND ExRate

Balance: 0 NO POST

Notice: BB TA, QTH POA, NO VAT

Sts	Folio#	Confirm#	Guest Name	Rm	Balance	MCF	Group	Arrival	Departure
3	89710	139533	VO, THI QUYNH NHI	E207				20/09/25	21/09/25
3	89710	139533	NGUYEN, HUNG CUONG	E207				20/09/25	21/09/25
3	89710	139533	NGUYEN, VO PHUC NGU	E207				20/09/25	21/09/25
3	89710	139533	NGUYEN, VO AN NHIEN	E207				20/09/25	21/09/25

Date	Code	Description	Ref #	Sub Amt	Amount	Org Rm	Tax	Inv Date	User	Comment
21/09	89	Bank Deposit VND	243	-75,000	-75,000	E207		21/09/2025	DBT	vt 21/9
21/09	100	DV ăn uống (Minibar)	207	56,137	75,000	E207	V8	21/09/2025	DBT	
20/09	400	Dịch Vụ Phòng (Room Charge)	410	220,458	250,000	E207	V8	20/09/2025	L-H	Extra kid
20/09	400	Dịch Vụ Phòng (Room Charge)	407	987,654	1,120,000	E207	V8	20/09/2025	L-H	
20/09	89	Bank Deposit VND	208	-250,000	-250,000	E207		20/09/2025	DBT	VT 20/9 TO POA // PAID EK 1N
19/09	89	Bank Deposit VND	286	-1,120,000	-1,120,000	E207		19/09/2025	TMC	19.9 VT

☐ F10 - Select All Balance 0

Ext Disc Ext Vchr Print Rcpt Print P-Out Print Spcl Inv Origin Trns Ext...

A-A - GUEST FOLIO

New F2 Paid Out HSKP Post Adv Rm Chg-F4 Void Trn Re bate Edit Trn Move Trn-F5 Split Trns-F6 Check Out-F7 Auto Pmt-F9 Print F10 Re Pmt-F11 Set Bill F12 Cxl Bill Pmt-F13 Close -F16

- Kiểm tra giữa hệ thống và confirm booking của Sale tất cả dịch vụ phát sinh
- Move ỏ các dịch vụ phát sinh theo đúng loại thuế và từng loại dịch vụ phát sinh vào từng ỏ (VD: thuế suất 8% 1 ỏ, 10% ỏ; FB 1 ỏ, SPA 1 ỏ, FO 1 ỏ)

- Sau khi vào kiểm tra và thao tác trên bấm Print

Bước 2: Sau khi PRINT sẽ hiện lên bảng thông tin để điền xuất hóa đơn.

- Đối với khách hàng lấy hóa đơn (BP Lễ Tân chỉ nhận thông tin xuất hóa đơn của trường Walkin, đối với các trường khách khác sẽ nhận thông tin từ BP Kinh doanh hoặc kế toán): Yêu cầu điền form thông tin xuất hóa đơn và có chữ ký xác nhận của khách

hàng và nhân viên nhận thông tin xuất hóa đơn. Trên form xác nhận điền đầy đủ các thông tin trên mẫu. Sau khi nhận đủ thông tin ở mục xuất hóa đơn yêu cầu điền đầy đủ các mục: Company, Address, VAT, Email (Lưu ý: ở mục guest name chỉ điền khi có yêu cầu của khách)

- Khi đã điền đầy đủ ở mục Set bill Information bấm OK qua giao diện Report Filter tích chọn Print Detail để thể hiện chi tiết dịch vụ sử dụng và bấm OK

(Phụ lục 9)

Bước 3: Đăng nhập link Smile: <http://10.3.0.5:8085/Login.aspx> -> ID và MK theo code của từng cá nhân

- Sau khi đăng nhập ở hệ thống sẽ đổ ra toàn bộ các booking đã import từ hệ thống SMILE FO -> Priew để kiểm tra lại các thông tin và dịch vụ của booking đó so với lại email confirm của bộ phận Sale trước khi Bấm chọn vào booking và bấm Import invoice.

- **Bước 4:** Sau khi import invoice đăng nhập đường link xuất hóa đơn của VNPT: <https://nestadng-tt78admin.vnpt-invoice.com.vn/>

(Phụ lục 10)

(Phụ lục 11)

Kế toán nhận bộ chứng từ, kiểm tra từng bill con, kiểm tra bảng kê dịch vụ đúng trên hóa đơn GTGT rồi in hóa đơn

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Ký hiệu: 1C25MFO
Số: 00008893

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Seller): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Mã số thuế (Tax code): 0101324219-002

Điện thoại (Tel): 02362658888

Địa chỉ (Add): Số 268 Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tài khoản (Account No): 6304216-001 tại (at) Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đà Nẵng

Tên khách hàng: (Guest name): VO THI QUYNH NHI

Đơn vị mua hàng: (Invoice to):

Địa chỉ KH (Address):

Mã số thuế (Tax code):

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

STT (No)	Ngày (Date)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	20/09/2025	Dịch Vụ Phòng (Room Charge)	Phòng	1	220.458	220.458
2	20/09/2025	Dịch Vụ Phòng (Room Charge)	Phòng	1	987.654	987.654
3	21/09/2025	Aquafina 500ml	Chai/ Btl	1	22.045	22.045
4	21/09/2025	Potato/ Khoai tây	Cái/ Pcs	1	44.092	44.092
5		Phi phục vụ				63.713
Cộng tiền hàng (Total charge):						1.337.962
Thuế TTĐB (SCT):						
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%						
Tiền thuế GTGT (VAT):						107.038
Tổng cộng tiền thanh toán (Total Amount):						1.445.000
Viết bằng chữ (Amount in words): Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn						

KHÁCH HÀNG (Guest's)
Ký, ghi rõ họ tên
(Sign & full name)THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Manager)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216

TẠI ĐÀ NẴNG

Ký ngày: 21/09/2025 19:07:23

Mã của cơ quan thuế: M1-25-SWZ1Y-01400008893

Website tra cứu: <https://nestadng-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã khách hàng: 89710A210925190312

Được quét bằng CamScanner

<https://nestadng-tt78admin.vnpt-invoice.com.vn/MTHOTEInvoice?Pattern=1%2F003&Status=-1&FromDate=01%2F01%2F2025&RoomNo=&c...> 1/1

Chi tiết doanh thu phòng 20/09/2025:

POSTING ROOM REPORT

20-09-2025

GUEST NAME OR A/R	FOLIO	ROOM	CLK	COMMENT	AMOUNT
TYPE: 400		DICH VU PHONG (ROM CHARGE)			
---	---	---	---	---	---
LUONG THI THANH THUY	89823	E107	LXH		1.629.000
NGUYENVO AN NHIEU	89710	E207	LXH		1.120.000
KANG TAEYEON	77569	217	LXH		2.106.000
---	---	---	---	---	---
TOTAL		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE)			145.720.290
TYPE: 400		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) BREAKFAST			
---	---	---	---	---	---
LUONG THI THANH THUY	89823	E107	LXH		(270.000)
NGUYENVO AN NHIEU	89710	E207	LXH		(337.500)
KANG TAEYEON	77569	217	LXH		(405.000)
---	---	---	---	---	---
TOTAL		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) BREAKFAST			(27.945.000)
Type:400		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) LATE C/O			
LETHI DAN	89294	203	LXH	LATE CHECK OUT	615.000
TOTAL		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) LATE C/O			615.000
TYPE: 400		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) EXTRA BED			
---	---	---	---	---	---
NGUYENDUY VIET	88840	102	LXH	EXTRA BED	400.000
LETRONG NHAN	89454	424	LXH	EXTRA BED	400.000
---	---	---	---	---	---
TOTAL		Dịch vụ phòng (Room Charge) Extra Bed			1.600.000
TYPE: 400		DICH VU <u>PHONG</u>(ROOM CHARGE) ROOM CHARGE			

...	...	...	...	...	...
NGUYENVO AN NHIEU	89710	E207	LXH	EXTRA KID	250.000
JUNGYEEUN	89378	103	LXH	EXTRA KID	250.000
HOANGKY CHAU	89410	212	LXH	EXTRA KID	250.000
...	...	...	...	...	...
TOTAL		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) ROOM CHARGE			1.400.000
TYPE: 400		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) COMMISSION OTA			
...	...	...	...	...	...
KANG TAEYEON	77569	217	LXH	COMMISSION AGODA 2024	526.500
TERAOKASOTARO	89780	E208	LXH	COMMISSION AGODA 2024	528.042
TIANYUJIAO	89792	204	LXH	COMMISSION TRIP.COM 2024	342.046
...	...	...	...	...	...
TOTAL		DICH VU PHONG (ROOM CHARGE) COMMISSION OTA			24.083.427
TOTAL					145.473.717

Chi tiết doanh thu Minibar 21/09/2025:

POSTING MINIBAR REPORT

21-09-2025

GUEST NAME OR A/R	FOLIO	ROOM	CLK	COMMENT	AMOUNT
TYPE: 400		DICH VU AN UONG (MINIBAR) BEVERAGE			
HOTRUONG BAO NGOC	89807	D103	DBT		30.000
DINHTRAN NHU Y	89730	E102	DBT		50.000
NGUYENVO AN NHIE	89710	E207	DBT	1 KHOAI TAY, 1 SUOI	75.000
BARNABASKUTA ANAK PUNJAP	89606	116	LMP		55.000
BARNABASKUTA ANAK PUNJAP	89606	116	LMT	HK KIEM NHAM	(55.000)
TIANYUJIAO	89792	204	DBT	1 KHOAI TAY, 2 SUOI, 1 PEPSI	125.000
LEESUJIN	83033	209	HLT		25.000
TONNU THI KIEU	89997	216	HLT		50.000
CHOEUN HWA	87043	309	LXH		25.000
CHOEUN HWA	87043	309	LXH		25.000
SHINHYEYON	88433	407	LXH		85.000
TOTAL		DICH VU AN UONG (MINIBAR) BEVERAGE			490.000
TYPE: 400		DICH VU AN UONG (MINIBAR) BEVERAGE (10 %)			
HOTRUONG BAO NGOC	89807	D103	DBT		25.000
LEESUNGMIN	89654	D201	DBT		50.000
LEESUJIN	83033	209	HLT		25.000
HAJUNGWAN	87154	505	TQH	1 BIA	25.000
TOTAL		DICH VU AN UONG (MINIBAR) BEVERAGE (10%)			125.000
TOTAL					615.000

Ngày 20/09/2025, Cuối ngày để tổng hợp doanh thu, kế toán vào phần mềm Smile BO:
(Phụ lục 12)

Nhấn vào số 8. Doanh thu → Get Revenue From FO

Nhấn Filter→Assign Voucher (Cấp số chứng từ kế toán) →Post→Hệ thống tự tạo bút toán kế toán

Get Revenue From FO

From date: 20/09/2025 To date: 20/09/2025 **Filter** Load Back **Assign Voucher** **Post - F10** Print Close

☐ Select All Ex.Rate: 1

Select	Date	Posted time	Posted	V.No	Period	Description	Ex.Rate	Amount
☐	20/09/2025	22/09/2025	☒	RE2509-020	202509	Doanh thu ngày 20/09/2025	1	234197268

Sau khi cập nhật, phần mềm tự hạch toán theo các tài khoản đã được cài sẵn trong phần mềm Smile.

Chứng từ kế toán doanh thu 20/09/2025:



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(JOURNAL VOUCHER)

Kỳ kế toán (Period): 202509

Ngày lập (Date): 20/09/2025

Số (Number): RE2509-020

Nội dung (Content) Doanh thu ngày 20/09/2025 :

Tham chiếu (JV Ref) :-

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			520.283	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			44.091	
131312	Phải thu hàng ngày cashier - Credit Card	Doanh thu ngày 20/09/2025			99.279.280	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			226.000	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			10.263.907	
131311	Phải thu hàng ngày cashier - Tiền mặt	Doanh thu ngày 20/09/2025			5.597.000	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			40.662.690	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			3.333.333	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			1.558.442	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			128.283.712	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			5.939.196	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			446.440	
131313	Phải thu hàng ngày cashier - Đặt cọc	Doanh thu ngày 20/09/2025			29.393.500	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			70.547	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			490.909	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			24.642.848	
131310	Phải thu hàng ngày cashier - City Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			17.681.760	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025			18.161.310	
131110	Phải thu khách hàng đang ở/ Guest Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025				151.951.540
131310	Phải thu hàng ngày cashier - City Ledger	Doanh thu ngày 20/09/2025				446.440
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		10.775.832
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	210	Nha hang Oceania		6.778.929
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	220			58.215

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	290	Minibar		8.199
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	440	Vận Chuyển / Transport		43.703
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	450	Spa Massage		212.728
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	455	Làm Đẹp /Beauty Salon		280.000
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 20/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		3.704
333210	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	Doanh thu ngày 20/09/2025	450	Spa Massage		490.909
511102	Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng	Doanh thu ngày 20/09/2025	210	Nha hàng Oceania		24.642.848
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 20/09/2025	210	Nha hàng Oceania		5.851.012
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 20/09/2025	220			88.184
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 20/09/2025	210	Nha hàng Oceania		40.051.339
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 20/09/2025	220			589.706
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 20/09/2025	290	Minibar		21.645
511118	Doanh thu MiniBar	Doanh thu ngày 20/09/2025	290	Minibar		70.547
511119	DT FB khác	Doanh thu ngày 20/09/2025	210	Nha hàng Oceania		226.000
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		16.966.593
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO	128.283.71	2.138.448
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		99.897.366
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		9.281.305
511342	DT Vận chuyển	Doanh thu ngày 20/09/2025	440	Vận Chuyển / Transport		520.283
511352	Doanh thu Massage	Doanh thu ngày 20/09/2025	450	Spa Massage		1.558.442
511354	DT Vật lý trị liệu	Doanh thu ngày 20/09/2025	455	Làm Đẹp /Beauty Salon		3.333.333
511374	DT Trò chơi, giải trí	Doanh thu ngày 20/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		44.091
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		848.329
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO	6.414.17	106.922
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		4.994.858
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	110	Le Tan / FO		464.064
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	210	Nha hàng Oceania		3.538.423
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	220			33.895
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	290	Minibar		4.609
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	440	Vận Chuyển / Transport		26.014
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	450	Spa Massage		77.921
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	455	Làm Đẹp /Beauty Salon		166.667
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 20/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		2.205
Cộng					386.595.248	386.595.248

Chứng từ kế toán doanh thu ngày 21/09/2025



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(JOURNAL VOUCHER)

Kỳ kế toán (Period): 202509

Ngày lập (Date): 21/09/2025

Số (Number): RE2509-021

Nội dung (Content) Doanh thu ngày 21/09/2025 :

Tham chiếu (JV Ref) :-

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 21/09/2025	290	Minibar		47.661
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 21/09/2025	430	Giát La / Guest Laury		10.333
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 21/09/2025	440	Van Chuyen / Transport		43.704
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 21/09/2025	450	Spa Massage		179.999
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 21/09/2025	455	Lam Dep /Beauty Salon		204.444
333110	TGTGT đầu ra hàng hóa dịch vụ phải nộp	Doanh thu ngày 21/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		18.519
333210	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	Doanh thu ngày 21/09/2025	450	Spa Massage		415.385
511102	Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng	Doanh thu ngày 21/09/2025	210	Nha hang Oceania		23.928.562
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 21/09/2025	210	Nha hang Oceania		4.791.459
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 21/09/2025	220			88.184
511104	Doanh thu ăn	Doanh thu ngày 21/09/2025	270	Dịch vụ phòng / Room Service		145.503
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 21/09/2025	210	Nha hang Oceania		972.665
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 21/09/2025	220			406.685
511106	Doanh thu uống	Doanh thu ngày 21/09/2025	290	Minibar		108.225
511118	Doanh thu MiniBar	Doanh thu ngày 21/09/2025	290	Minibar		432.098
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 21/09/2025	110	Le Tan / FO		10.966.204
511302	Doanh thu phòng	Doanh thu ngày 21/09/2025	110	Le Tan / FO		126.413.168
511332	Doanh thu Giặt là	Doanh thu ngày 21/09/2025	430	Giát La / Guest Laury		123.016
511342	DT Vận chuyển	Doanh thu ngày 21/09/2025	440	Van Chuyen / Transport		520.282
511352	Doanh thu Massage	Doanh thu ngày 21/09/2025	450	Spa Massage		1.318.682
511354	DT Vật lý trị liệu	Doanh thu ngày 21/09/2025	455	Lam Dep /Beauty Salon		2.433.863
511374	DT Trò chơi, giải trí	Doanh thu ngày 21/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		88.182
511377	Doanh thu phòng họp, hội nghị	Doanh thu ngày 21/09/2025	210	Nha hang Oceania		17.636.685
511379	Doanh thu dịch vụ khác	Doanh thu ngày 21/09/2025	490	BP Doanh thu khác / Other R		132.275
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	110	Le Tan / FO		548.310
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	110	Le Tan / FO		6.320.648
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	210	Nha hang Oceania		2.366.458
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	220			24.742
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	270	Dịch vụ phòng / Room Service		7.275
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	290	Minibar		27.016
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	430	Giát La / Guest Laury		6.191
511402	Phí phục vụ	Doanh thu ngày 21/09/2025	440	Van Chuyen / Transport		26.014

Sổ nhật ký chung:

Sổ nhật ký chung

Mẫu số S03-DN

CHI NHÁNH CỔ PHẦN CÔNG TY 216 ĐÀ NẴNG

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành
Sơn, Thành Phố Đà Nẵng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số phát sinh		
	Số CT	Ngày, tháng		Nợ	Có	
...	...	...	...	...	...	...
14/5/2025	BI2505-0033	14/5/2025	Tiền nộp chậm	811190	112111	47.871
...	...	...	...	...	...	...
2/9/2025	RE2509-002	2/9/2025	Doanh thu ngày 02/09/2025	131110	511104	1.780.865
...	...	...	...	...	...	...
20/9/2025	RE2509-020	20/9/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	511302	128.283.712
...	...	...	...	...	...	...
21/9/2025	RE2509-020	21/9/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	511106	432.098
...	...	...	...	...	...	...
21/9/2025	RE2509-362	21/9/2025	Xuất minibar 21.09	156104	632112	105.778
...	...	...	...	...	...	...
30/9/2025	JV2509-053	30/9/2025	Hạch toán lương T9.2025	641102	334110	33.680.135
...	...	...	...	...	...	...
30/9/2025	AP2509-086	30/9/2025	CP cước internet Viettel T9.25	642738	331100	100.000
...	...	...	...	...	...	...
30/9/2025	RX2509-0087	30/9/2025	DV thu gom rác T9.25 – Diem Thuong	131120	711190	2.777.778
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511102	911102	701.249.756
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511104	911102	173.515.903
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511106	911102	68.515.685
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511118	911102	13.134.898
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511119	911102	2.518.769

30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511302	911102	3.722.040.288
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511332	911102	11.578.924
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511342	911102	24.519.391
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511346	911102	5.238.272
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511342	911102	29.736.932
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511354	911102	61.750.420
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511374	911102	1.675.468
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511375	911102	110.229.275
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511379	911102	3.702.823
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511402	911102	246.469.999
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900	911102	215.943
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	771190	911102	5.625.921
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	632112	5.375.053
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	63288	2.875.092.636
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641102	33.680.135
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641110	1.066.667
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641114	1.725.290
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641124	200.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641130	2.899.686
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641204	4.074.074
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641302	81.667
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641306	670.588
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641704	39.737.372

30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641708	1.699.281
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641714	72.654.545
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641718	741.037.116
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641728	85.185
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642102	318.979.739
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642110	12.266.667
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642114	21.062.763
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642118	24.692.500
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642120	4.233.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642122	1.411.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642124	2.822.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642130	14.349.730
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642132	1.225.626
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642202	1.171.759
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642299	2.653.349
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642302	3.257.503
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642306	11.165.347
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642308	27.204.793
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642329	1.538.623
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642499	1.212.651
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642712	88.599.668
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642718	82.254.545
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642730	280.500

30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642736	25.000.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642738	2.254.230
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642749	1.385.648
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642778	1.000.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642792	657.481
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642793	9.178.668
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642794	405.000
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642797	7.555.636
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642801	2.777.778
30/09/2025	GL2509-005	30/09/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	911102	731.043.168
...	...	...	...	...	...	...
3/10/2025	AP2510-002	3/10/2025	CP hoa hồng T9.25	641718	331100	1.275.000
...	...	...	...	...	...	...
3/10/2025	RE2510-0599	3/10/2025	Lãi TG VTB219	112110	515900	52.987
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900		20.433
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	63288	406.502.570
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641302	81.666
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	641704	37.500.000
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642128	1.415.000
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642132	1.671.600
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642302	2.172.497
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642306	8.434.520

31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642308	23.889.143
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642329	1.028.999
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642499	1.212.652
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642712	172.000
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642734	675.018.063
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642792	657.480
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	642793	5.403.416
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	711190	911102	7.651.264
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	811190	1.016.106
31/12/2025	GL2509-005	31/12/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	911102	1.158.504.015
Tổng cộng phát sinh tăng					509.935.762.028	509.935.762.028

Sổ chi tiết TK 511

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:511
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025

Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		511				
511102 Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				6.786.902.274	6.786.902.274	
511104 Doanh thu ăn						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-001	01/09/2025	Doanh thu ngày 01/09/2025	131110	0	9.595.232	-9.595.232
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-002	02/09/2025	Doanh thu ngày 02/09/2025	131110	0	1.780.865	-11.728.831
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-003	03/09/2025	Doanh thu ngày 03/09/2025	131110	0	1.577.600	-13.659.165
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	13.134.898	0	0
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				3.529.317.550	3.529.317.550	
511119 DT FB khác						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				155.710.772	155.710.772	
511302 Doanh thu phòng						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-019	19/09/2025	Doanh thu ngày 19/09/2025	131110	0	113.832.064	-2.366.364.731
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-020	20/09/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	0	128.283.712	-2.494.648.443
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-021	21/09/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	0	137.379.372	-2.632.027.815
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	3.722.040.288	0	0
...	...	...	...	...	...	...

Tổng cộng/ Total :				36.441.671.483	36.441.671.483	
--------------------	--	--	--	----------------	----------------	--

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	

511106 Doanh thu uống						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				564.202.686	564.202.686	

511118 Doanh thu Minibar						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-020	20/09/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	0	70.547	-9.581.114
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-021	21/09/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	0	432.098	-10.013.212
...	...	...	...	...	...	...
RE2509-022	22/09/2025	Doanh thu ngày 22/09/2025	131110	0	277.779	-10.290.991
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	13.134.898	0	0
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				139.666.909	139.666.909	

511332 Doanh thu giặt là						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				91.309.087	91.309.087	

511342 DT vận chuyển						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				447.953.658	447.953.658	

511346 DT các Tour						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				63.865.395	63.865.395	

511352 Doanh thu Massage						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				300.320.666	300.320.666	

511354 DT Vật liệu trị liệu						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				619.908.221	619.908.221	

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
511374 DT trò chơi, giải trí						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				32.407.274	32.407.274	
511377 Doanh thu phòng họp, hội nghị						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				1.014.550.262	1.014.550.262	
511379 Doanh thu dịch vụ khác						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				421.364.670	421.364.670	
511402 Phí dịch vụ						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				2.511.631.376	2.511.631.376	

Sổ cái TK 511

(Phụ lục 13)

2.5. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2025 Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.6. Kế toán giá vốn hàng bán

2.6.1. Nội dung

Mô tả hệ thống chi phí cấu thành giá vốn kinh doanh khách sạn.

Giá vốn chủ yếu bao gồm:

- Giá vốn minibar
- Giá vốn kinh doanh khách sạn

Đối với hoạt động minibar, giá vốn là trị giá thực tế của các loại hàng hóa như nước suối, bia, nước ngọt, bánh kẹo và các mặt hàng tiêu dùng khác được bố trí trong phòng khách. Khi khách sử dụng minibar, bộ phận buồng phòng kiểm tra số lượng hàng đã dùng, lập phiếu báo cáo và chuyển cho bộ phận kế toán để ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn tương ứng với số hàng hóa đã xuất bán.

Đối với giá vốn kinh doanh khách sạn được tập hợp từ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t &= \frac{\text{Giá trị thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập } t} + \frac{\text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ mua và nhập ở lần nhập } t}{\text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần nhập } t} \\ \text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} &= \text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng} \times \text{Đơn giá bình quân hàng } i \text{ sau lần nhập } t \end{aligned}$$

2.6.2. Tài khoản sử dụng

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 Đà Nẵng sử dụng tài khoản 632 (Giá vốn hàng bán) để hạch toán giá vốn. Tài khoản này được chi tiết:

- TK 632112: Giá vốn Minibar
- TK 63288: Giá vốn kinh doanh khách sạn

2.6.3. Chứng từ sử dụng

- Phiếu yêu cầu mua hàng
- Đơn đặt hàng

- Bảng kê xuất minibar
- Báo cáo bán hàng minibar
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho
- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ

Khi các bộ phận như buồng phòng, nhà hàng, spa, lễ tân có nhu cầu sử dụng vật tư, hàng hóa phục vụ khách, bộ phận liên quan lập phiếu yêu cầu hoặc báo cáo sử dụng gửi cho kế toán. Căn cứ vào các chứng từ này, kế toán kho kiểm tra, đối chiếu số lượng thực tế và nhập liệu vào phần mềm kế toán Smile để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho.

2.6.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ Cái TK 632
- Sổ Nhật ký chung

2.6.5. Qui trình ghi sổ

Giá vốn Minibar

Ví dụ 1: Ngày 21/09/2025, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi nhận giá vốn của hàng hóa minibar đã xuất dùng, đồng thời phản ánh giảm hàng hóa trong kho minibar.

Nghiệp vụ này được cập nhật vào phần mềm kế toán Smile, đồng thời phản ánh vào Sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết TK 632 để theo dõi giá vốn minibar phát sinh trong kỳ.

NESTA HOTEL DA NANG
268 Vo Nguyen Giap, Bac My Phu, Ngu Hanh Son, Da Nang

MINIBAR BY ITEM REPORT

From Date 21/09/2025 To Date 21/09/2025

Code	Name	Price	Q.Ty	Amount
CHARGE				
FO posted with out item				
100 Minibar				
10010018	Pepsi	25,000	1	25,000
10010023	Potato/ Khoai tây	50,000	3	150,000
10010024	Red bull/ Bò húc	30,000	2	60,000
10010028	Hạt điều / Cashew Nuts	55,000	1	55,000
10010029	Aquafina 500ml	25,000	8	200,000
105 Minibar V10				
10010005	Bia larue /Larue Beer	25,000	5	125,000
TOTAL CHARGE				615,000

GL Explorer 202512

SỐ C/Từ: Kỳ: 202509
T.Khoản 1: ☒ Nợ ☒ Có
T.Khoản 2: ☒ Nợ ☒ Có
Số tiền:
Ngày: / /
Update Dte: / /
Diễn giải: Chi tiết:
Loại:

T.Khoản: 632 Bộ phận:
Số tiền: ☒ Nợ ☒ Có
Market: DOI TUONG
☒ Exclude Month End Clearance

☐ Hide Allocated Trns

Alloc Balance: 0 None: 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef	Perio
☐ CO2509-02C	Xuất minibar 03.09	632112	48,619		290		156104	
☐ CO2509-024	Xuất minibar 04.09	632112	76,002		290		156102	
☐ CO2509-024	Xuất minibar 04.09	632112	85,013		290		156104	
☐ CO2509-267	Xuất minibar 19.09	632112	202,616		290		156102	
☐ CO2509-267	Xuất minibar 19.09	632112	65,913		290		156104	
☐ CO2509-362	Xuất minibar 21.09	632112	99,004		290		156102	
☒ CO2509-362	Xuất minibar 21.09	632112	105,778		290		156104	
☐ CO2509-362	Xuất minibar 22.09	632112	90,000		290		156102	
☐ CO2509-362	Xuất minibar 22.09	632112	53,530		290		156104	
☐ CO2509-364	Xuất minibar 23.09	632112	109,310		290		156102	
☐ CO2509-366	Xuất minibar 25.09	632112	40,306		290		156102	
☐ CO2509-366	Xuất minibar 25.09	632112	106,797		290		156104	
☐ CO2509-367	Xuất minibar 26.09	632112	46,002		290		156102	
☐ CO2509-367	Xuất minibar 26.09	632112	69,500		290		156104	
☐ CO2509-366	Xuất minibar 27.09	632112	185,312		290		156102	
☐ CO2509-366	Xuất minibar 27.09	632112	107,440		290		156104	
☐ CO2509-365	Xuất minibar 28.09	632112	23,001		290		156102	
☐ CO2509-365	Xuất minibar 28.09	632112	47,869		290		156104	
☐ CO2509-37C	Xuất minibar 29.09	632112	76,919		290		156102	
☐ CO2509-37C	Xuất minibar 29.09	632112	52,172		290		156104	
☐ CO2509-265	Xuất minibar 18.09	632112	222,311		290		156102	
☐ CO2509-265	Xuất minibar 18.09	632112	113,328		290		156104	

☒ X
Đưa lên STam: 5,375,053 0
5,375,053

- Khi nhận phiếu Minibar By Item Report, Kế toán vào Smile BO → Hàng tồn kho → Xuất hàng.



Mẫu số (Form): 02-VT
(Ban hành theo thông tư số: 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC
(Issued with decision No. 200/2014/TT-BTC
dated 22/12/2014 by Ministry of Finance)

CHI CHINHÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU XUẤT KHO

inventory delivery voucher

Ngày lập (Dated): 21/9/2025 Số (Number): CO2509-362

Họ tên người nhận hàng (Name of receiver):
Nội dung (Content): Xuất minibar 21.09
Xuất tại kho (Store output): Kho minibar
Xuất tại kho (Store output): Kho TD MiniBar

Căn cứ (Base on):
Thủ kho (Storekeeper):

STT No	Mã Code	Tên-Mã hàng hoá Name, specification of	Đơn vị Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price	Thành tiền Amount (VND)	Store Out Kho xuất	Store Input Kho nhập	Có Credit	Nợ Debit	Dept Bộ phận	
1	20030015	Bò húc/Red Bull	Lon	2,00	10.986,0	21.972	290	1290	156104	632112	290	
2	10990165	Hạt điều Đen-Dpak 50g	Gói	1,00	30.000,0	30.000	290	1290	156102	632112	290	
3	10140003	Khoai tây lon 75 gram	Hộp	3,00	23.001,3	69.004	290	1290	156102	632112	290	
4	20020003	Bia Larue 330ml lon	Lon	5,00	10.361,6	51.908	290	1290	156104	632112	290	
5	20030006	Aquafina 500ml	Chai	8,00	3.170,9	25.367	290	1290	156104	632112	290	
6	20030009	Pepsi	Lon	1,00	6.531,0	6.531	290	1290	156104	632112	290	
Tổng Cộng:						204.782						

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm linh tư nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng
Total amount in word: Two hundred four thousand seven hundred eighty two VND only

Phản ánh nghiệp vụ trên phần mềm kế toán

Căn cứ Phiếu xuất kho số CO2509-362 ngày 21/09/2025, kế toán tiến hành nhập liệu nghiệp vụ xuất minibar trên phần mềm kế toán Smile tại phân hệ hàng tồn kho và sổ cái. Sau khi cập nhật chứng từ, phần mềm tự động ghi nhận nghiệp vụ xuất kho hàng hóa minibar và phản ánh giá vốn phát sinh tương ứng.

Trên giao diện GL Explorer, kế toán tra cứu tài khoản 632, chứng từ số C02509-362, phần mềm hiển thị nghiệp vụ “Xuất minibar 21.09”, ghi nhận số tiền 105.778 đồng và 99.004 đồng, hạch toán vào TK 632 – Giá vốn Minibar, đối ứng TK 156102 – Hàng hóa minibar. Nghiệp vụ sau khi cập nhật được phần mềm tự động phản ánh vào sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632 và sổ chi tiết TK 632112.

Giá vốn kinh doanh khách sạn

Tại công ty, giá vốn không bao gồm giá vốn phòng ở riêng biệt. Nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh phòng không phát sinh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp rõ ràng, các chi phí liên quan đã được phản ánh trong chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý.

Mô tả hệ thống chi phí cấu thành giá vốn kinh doanh khách sạn

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp – TK 621

Tại công ty, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các khoản chi phục vụ trực tiếp bao gồm các khoản chi trực tiếp cho hoạt động cung cấp dịch vụ, cụ thể:

- TK 621202: Chi phí thực phẩm
- TK 621204: Chi phí đồ uống
- TK 621208: Chi phí vật liệu Spa
- TK 621210: Chi phí hàng miễn phí cho khách
- TK 621212: Vật dụng cho khách
- TK 621214: Vật liệu, hóa chất vệ sinh
- TK 621216: Hoa, đồ trang trí
- TK 621218: Vật liệu hoạt động
- TK 621220: Vật liệu hóa chất giặt là
- TK 621224: Nhiên liệu đun nấu
- TK 621226: Nhiên liệu đun nấu
- TK 621226: Nhiên liệu
- TK 621299: Chi phí vật liệu

Chi phí nhân công trực tiếp – TK 622

- TK 622102: Lương cơ bản
- TK 622104: Phụ cấp lương
- TK 622110: Lương tháng 13
- TK 622112: Thưởng, bồi dưỡng đột xuất
- TK 622114: Phí phục vụ được chia
- TK 622118: Bảo hiểm xã hội
- TK 622120: Bảo hiểm y tế
- TK 622122: Bảo hiểm thất nghiệp
- TK 622124: Kinh phí công đoàn

- TK 622128: Thuế thu nhập cá nhân
- TK 622130: Tiền ăn ca, uống nước

Chi phí sản xuất chung – TK 627

- TK 627202: Văn phòng phẩm
- TK 627204: Báo chí và ấn phẩm
- TK 627206: In vé, hóa đơn, thực đơn đồ uống
- TK 627302: Đồ thay thế, đồ dùng vải vóc
- TK 627304: Đồ thay thế, đồ sành sứ
- TK 627306: Đồ thay thế, đồ thủy tinh
- TK 627308: Đồ thay thế, đồ kim loại
- TK 627310: Đồ thay thế, đồ gỗ
- TK 627312: Trang phục nhân viên
- TK 627314: Vật dụng cho bếp
- TK 627316: Trang thiết bị văn phòng
- TK 627318: Trang thiết bị kỹ thuật
- TK 627320: Trang thiết bị vệ sinh
- TK 627399: Chi phí CCDC khác
- TK 627402: Khấu hao - Nhà cửa vật kiến trúc
- TK 627404: Khấu hao - Máy móc thiết bị
- TK 627702: Điện
- TK 627704: Nước
- TK 627714: Kênh truyền hình
- TK 627716: Vận chuyển khách
- TK 627718: Chi phí thuyền chuyển khách
- TK 627725: Chi phí hoa hồng
- TK 627726: Dịch vụ thuê ngoài
- TK 627728: Thiết bị thuê ngoài
- TK 627730: Bảo hiểm tài sản
- TK 627732: Bảo trì, bảo dưỡng
- TK 627734: Quà tặng
- TK 627744: Điện thoại, fax, bưu phẩm
- TK 627746: Chi phí giặt là đồ khách
- TK 627748: Chi phí giặt là đồ vải khách sạn
- TK 627749: Chi phí vệ sinh, diệt côn trùng
- TK 627760: Bảo trì – Nhà cửa vật kiến trúc
- TK 627761: Bảo trì – Màn hình, rèm

- TK 627762: Bảo trì – Máy lạnh, điều hòa
- TK 627763: Bảo trì – Hệ thống bếp
- TK 627765: Bảo trì – Thiết bị kỹ thuật, điện
- TK 627766: Bảo trì – Hệ thống cấp nước/sưởi
- TK 627767: Bảo trì – Hệ thống thang máy
- TK 627771: Bảo trì – Đồ đạc
- TK 627772: Bảo trì – Bể bơi
- TK 627773: Bảo trì – Phương tiện vận tải
- TK 627775: Bảo trì – Hệ thống phòng cháy
- TK 627776: Bảo trì – HT máy tính/phần mềm
- TK 627799: Chi phí khác

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp thực hiện kết chuyển toàn bộ TK 621, TK 622, TK 627 đã tập hợp vào TK 632 để xác định giá vốn kinh doanh khách sạn.

Sổ chi tiết TK 632:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:632
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025 Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		632				
632112 Giá vốn Minibar						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
CO2501-013	05/01/2025	Xuất minibar 05.01	156102	80.691	0	612.279
CO2501-013	05/01/2025	Xuất minibar 05.01	156104	96.761	0	709.040
...	...	...	...	...	...	
CO2509-362	21/09/2025	Xuất minibar 21.09	156102	99.004	0	3.914.367
CO2509-362	21/09/2025	Xuất minibar 21.09	156104	105.778	0	4.020.145
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	5.375.053	0
...	...	...	...	...	...	
Tổng cộng/ Total :				54.715.427	54.715.427	
63288 Giá vốn kinh doanh khách sạn						
		Số dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627202	1.696.993	0	1.696.993
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627204	4.804.681	0	6.501.674
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627302	54.418.294	0	60.919.968
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627304	4.459.259	0	65.379.227
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627306	2.473.000	0	67.852.227
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627308	995.833	0	68.848.060
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627310	14.844.915	0	83.692.975
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627312	8.200.423	0	91.893.398
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627314	2.315.478	0	94.208.876
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627316	252.880	0	94.461.756
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627318	5.174.802	0	99.636.558
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627320	17.123.123	0	116.759.681
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627399	90.162.350	0	206.922.031
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627402	7.591.299	0	214.513.330
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627404	229.514.913	0	444.028.243
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627702	258.586.014	0	702.614.257

GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627704	35.404.304	0	738.018.561
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627714	19.320.000	0	757.338.561
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627716	77.018.289	0	834.356.850
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627726	8.636.031	0	842.992.881
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627728	302.727.274	0	1.145.720.155
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627732	9.533.301	0	1.155.253.456
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627734	2.542.248	0	1.157.795.704
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627744	202.626	0	1.157.998.330
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627746	9.768.250	0	1.167.766.580
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627748	115.101.351	0	1.282.867.931
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627749	12.702.857	0	1.295.570.788
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627760	13.856.000	0	1.309.426.788
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627762	3.733.332	0	1.313.160.120
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627765	2.300.992	0	1.315.461.112
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627766	11.500.000	0	1.326.961.112
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627767	1.600.000	0	1.328.561.112
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627773	8.338.106	0	1.336.899.218
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627776	210.833	0	1.337.110.051
GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627799	77.200	0	1.337.187.251
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621202	348.166.735	0	1.685.353.986
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621204	51.935.855	0	1.737.289.841
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621208	2.168.763	0	1.739.458.604
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621210	31.218.892	0	1.770.677.496
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621212	38.073.411	0	1.808.750.907
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621214	16.978.819	0	1.825.729.726
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621216	9.115.000	0	1.834.844.726
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621218	361.580	0	1.835.206.306
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621220	8.044.518	0	1.843.250.824
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621224	13.646.111	0	1.856.896.935
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621226	2.777.778	0	1.859.674.713
GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621299	4.390.000	0	1.864.064.713
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622102	708.401.626	0	2.572.466.339
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622108	41.156.875	0	2.613.623.214
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622110	44.799.999	0	2.658.423.213
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622112	17.492.258	0	2.675.915.471
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622114	63.476.447	0	2.739.391.918
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622118	58.247.500	0	2.797.639.418
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622120	10.272.000	0	2.807.911.418
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622122	3.327.000	0	2.811.238.418
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622124	6.554.000	0	2.817.792.418
GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622130	57.300.218	0	2.875.092.636
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	2.875.092.636	0
...	...	...	...	...	...	
GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	406.502.570	0
Tổng cộng/ Total :				38.015.139.310	38.015.139.310	

Sổ cái TK 632:

(Phụ lục 14)

2.7. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.7.1. Nội dung

Tại công ty Chi nhánh Cổ phần 216 Đà Nẵng, doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm các khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ số tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

2.7.2. Tài khoản kế toán

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 Đà Nẵng sử dụng tài khoản 515 (doanh thu hoạt động tài chính) để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính. Tài khoản này được chi tiết:

- TK 511900: Thu nhập hoạt động tài chính khác

2.7.3. Chứng từ kế toán

- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ hạch toán.

2.7.4. Sổ kế toán được sử dụng

- Sổ chi tiết TK 515
- Sổ cái TK 515
- Sổ nhật ký chung

2.7.5. Quy trình ghi sổ

Khi nhận được chứng từ, kế toán công nợ kiểm tra, đối chiếu công nợ với các giao dịch từ ngân hàng để tiến hành nhập liệu vào phần mềm Smile.

Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

Ví dụ minh họa: Vào ngày 31/10/2025, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Viettinban - CN Song Han – PGD Mỹ Khuê gửi giấy báo có lãi tiền gửi ngân hàng tháng 10/2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 Đà Nẵng là 52.987 đồng

GIẤY BẢO CỐ Credit Advice		
Số giao dịch Transaction number	:5438	
Ngày thực hiện Transaction date	:31-10-2025 01:50:15	
Tên người chuyển Applicant name		
Số tài khoản From account number	:	
Tại Ngân hàng With Bank	:Back Office Operations	
Người thụ hưởng Beneficiary	:CN CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG	
Số tài khoản To account number	:111110219216	
Tại Ngân hàng With Bank	:49030 - CN SONG HAN - PGD MY KHE	
Số tiền bằng số Amount in figures	Số tiền Currency	:VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	:Năm mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng.	
Nội dung Remarks	:Tra lại tài khoản DDA	
Kênh chuyển tiền Channel	In từ dịch vụ VietinBank eFAST Date Printed	:14/04/2026 16:12:50

Lập bảng

Maker

Kiểm soát viên

Supervisor



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢO CỐ NGÂN HÀNG (CREDIT NOTE BANK VOUCHER)

Ngày lập (Date): 31/10/2025 Số (Number): CN2510-0599

Kỳ kế toán (Period) 202510

Nội dung (Content) : Lãi TG VTB219 /

Tham chiếu (JV Ref) : -

Tài khoản/ Account		Diễn giải Description	Mã đối tượng objective code	Số tiền/ Amount	
Số hiệu/ AccNo	Tên TK/ Name acc			Nợ/ Debit	Có/ Credit
112110	Tiền gửi ngân hàng VTB 216	Lãi TG VTB219		52.987	0
515900	Thu nhập hoạt động tài chính	Lãi TG VTB219	640	0	52.987
Cộng (Sum) :				52.987	52.987

NGƯỜI LẬP BIỂU
(PREPARED BY)
Ngày..... tháng..... năm....

Trương Minh Thịnh
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(CHIEF ACCOUNTANT)
Ngày..... tháng..... năm....

Nguyễn Dương Quỳnh
GIÁM ĐỐC
(DIRECTOR)
Ngày..... tháng..... năm....

Dựa vào giấy báo lãi tiền gửi được xuất từ hệ thống, kế toán công nợ nhập liệu vào phần mềm Smile. Sau đó, kế toán công nợ ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng tiền gửi ngân hàng theo tài khoản chi tiết.

(Phụ lục 15)

OL Explorer 202502

Số CTừ: Kỳ: 202510

T.Khoản 1: ☒ Nợ ☒ Có

T.Khoản 2: ☒ Nợ ☒ Có

Số tiền:

Ngày:

Update Dte:

Diễn giải: Chi tiết

Loại: Xuất Excel

Check All ☐ New Only

T.Khoản: 112110 Bộ phận: Chi tiết ☐ Hide Allocated Trns

Số tiền: ☒ Nợ ☒ Có

Market: DOI TUONG

☒ Exclude Month End Clearance

Add Allocation

Alc Balance: 0 None 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef
☐ CN2510-059	Lãi TG VTB219	112110	52,987				
☐ CN2510-059	Lãi TG VTB219	515900		52,987	640		

Acc	Voucher No	Type	Date	Description
☒	CN2510-059	CRNTB	31/10/2025	Lãi TG VTB219

Sổ chi tiết TK 511

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:515 (Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025

Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		515				
515900 Thu nhập hoạt động tài chính khác						
		Số dư đầu kỳ				
---	---	---	---	---	---	
CN2504-1009	25/04/2025	Lãi TG BIDV T4.25	112111	0	106.521	-106.521
---	---	---	---	---	---	
CN2510-0599	31/10/2025	Lãi TG VTB219	112110	0	52.987	-289.632
---	---	---	---	---	---	
GL2512-004	30/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	215.943	0	0
---	---	---	---	---	---	
CN2511-0060	25/11/2025	Lãi TG BIDV T11.25	112111	0	92.197	-92.369
---	---	---	---	---	---	
Tổng cộng/ Total :					2.572.783	2.572.783

Sổ cái TK 515900

(Phụ lục 17)

2.8. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Trong năm 2025 Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 không phát sinh chi phí hoạt động tài chính.

2.9. Kế toán chi phí bán hàng

2.9.1. Nội dung

Chi phí bán hàng trong năm 2025 bao gồm: lương cơ bản, lương tháng 13, thưởng – bồi dưỡng đột xuất 13, phí phục vụ được chia, kinh phí công đoàn, thuế TNCN, tiền ăn ca – uống nước, văn phòng phẩm, báo chí và ấn phẩm, quà cáp miễn phí cho khách, trang phục nhân viên, thiết bị văn phòng – phần mềm, chi phí quảng cáo thuê ngoài, chi phí quảng cáo tự làm, khuyến khích – tiếp thị khách sạn, chi phí văn phòng đại diện, chi phí hoa hồng, ăn uống – tiếp khách, chi phí đi lại hàng ngày (Taxi, thuê xe), chi phí công tác, điện thoại – Fax – bưu phẩm.

2.9.2. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ, Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 Đà Nẵng sử dụng Tk 641 – Chi phí bán hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ và cuối kỳ được kết chuyển vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản này được chi tiết như sau:

- TK 641102: Lương cơ bản
- TK 641110: Lương tháng 13
- TK 641112: Thưởng, bồi dưỡng đột xuất 13
- TK 641114: Phí phục vụ được chia
- TK 641124: Kinh phí công đoàn
- TK 641128: Thuế TNCN
- TK 641130: Tiền ăn ca, nước uống
- TK 641202: Văn phòng phẩm
- TK 641204: Báo chí và ấn phẩm
- TK 641218: Quà cáp miễn phí cho khách
- TK 641302: Trang phục nhân viên
- TK 641306: Thiết bị văn phòng, phần mềm
- TK 641704: Chi phí quảng cáo thuê ngoài
- TK 641706: Chi phí quảng cáo tự làm
- TK 641708: Khuyến khích, tiếp thị khách sạn
- TK 641714: Chi phí văn phòng đại diện
- TK 641718: Chi phí hoa hồng
- TK 641720: Ăn uống, tiếp khách
- TK 641722: Chi phí đi lại hàng ngày (Taxi, thuê xe)

- TK 641724: Chi phí công tác
- TK 641728: Điện thoại, Fax, Bưu phẩm

2.9.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng dịch vụ quảng cáo thuê ngoài
- Hợp đồng hợp tác với công ty lữ hành, đại lý du lịch hoặc nền tảng đặt phòng
- Bảng kê hoa hồng đại lý, bảng đối chiếu công nợ với đối tác
- Bảng lương và bảng phân bổ tiền lương của nhân viên bán hàng
- Phiếu xuất kho vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ bộ phận bán hàng
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, bảng tính khấu hao tài sản cố định

2.9.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 641
- Sổ cái TK 641
- Sổ nhật ký chung

2.9.5. Quy trình ghi sổ

Ví dụ 1: Căn cứ bảng lương tháng 9/2025, kế toán tiền hành hạch toán chi phí lương cơ bản của bộ phận bán hàng trên phần mềm kế toán Smile. Lương của bộ phận bán hàng hạch toán TK 641102: 33.680.135

GL Explorer 202512

SỐ CTừ Kỳ 202509
T.Khoản 1 ☒ Nợ ☒ Có
T.Khoản 2 ☒ Nợ ☒ Có
Số tiền
Ngày
Update Dte
Diễn giải Chi tiết
Loại Xuất Excel
☒ Check All ☐ New Only

T.Khoản 641102 Bộ phận Chi tiết
Số tiền ☒ Nợ ☒ Có
Market ... ĐỐI TƯỢNG ...
☒ Exclude Month End Clearance Xuất Excel
☐ Hide Allocated Trns
Add Allocation Show Allocation
Alloc Balance None
0 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef	Period
☐ JV2509-053	Hạch toán lương T9.2025	641102	33,680,135		510			202

Acc	Voucher No	Type	Date	Description
☐	JV2509-053	JV001	30/09/2025	Hạch toán lương

X
Đưa lên STam In chứng từ Đóng
33,680,135 0
33,680,135

Ví dụ 2: Ngày 30/10/2025 Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng ghi nhận khoản chi phí hoa hồng Hotelink tháng 09/2025 với số tiền 1.275.000 đồng. Khoản chi phí này phát sinh liên quan đến hoạt động bán dịch vụ, hỗ trợ đặt phòng và khai thác khách hàng cho khách sạn.

	CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH TA ĐI ĐI Mã số thuế (Tax code): 0306143291 Địa chỉ (Address): Lầu 9 - Khu B Tòa nhà Waseco, Số 10 Phố Quang, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tài khoản (Bank account): 19027298632019 - Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Gia Định - TP.Hồ Chí Minh																																										
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2025 Mã QDT (Code): 0069FB641CF0FD42589345346DA7F9FE63																																											
Ký hiệu (Serial): 1C25TYY Số (No.): 00008731																																											
Họ tên người mua hàng (Buyer): Tên đơn vị (Company's name): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG Mã số thuế (Tax code): 0101324219-002 MSĐVCQHVN (Budgetary unit code): Địa chỉ (Address): Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Căn cước công dân (Citizen identification): Số hộ chiếu (Passport number): Hình thức thanh toán (Payment method): TMUCK Số tài khoản (Bank account): Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): VND																																											
																																											
<table><thead><tr><th>SIT (No)</th><th>Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)</th><th>Đơn vị tính (Unit)</th><th>Số lượng (Quantity)</th><th>Đơn giá (Unit price)</th><th>Thành tiền (Amount)</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Phí hoa hồng tháng 9/2025</td><td>Tháng</td><td>1,00</td><td>1.275.000,00</td><td>1.275.000</td></tr><tr><td colspan="5">Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):</td><td>1.275.000</td></tr><tr><td colspan="5">Thuế suất GTGT (VAT rate):</td><td>X</td></tr><tr><td colspan="5">KCT Tiền thuế GTGT (VAT amount):</td><td></td></tr><tr><td colspan="5">Tổng tiền thanh toán (Total amount):</td><td>1.275.000</td></tr><tr><td colspan="6">Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn. (One million, two hundred seventy-five thousand dong.)</td></tr></tbody></table>	SIT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	1	Phí hoa hồng tháng 9/2025	Tháng	1,00	1.275.000,00	1.275.000	Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					1.275.000	Thuế suất GTGT (VAT rate):					X	KCT Tiền thuế GTGT (VAT amount):						Tổng tiền thanh toán (Total amount):					1.275.000	Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn. (One million, two hundred seventy-five thousand dong.)						
SIT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)																																						
1	Phí hoa hồng tháng 9/2025	Tháng	1,00	1.275.000,00	1.275.000																																						
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					1.275.000																																						
Thuế suất GTGT (VAT rate):					X																																						
KCT Tiền thuế GTGT (VAT amount):																																											
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					1.275.000																																						
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn. (One million, two hundred seventy-five thousand dong.)																																											
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)																																											
Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)																																											
Signature Valid Ký bởi (Signed By): CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH TA ĐI ĐI Ký ngày (Signing Date): 03/10/2025																																											
Tra cứu tại Website (Search in website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 6XH5C7575WPI Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150																																											



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(JOURNAL VOUCHER)

Kỳ kế toán (Period): 202510

Ngày lập (Date): 03/10/2025

Số (Number): AP2510-002

Nội dung (Content) Cp hoa hồng hotelink T9.25 :

Tham chiếu (JV Ref) :AP/1222/INV/.55323-Công Ty Cổ Phần Liên Doanh Ta Đi Đi

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
641718	Chi phí hoa hồng	Cp hoa hồng hotelink T9.25	120	Buong Phong /Housekeeping	1.275.000	
331100	Phải trả cho người bán	Cp hoa hồng hotelink T9.25	120	Buong Phong /Housekeeping		1.275.000
Cộng					1.275.000	1.275.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

(PREPARED BY)

Ngày..... tháng..... năm...

Trương Minh Thịnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(CHIEF ACCOUNTANT)

Ngày..... tháng..... năm...

Nguyễn Dương Quỳnh

GIÁM ĐỐC

(GENERAL MANAGER)

Ngày..... tháng..... năm...

Sổ chi tiết TK 641

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN: 641
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025

Đến ngày/ To Date: 12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		641				
Tài khoản: 641102 Lương cơ bản						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
JV2503-026	31/03/2025	Hoạch toán lương T3.2025	334110	18.009.256	0	0
...	...	...	...	...	...	...
JV2510-066	31/10/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	33.680.135	-33.680.135
JV2509-053	30/09/2025	Hoạch toán lương T9.2025	334110	33.680.135	0	0
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				170.576.123	170.576.123	
Tài khoản: 641110 Lương tháng 13						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				10.666.670	10.666.670	
Tài khoản: 641112 Thường, bồi dưỡng đột xuất 13						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				5.776.490	5.776.490	
Tài khoản: 641114 Phí phục vụ được chia						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				19.269.901	19.269.901	
Tài khoản: 641124 Kinh phí công đoàn						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				1.388.000	1.388.000	
Tài khoản: 641128 Thuế TNCN						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				11.267.920	11.267.920	

Tài khoản: 641202 Văn phòng phẩm						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			974.824	974.824		
Tài khoản: 641204 Báo chí và ấn phẩm						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			4.074.074	4.074.074		
Tài khoản: 641218 Quà cáp miễn phí cho khách						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			1.400.000	1.400.000		
Tài khoản: 641302 Trang phục nhân viên						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			490.001	490.001		
Tài khoản: 641306 Thiết bị văn phòng, phần mềm						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			15.035.564	15.035.564		
Tài khoản: 641704 Chi phí quảng cáo thuê ngoài						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			384.380.995	384.380.995		
Tài khoản: 641706 Chi phí quảng cáo tự làm						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			1.473.527	1.473.527		
Tài khoản: 641708 Khuyến khích, tiếp thị khách sạn						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
			17.444.232	17.444.232		
Tài khoản: 641714 Chi phí văn phòng đại diện						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :			2.271.927.265	2.271.927.265		

Tài khoản: 641718		Chi phí hoa hồng				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
AP2507-001	03/07/2025	CP hoa hồng hotelink	331100	4.045.620	0	10.116.565
...	...	...	...	...	...	...
AP2510-002	03/10/2025	CP hoa hồng hotelink T9.25	331100	1.275.000	0	1.275.000
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	741.037.116	-679.975.242
...	...	...	...	...	...	...
JV2511-002	03/11/2025	CP hoa hồng hotelink T10.25	331100	2.207.750	0	2.207.750
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				5.800.899.492	5.800.899.492	
Tài khoản: 641720		Ăn uống, tiếp khách				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				1.739.580	1.739.580	
Tài khoản: 641722		Chi phí đi lại hàng ngày (Taxi, thuê xe)				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				190.000	190.000	
Tài khoản: 641724		Chi phí công tác				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				9.523.354	9.523.354	
Tài khoản: 641728		Điện thoại, Fax, bưu phẩm				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				991.294	991.294	

Sổ cái TK 641:

(Phụ lục 16)

2.10. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

2.10.1. Nội dung

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: lương cơ bản, lương tháng 13, thưởng - bồi dưỡng đột xuất 13, phí dịch vụ được chia, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế TNCN, tiền ăn ca – uống nước, chi phí qun hệ nhân viên, văn phòng phẩm, báo chí và ấn phẩm, chi phí quản lý vật liệu quản lý khác, trang phục nhân viên, thiết bị văn phòng – phần mềm, đồ đạc – dụng cụ văn phòng, chi phí đồ dùng văn phòng khác, khấu hao – phần mềm vt, khấu hao – TSCĐ vô hình – khác, phí – lệ phí, phí dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thuê ngoài, ăn uống – tiếp khách, chi phí công tác – VPĐH/ Chủ đầu tư, chí phí đào tạo, điện thoại – Fax – bưu phẩm, chi phí khác, bảo trì – thiết bị kỹ

thuật, điện, thắp, nền, hệ thống phòng cháy, HT máy tính/phần mềm, vật dụng kỹ thuật, thuê chuyển rác thải, chi phí trang phí.

2.10.2. Tài khoản sử dụng

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 Đà Nẵng sử dụng TK 642 (Chi phí quản lý doanh nghiệp) để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp. Tài khoản này được chi tiết :

- TK 642102: Lương cơ bản
- TK 642110: Lương tháng 13
- TK 642112: Thưởng, bồi dưỡng đột xuất 13
- TK 642114: Phí phục vụ được chia
- TK 642118: Bảo hiểm xã hội
- TK 642120: Bảo hiểm y tế
- TK 642122: Bảo hiểm thất nghiệp
- TK 642128: Thuế TNCN
- TK 642124: Kinh phí công đoàn
- TK 642130: Tiền ăn ca, uống nước
- TK 642132: Chi phí quan hệ nhân viên
- TK 642202: Văn phòng phẩm
- TK 642204: Báo chí và ấn phẩm
- TK 642299: Chi phí vật liệu quản lý khác
- TK 642302: Trang phục nhân viên
- TK 642306: Thiết bị văn phòng, phần mềm
- TK 642308: Đồ đạc, dụng cụ văn phòng
- TK 642329: Chi phí đồ dùng văn phòng khác
- TK 642432: Khấu hao – phần mềm vt
- TK 642499: Khấu hao – TSCD vô hình – khác
- TK 64251: Phí, lệ phí
- TK 642712: Phí dịch vụ ngân hàng
- TK 642718: Dịch vụ tư vấn
- TK 642720: Dịch vụ thuê ngoài
- TK 642730: Ăn uống, tiếp khách
- TK 642734: Chi phí công tác – VPĐH/ Chủ đầu tư
- TK 642736: Chi phí đào tạo
- TK 642738: Điện thoại, Fax, Bưu phẩm
- TK 642749: Chi phí khác
- TK 642772: Bảo trì – Thiết bị kỹ thuật, điện
- TK 642778: Bảo trì – Thắp, nền
- TK 642792: Bảo trì – Hệ thống phòng cháy

- TK 642793: Bảo trì – HT máy tính/ Phần mềm
- TK 642794: Vật dụng kỹ thuật
- TK 642797: Thuê chuyển rác thải
- TK 642801: Chi phí trang trí

2.10.3. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng kê trích nộp BHXH, BHYT, BHTN
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn dịch vụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định

2.10.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 642
- Sổ cái TK 642
- Sổ nhật ký chung

2.10.5. Qui trình ghi sổ

Cuối tháng 9, bộ phận kế toán nhận bảng lương chi tiết từ bộ phận nhân sự của công ty, kế toán tổng hợp phân bổ lương cho từng bộ phận. Lương của bộ phận quản lý hành chính và ban lãnh đạo công ty.

Lương cơ bản tháng 09/2025. TK 642102 – Lương cơ bản phát sinh với tổng số tiền 318.979.739 đồng, được phân bổ chi tiết theo từng mã bộ phận.

GL Explorer 202512

Số CTừ: [] Kỳ: 202509

T.Khoản 1: [] ☒ Nợ ☒ Có

T.Khoản 2: [] ☒ Nợ ☒ Có

Số tiền: []

Ngày: []/[]/[]

Update Dte: []/[]/[]

Diễn giải: [] Chi tiết

Loại: [] Xuất Excel

Check All ☐ New Only

T.Khoản: 642102 Bộ phận: [] Chi tiết

Số tiền: [] ☒ Nợ ☒ Có

Market: [] DOI TUONG: []

☒ Exclude Month End Clearance

Xuất Excel

☐ Hide Allocated Trns

Add Allocation Show Allocation

Alc Balance None

0 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef	Period
☐ JV2509-053	Hoạch toán lương T9.2025	642102	28,721,770		645			202
☐ JV2509-053	Hoạch toán lương T9.2025	642102	3,000,000		780			202
☐ JV2509-053	Hoạch toán lương T9.2025	642102	84,461,518		640			202
☐ JV2509-053	Hoạch toán lương T9.2025	642102	28,529,318		710			202
☐ JV2509-053	Hoạch toán lương T9.2025	642102	95,517,133		650			202
☐ JV2509-053	Hoạch toán lương T9.2025	642102	78,750,000		610			202

Type Date Description Amo

APVOU 03/10/2025 Cp hoa hồng hotelink T9.2

X 318,979,739 0

Đưa lên STạm In chứng từ Đóng

318,979,739

5. ty gia trang

Trích bảo hiểm xã hội tháng 09/2025. TK 642118 – BHXH phát sinh với tổng số tiền 24.692.500 đồng, được phân bổ chi tiết theo từng mã bộ phận.

GL Explorer 202512

Số CTừ Kỳ 202509

T.Khoản 1 ☒ Nợ ☒ Có

T.Khoản 2 ☒ Nợ ☒ Có

Số tiền

Ngày

Update Dte

Diễn giải

Loại

Chi tiết

Xuất Excel

Check All ☐ New Only

T.Khoản 642118 Bộ phận

Số tiền ☒ Nợ ☒ Có

Market DOI TUONG

☒ Exclude Month End Clearance

Xuất Excel

Hide Allocated Trns

Add Allocation Show Allocation

Alloc Balance None

0 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef	Period
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642118	10,517,500		650			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642118	1,750,000		610			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642118	6,825,000		640			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642118	2,625,000		710			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642118	2,975,000		645			202

X

Đưa lên STạm In chứng từ Đóng

24,692,500 0

24,692,500

5. TV địa thành

Trích bảo hiểm y tế tháng 09/2025. TK 642120 – BHYT phát sinh với tổng số tiền 4.233.000 đồng, được phân bổ chi tiết theo từng mã bộ phận.

GL Explorer 202512

Số CTừ Kỳ 202509

T.Khoản 1 ☒ Nợ ☒ Có

T.Khoản 2 ☒ Nợ ☒ Có

Số tiền

Ngày

Update Dte

Diễn giải

Loại

Chi tiết

Xuất Excel

Check All ☐ New Only

T.Khoản 642120 Bộ phận

Số tiền ☒ Nợ ☒ Có

Market DOI TUONG

☒ Exclude Month End Clearance

Xuất Excel

Hide Allocated Trns

Add Allocation Show Allocation

Alloc Balance None

0 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef	Period
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642120	1,803,000		650			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642120	300,000		610			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642120	1,170,000		640			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642120	450,000		710			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642120	510,000		645			202

X

Đưa lên STạm In chứng từ Đóng

4,233,000 0

4,233,000

5. Ty gia thành

Trích bảo hiểm thất nghiệp tháng 09/2025. TK 642122 – BHTN phát sinh với tổng số tiền 1.411.000 đồng, được phân bổ chi tiết theo từng mã bộ phận.

GL Explorer 202512

SỐ CTƯ Kỳ 202509
T.Khoản 1 ☒ Nợ ☒ Có
T.Khoản 2 ☒ Nợ ☒ Có
Số tiền
Ngày
Update Dte
Diễn giải Chi tiết
Loại Xuất Excel
☐ Check All ☐ New Only

T.Khoản 642122 Bộ phận
Số tiền ☒ Nợ ☒ Có
Market ... ĐỔI TƯƠNG ...
☒ Exclude Month End Clearance

☐ Hide Allocated Trns

Alloc Balance None
0 0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef	Period
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642122	601,000		650			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642122	100,000		610			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642122	390,000		640			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642122	150,000		710			202
☐ JV2509-049	Hoạch toán BHXH T9.202	642122	170,000		645			202

Type	Date	Description	Amo
APVOU	03/10/2025	Cp hoa hồng hotelink T9.2	

X
Đưa lên STạm In chứng từ Đóng
1,411,000 0
1,411,000

Ví dụ: Trong tháng 09/2025, công ty sử dụng dịch vụ internet cáp quang (FTTH) do viettel cung cấp. Ngày 02/10 công ty nhận được hóa đơn GTGT số 82487838 do tập đoàn công nghiệp – Viễn thông Quân đội phát hành cho chi phí sử dụng dịch vụ internet của kỳ cước tháng 09/2025. Tổng giá trị dịch vụ chưa thuế là 1.000.000 đồng, thuế GTGT 10% , tổng số tiền thanh toán là 1.100.000 đồng.

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Theo cách của bạn

Ký hiệu: 1K25DAB
Số: 82487838
Ngày lập: 02/10/2025

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số thuế: 0100109106

Họ tên người mua hàng: Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng
Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng
Địa chỉ: Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Số thuế bao: Đại diện (d511_gfth_duongetcpd1)
Số hợp đồng: 630294939/1000315100_VTP/24032023
Mã đơn vị ngân sách:
Số hộ chiếu:

Mã số thuế: 0101324219-002
Ký cước: Tháng 09/2025
Hình thức thanh toán: TM/CK
Mã định danh cá nhân:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG TB	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT(%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3 = 1x2	4 = 1+3
1	Dịch vụ FTTH	01	1.000.000	10%	100.000	1.100.000
CỘNG			1.000.000		100.000	1.100.000

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN

SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn

Ký bởi: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
Ký ngày: 02/10/2025

Website tra cứu hóa đơn: <https://vietteltelecom.vn/hoadondientu/>
Mã số tra cứu: HL2M1NRS5N

Chứng từ kế toán:



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(JOURNAL VOUCHER)

Kỳ kế toán (Period): 202509

Ngày lập (Date): 30/09/2025

Số (Number): AP2509-086

Nội dung (Content) CP cước internet viettel T9.25 :

Tham chiếu (JV Ref) : AP/1141/INV/55190-Tập Đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
642738	Điện thoại Fax, Bưu phẩm	CP cước internet viettel T9.25	645	BP Công nghệ / IT	1.000.000	
331100	Phải trả cho người bán	CP cước internet viettel T9.25	645	BP Công nghệ / IT		1.000.000
Cộng					1.000.000	1.000.000

NGƯỜI LẬP BIỂU
(PREPARED BY)
Ngày..... tháng..... năm...

Trương Minh Thịnh
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(CHIEF ACCOUNTANT)
Ngày..... tháng..... năm...

Nguyễn Dương Quỳnh
GIÁM ĐỐC
(GENERAL MANAGER)
Ngày..... tháng..... năm...

Thuế Vat đầu vào:



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

(JOURNAL VOUCHER)

Kỳ kế toán (Period): 202510

Ngày lập (Date): 02/10/2025

Số (Number): II2510-093

Nội dung (Content) Thuế Vat đầu vào T9.25 - Viettel :

Tham chiếu (JV Ref) : AP/1141/INV/56550-Tập Đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội

Tài khoản / Account		Diễn giải Description	Mã bộ phận (Dept)	Tên bộ phận Department Name	Số tiền / Amount	
Số hiệu /AccNo	Tên TK / Acc Name				Nợ/ Debit	Có/ Credit
133110	TGTGT được khấu trừ	Thuế Vat đầu vào T9.25 - Viettel			100.000	
331100	Phải trả cho người bán	Thuế Vat đầu vào T9.25 - Viettel				100.000
Cộng					100.000	100.000

NGƯỜI LẬP BIỂU
(PREPARED BY)
Ngày..... tháng..... năm...

Trương Minh Thịnh
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(CHIEF ACCOUNTANT)
Ngày..... tháng..... năm...

Nguyễn Dương Quỳnh
GIÁM ĐỐC
(GENERAL MANAGER)
Ngày..... tháng..... năm...

Sổ chi tiết TK 642

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:642
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025 Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ			642			
Tài khoản: 642102 Lương cơ bản						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	295.352.237	-295.352.237
JV2503-026	31/03/2025	Hoạch toán lương T3.2025	334110	295.352.237	0	0
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	318.979.739	-318.919.739
JV2509-053	30/09/2025	Hoạch toán lương T9.2025	334110	318.979.739	0	0
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				3.078.209.077	3.078.209.077	
Tài khoản: 642110 Lương tháng 13						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				148.487.955	148.487.955	
Tài khoản: 642112 Thưởng, bồi dưỡng đột xuất						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				10.124.417	10.124.417	
Tài khoản: 642114 Phí dịch vụ được chia						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				209.730.856	209.730.856	
Tài khoản: 642118 Bảo hiểm xã hội						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	22.767.500	-22.767.500
JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338310	9.095.000	0	-13.672.000
JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338410	13.672.000	0	0
...	...	...	...	...	...	...
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	24.692.500	-24.692.500
JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338310	11.093.500	0	-13.599.000

JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338410	13.599.000	0	0
...	...	...	...	..	...	
				236.617.500	236.617.500	
Tài khoản: 642120 Bảo hiểm y tế						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	
GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	4.038.000	-4.038.000
JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338410	620.000	0	-3.418.000
JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338610	3.418.000	0	0
...	...	...	...			
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	4.233.000	-4.233.000
JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338410	906.000	0	-3.327.000
JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338610	3.327.000	0	0
...	...	...	...	..	...	...
Tổng cộng/ Total :				40.698.000	40.698.000	
Tài khoản: 642122 Bảo hiểm thất nghiệp						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	
GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	1.301.000	-1.301.000
JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338610	1.301.000	0	0
...	...	...	...			
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	1.411.000	-1.411.000
JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338610	1.411.000	0	0
Tổng cộng/ Total :				13.521.000	13.521.000	
...	...	...	...	..	...	
Tài khoản: 642124 Kinh phí công đoàn						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				26.760.000	26.760.000	
Tài khoản: 642128 Thuế TNCN						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				3.465.000	3.465.000	
Tài khoản: 642130 Tiền ăn ca, uống nước						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				142.151.271	142.151.271	
Tài khoản: 642132 Chi phí quan hệ nhân viên						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				58.904.195	58.904.195	

Tài khoản: 642202		Văn phòng phẩm				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				18.193.173	18.193.173	
Tài khoản: 642204		Báo chí và ấn phẩm				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				613.889	613.889	
Tài khoản: 642299		Chi phí vật liệu quản lý khác				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				14.403.045	14.403.045	
Tài khoản: 642302		Trang phục nhân viên				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				34.285.403	34.285.403	
Tài khoản: 642306		Thiết bị văn phòng, phần mềm				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				121.835.237	121.835.237	
Tài khoản: 642308		Đồ đạc, dụng cụ văn phòng				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				286.779.436	286.779.436	
Tài khoản: 642329		Chi phí đồ dùng văn phòng khác				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				17.429.395	17.429.395	
Tài khoản: 642432		Khấu hao – phần mềm vt				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				29.473.177	29.473.177	
Tài khoản: 642499		Khấu hao – TSCĐ vô hình – khác				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				14.551.822	14.551.822	
Tài khoản: 64251		Phí, lệ phí				
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				2.000.000	2.000.000	
Tài khoản: 642712		Phí dịch vụ ngân hàng				
		Dư đầu kỳ				

...	...	...	...	746.690.749	746.690.749	
Tổng cộng/ Total :						
Tài khoản: 642718 Dịch vụ tư vấn						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				991.527.271	991.527.271	
Tài khoản: 642720 Dịch vụ thuê ngoài						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				13.310.000	13.310.000	
Tài khoản: 642730 Ăn uống, tiếp khách						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				12.861.087	12.861.087	
Tài khoản: 642734 Chi phí công tác – VPĐH/ Chủ đầu tư						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				675.018.063	675.018.063	
Tài khoản: 642736 Chi phí đào tạo						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				27.658.401	27.658.401	
Tài khoản: 642738 Điện thoại, Fax, bưu phẩm						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
AP2502-028	28/02/2025	CP cước internet Viettel T2.25	331100	1.000.000	0	
...	...	...	...			
AP2502-027	31/03/2025	CP cước sim ĐT T3.25	331100	318.000	0	
...	...	...	...			
AP2509-086	30/09/2025	CP cước internet Viettel T9.25	331100	1.000.000	0	
...	...	...	...			
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	2.254.000	
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				25.721.555	25.721.555	
Tài khoản: 642749 Chi phí khác						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...			
Tổng cộng/ Total :				29.041.072	29.041.072	
Tài khoản: 642772 Bảo trì – Thiết bị kỹ thuật, điện						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...			

Tổng cộng/ Total :		15.000	15.000	
Tài khoản: 642778 Bảo trì – Thâm nền				
		Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :		1.000.000	1.000.000	
Tài khoản: 642792 Bảo trì – Hệ thống phòng cháy				
		Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :		2.629.923	2.629.923	
Tài khoản: 642793 Bảo trì – Ht máy tính/ Phần mềm				
		Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :		73.101.184	73.101.184	
Tài khoản: 642794 Vật dụng kỹ thuật				
		Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :		5.055.600	5.055.600	
Tài khoản: 642797 Thuê chuyển rác thải				
		Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :		79.556.360	79.556.360	
Tài khoản: 642801 Chi phí trang trí				
		Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :		29.477.778	29.477.778	

Sổ cái TK 642

(Phụ lục 18)

2.11. Kế toán thu nhập khác

2.11.1.Nội dung

Thu nhập khác tại Chi nhánh Công ty bao gồm các khoản như: Dịch vụ thu gom rác, xử lý hàng thừa, Dịch vụ thu phế liệu, khách chuyển khoản dư, pesi chuyển chiết khấu, bếp nộp tiền bể vỡ CCDC, thu tiền thanh lý minibar cận date

2.11.2.Tài khoản sử dụng

Công ty Chi nhánh Cổ phần 216 Đà Nẵng sử dụng tài khoản TK 711 (Thu nhập khác) để hạch toán thu nhập khác. Tài khoản này được chi tiết như sau:

- TK 711190: Thu nhập khác

2.11.3. Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng gồm:

- Hóa đơn GTGT

2.11.4.Sổ sách sử dụng gồm

- Sổ chi tiết TK 711

- Sổ cái TK 711
- Sổ nhật ký chung

2.11.5. Quy trình ghi sổ

Ví dụ 1: Ngày 30/9/2025, Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng Trần thị Diễm Thương về khoản phế liệu tháng 9/2025. Giá trị chưa thuế là 2.777.778 đồng, thuế GTGT 8% là 222.222 đồng, tổng thanh toán là 3.000.000 đồng.

Cuối tháng kế toán bắt đầu xuất hóa đơn cho Khách hàng Trần Thị Diễm Thương về khoản phế liệu tháng 9/2025.

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu: 1C25MFO
Số: 00009601

Đơn vị bán hàng (Seller): **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG**
 Mã số thuế (Tax code): 0101324219-002 Điện thoại (Tel): 02362658888
 Địa chỉ (Add): Số 268 Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Ngũ Hành Sơn, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Tài khoản (Account No): 6304216-001 tại (at) Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đà Nẵng

Tên khách hàng (Guest name): **TRAN THI DIEM THUONG**
 Đơn vị mua hàng (Invoice to):
 Địa chỉ KH (Address):
 Mã số thuế (Tax code):
 Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM, CK

STT (No)	Ngày (Date)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	30/9/2025	Phế liệu tháng 9/2025	Tháng	1	2.777.778	2.777.778
Cộng tiền hàng (Total charge):						2.777.778
Thuế TTĐB (SCT):						
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%						
Tiền thuế GTGT (VAT):						222.222
Tổng cộng tiền thanh toán (Total Amount):						3.000.000
Viết bằng chữ (Amount in words): Ba triệu đồng						

KHÁCH HÀNG (Guest's)
Ký, ghi rõ họ tên
(Sign & full name)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Manager)
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
(Sign, stamp & full name)

Signature Valid
Ký tên: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216
TẠI ĐÀ NẴNG
Ký ngày: 30/09/2025 12:28:58

Mã của cơ quan thuế: M1-25-SWZ1Y-01500009601
Website tra cứu: <https://nestadng-tt78.vnpt-invoice.com.vn/> Mã khách hàng: 167971003C25MFO9601

Kế toán vào phần mềm Smile BO → Phải Thu → Cập nhật hóa đơn
 Sau đó tiến hành chọn tên khách hàng → Nhập thông tin khách hàng → Chọn hóa đơn → Tạo mới

Nhập đầy đủ thông tin sau đó bấm chấp nhận để hoàn thành.

(Phụ lục 19)

Sổ chi tiết TK 711

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:711
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025

Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		711				
Tài khoản: 711190 Thu nhập khác						
		Dư đầu kỳ				
RX2502-0146	28/02/2025	DV thu phế liệu T2/25	131120	0	2.777.778	2.000.000
...	...	...	...	...	...	
RX2509-0087	30/09/2025	DV thu gom rác T9.25 – Diem Thuong	131120	0	2.777.778	2.000.000
...	...	...	...	...	...	
GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	7.651.264	0	5.845.936
...	...	...	...	...	...	...
Tổng cộng/ Total :				144.611.822	144.611.822	

Sổ cái TK 711

(Phụ lục 20)

2.12. Kế toán chi phí khác

2.12.1.Nội dung

Chi phí khác bao gồm: chi phí thanh toán chậm nộp thuế, thanh toán chậm nộp, tiền chậm nộp, chuyển thẻ xăng qua QLKS Nesta, thanh toán chậm nộp BHXH.

2.12.2.Tài khoản sử dụng

Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 Đà Nẵng sử dụng TK 811 (Chi phí khác) để hạch toán chi phí khác. Tài khoản này được chi tiết như sau:

- TK 811190 – Chi phí khác

2.12.3.Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi ngân hàng

2.12.4.Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 811
- Sổ cái TK 811
- Sổ nhật ký chung

2.12.5. Qui trình ghi sổ

Ví dụ 1: Ngày 14/05/2025, Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng nộp Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 3348958 để nộp khoản nộp chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác.

Công ty thực hiện nộp tiền bằng hình thức chuyển khoản. Số tiền phải nộp ngân sách nhà nước là 47.871 đồng. Khoản tiền này không phát sinh từ hoạt động kinh doanh dịch vụ thông thường của khách sạn mà là khoản phí do nộp chậm tiền thuế, vì vậy kế toán ghi nhận vào TK 811 – Chi phí khác.

Căn cứ ghi sổ gồm: Giấy nộp tiền vào ngân hàng nhà nước, chứng từ chuyển khoản ngân hàng và các chứng từ liên quan. Sau khi kiểm tra thông tin trên giấy nộp tiền như tên đơn vị nộp thuế, mã số thuế, nội dung khoản nộp, số tiền và hình thức thanh toán, kế toán tiến hành ghi nhận nghiệp vụ vào phần mềm kế toán Smile.

12:48 5/5/26

Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1- 02/NS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)

Mã hiệu: DAN682325

Số: 3348958

Số tham chiếu: 11220250321740505

Người nộp thuế: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Mã số thuế: 0402168789

Địa chỉ: Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An

Quận/Huyện: Quận Ngũ Hành Sơn

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An

Quận/Huyện: Quận Ngũ Hành Sơn

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

trích TK số: 5600689216

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: BIDV - CN Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Ngũ Hành Sơn - Đội Thuế liên huyện Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7240361664060001	00/03/2025	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.		47,871	561	4931
Tổng tiền					47,871		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BỐN MƯƠI BẢY NGHÌN TÁM TRĂM BẢY MƯƠI MỘT ĐỒNG

<https://dichvucong.gdt.gov.vn/thucdich-vu-khac#>

1

108

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
✓ Ngày ký :	14/05/2025 11:06:33
✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	14/05/2025 11:06:27
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	14/05/2025 11:07:07

Kế toán vào phần mềm Smile BO → Sổ cái→ Ghi sổ cái

Kế toán nhập đầy đủ cái thông tin như: loại, diễn giải, ngày chứng từ→ Thêm hóa đơn

(Phụ lục 21)



CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU CHI NGÂN HÀNG
(BANK PAYMENT NOTE)

Ngày lập (Date): 14/05/2025 Số (Number): BI2505-0033

Kỳ kế toán (Period): 202505

Nội dung (Content) : Tiền chậm nộp

Tham chiếu (JV Ref) :

Tài khoản(Account):		Diễn giải Description	Mã Đối tượng objective code	Số tiền (Amount)	
Số TK (AccNo)	Tên tài khoản (AccName)			Nợ(Debit)	Có(Credit)
811190	Chi phí khác	Tiền chậm nộp	640	47,871	
112111	Tiền gửi ngân hàng BIDV- VN	Tiền chậm nộp			47,871
Cộng				47,871	47,871

.....
NGƯỜI LẬP BIỂU

.....
Trương Minh Thịnh
KẾ TOÁN TRƯỞNG

.....
Nguyễn Dương Quỳnh
GIÁM ĐỐC

Sổ chi tiết TK 811

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:811
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025 Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải / Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		811				
811190 Chi phí khác						
		Số dư đầu kỳ				
BI2502-0031	19/02/2025	TT chậm nộp thuế	112111	60.144		60.144
GL2502-004	28/02/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102		60.144	
IVB2504-0005	28/04/2025	TT chậm nộp	112114	322.200		322.200
GL2504-004	30/04/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102		322.200	
BI2505-0033	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112111	47.871		47.871
IVB2505-0001	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112114	25.200		73.071
IVB2505-0002	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112114	25.804		98.875
GL2505-004	31/05/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102		98.875	
JV2511-012	01/11/2025	Chuyển thẻ xăng qua QLKS Nesta	112119	5.805.361		5.805.361
GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102		5.805.361	
CP2512-001	10/12/2025	TT chậm nộp BHXH T10.25	111110	1.016.106		1.016.106
GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102		1.016.106	
Tổng cộng/ Total :				7.302.686	7.302.686	

Sổ cái TK 811

(Phụ lục 22)

2.13. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.13.1.Nội dung

Trong năm 2025 Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.13.2.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821

2.13.3.Chứng từ sổ sách

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

Trong năm 2025, do thu nhập chịu thuế của Công ty Chi nhánh Cổ phần 216 Đà Nẵng bị âm. Vì vậy, kế toán thu kê khai thuế TNDN phải nộp và không hạch toán chi phí thuế TNDN. Công ty cũng không tạm nộp thuế TNDN và cũng không mở sổ tài khoản 821

2.13.4.Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 821
- Sổ nhật ký chung

2.13.5. Quy trình ghi sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: I55 - Dịch vụ lưu trú

[05] Tỷ lệ (%): 80,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

[07] Mã số thuế: 0101324219-002

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(776.904.477)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(776.904.477)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(776.904.477)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(776.904.477)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

1/3

4	Thu nhập tính thuế (TNNT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NGƯỜI VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 27 tháng 03 năm 2026

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐOÀN THỊ VĂN TRANG

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG.**

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

[03] Mã số thuế: 0101324219-002

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	53.120.782.283
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	2.572.783
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	54.037.568.679
a	Giá vốn hàng bán	[13]	38.069.854.737
b	Chi phí bán hàng	[14]	8.746.816.051
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	7.220.897.891
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(914.213.613)
7	Thu nhập khác	[19]	144.611.822
8	Chi phí khác	[20]	7.302.686
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	137.309.136
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(776.904.477)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 27 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

ĐOÀN THỊ VÂN TRANG

Ghi chú: Số liệu chi tiêu [22] được tổng hợp vào chi tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

2.14. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.14.1.Nội dung

Cuối tháng, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu thuần, giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác vào tài khoản 911 để xác định lãi lỗ trong kỳ.

2.14.2.Tài khoản sử dụng

Tài khoản được sử dụng là: TK 911102 – Xác định kết quả kinh doanh

2.14.3.Chứng từ sử dụng

- Chứng từ kế toán kết chuyển doanh thu
- Chứng từ kế toán kết chuyển giá vốn
- Chứng từ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng
- Chứng từ kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chứng từ kế toán kết chuyển thu nhập khác; chi phí khác
- Báo cáo doanh thu từ phần mềm Smile
- Bảng tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.14.4.Sổ sách sử dụng gồm:

- Sổ chi tiết TK 911
- Sổ cái TK 911
- Sổ nhật ký chung

2.14.5.Quì trình ghi sổ

Cuối mỗi tháng, sau khi hoàn tất việc kiểm tra, đối chiếu số liệu doanh thu, giá vốn và các khoản chi phí phát sinh, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Kế toán kiểm tra số phát sinh trên các tài khoản doanh thu như TK 511, TK 515, TK521, TK 711 và các tài khoản chi phí như TK 632, TK 641, TK 642, TK 811. Sau khi đảm bảo số liệu đã đầy đủ, chính xác và phù hợp với chứng từ gốc, kế toán tiến hành kết chuyển trên phần mềm Smile.

BÚT TÓÁN KẾT CHUYỂN LÃI LỖ ME ALlocation define

Form No: 19.09

<u>Step</u>	<u>Actiono</u>	<u>From</u>	<u>To</u>	<u>From</u>	<u>Department</u>
<u>No</u>	<u>NoA</u> <u>DesCRIPTION</u>	<u>Acc</u>	<u>FromAccname</u>	<u>Acc</u>	<u>ToAccname</u>
10					
10	10 Kết chuyển 627 --> 632	627%		63288	Giá vốn kinh doanh khách sạn
11					
11	10 Kết chuyển 621-->632	621%		63288	Giá vốn kinh doanh khách sạn
12					
12	10 Kết chuyển 622-->632	622%		63288	Giá vốn kinh doanh khách sạn
20					
20	10 Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	[5,6,7,8]		911102	Xác định kết quả HĐKD
30					
30	10 Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	911102	Xác định kết quả HĐKD	421202	Lợi nhuận chưa phân phối- Năm n:

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

[03] Mã số thuế: 0101324219-002

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.120.782.283	44.279.766.777
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		53.120.782.283	44.279.766.777
4. Giá vốn hàng bán	11		38.069.854.737	40.654.192.392
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.050.927.546	3.625.574.385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.572.783	1.994.831
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		8.746.816.051	8.908.116.431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.220.897.891	7.224.653.244
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(914.213.613)	(12.505.200.459)
11. Thu nhập khác	31		144.611.822	244.559.505
12. Chi phí khác	32		7.302.686	32.864.918
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		137.309.136	211.694.587
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(776.904.477)	(12.293.505.872)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(776.904.477)	(12.293.505.872)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2026
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐOÀN THỊ VĂN TRANG

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG.**

Sổ chi tiết TK 911

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN:911
(Account Details)

Từ ngày/ From Date :01/01/2025

Đến ngày/To Date:12/31/2025

Form No: 1.04

Chứng từ/ Voucher		Diễn giải Description	TK đối ứng Acc Ref	Phát sinh/Movement		Số dư / Ending
Số/No	Ngày/Date			Nợ/Debit	Có/Credit	
Tổng cộng số dư cuối kỳ		911				
Tài khoản: 911102 Xác định kết quả HĐKD						
		Dư đầu kỳ				
...	...	...	...	...	...	
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511102	0	701.249.756	-701.249.756
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511104	0	173.515.903	-874.765.659
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511106	0	68.515.685	-943.281.344
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511118	0	13.134.898	-956.416.242
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511119	0	2.518.769	-958.935.011
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511302	0	3.722.040.288	-4.680.975.299
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511332	0	11.578.924	-4.692.554.223
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511342	0	24.519.391	-4.717.073.614
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511346	0	5.238.272	-4.722.311.886
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511342	0	29.736.932	-4.752.048.818
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511354	0	61.750.420	-4.813.799.238
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511374	0	1.675.468	-4.815.474.706
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511375	0	110.229.275	-4.925.703.981
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511379	0	3.702.823	-4.929.406.804
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	511402	0	246.469.999	-5.175.876.803
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	515900	0	215.943	-5.176.092.746
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	632112	5.375.053	0	-5.170.717.693
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	63288	2.875.092.636	0	-2.295.625.057
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641102	33.680.135	0	-2.261.944.922
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641110	1.066.667	0	-2.260.878.255
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641114	1.725.290	0	-2.259.152.965
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641124	200.000	0	-2.258.952.965
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641130	2.899.686	0	-2.256.053.279
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641204	4.074.074	0	-2.251.979.205
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641302	81.667	0	-2.251.897.538
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641306	670.588	0	-2.251.226.950
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641704	39.737.372	0	-2.211.489.578
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	641708	1.699.281	0	-2.209.790.297

GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641714	72.654.545	0	-2.137.135.752
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641718	741.037.116	0	-1.396.098.636
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641728	85.185	0	-1.396.013.451
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642102	318.979.739	0	-1.077.033.712
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642110	12.266.667	0	-1.064.767.045
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642114	21.062.763	0	-1.043.704.282
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642118	24.692.500	0	-1.019.011.782
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642120	4.233.000	0	-1.014.778.782
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642122	1.411.000	0	-1.013.367.782
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642124	2.822.000	0	-1.010.545.782
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642130	14.349.730	0	-996.196.052
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642132	1.225.626	0	-994.970.426
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642202	1.171.759	0	-993.798.667
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642299	2.653.349	0	-991.145.318
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642302	3.257.503	0	-987.887.815
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642306	11.165.347	0	-976.722.468
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642308	27.204.793	0	-949.517.675
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642329	1.538.623	0	-947.979.052
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642499	1.212.651	0	-946.766.401
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642712	88.599.668	0	-858.166.733
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642718	82.254.545	0	-775.912.188
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642730	280.500	0	-775.631.688
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642736	25.000.000	0	-750.631.688
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642738	2.254.230	0	-748.377.458
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642749	1.385.648	0	-746.991.810
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642778	1.000.000	0	-745.991.810
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642792	657.481	0	-745.334.329
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642793	9.178.668	0	-736.155.661
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642794	405.000	0	-735.750.661
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642797	7.555.636	0	-728.195.025
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642801	2.777.778	0	-725.417.247
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	771190	0	5.625.921	-731.043.168
GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	731.043.168	0	0
...	...	...	...	...	...	
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900	0	20.433	-20.433
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	63288	406.502.570	0	406.482.137
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641302	81.666	0	406.563.803
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641704	37.500.000	0	444.063.803
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642128	1.415.000	0	445.478.803
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642132	1.671.600	0	447.150.403
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642302	2.172.497	0	449.322.900

GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642306	8.434.520	0	457.757.420
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642308	23.889.143	0	481.646.563
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642329	1.028.999	0	482.675.562
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642499	1.212.652	0	483.888.214
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642712	172.000	0	484.060.214
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642734	675.018.063	0	1.159.078.277
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642792	657.480	0	1.159.735.757
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642793	5.403.416	0	1.165.139.173
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	711190	0	7.651.264	1.157.487.909
GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	811190	1.016.106	0	1.158.504.015
GL2509-005	31/12/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	0	1.158.504.015	0
Tổng cộng/ Total :				59.856.392.012	59.856.392.012	

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

3.1. Nhận xét công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.

Bộ máy kế toán của công ty luôn là bộ máy đặc lực và hữu hiệu cho nhà quản lý. Vì vậy công ty không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán để nâng cao hiệu quả lao động cũng như đưa ra những số liệu chính xác phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty cho các nhà quản lý. Từ đó giúp cho các nhà quản lý đưa ra những quyết định và chiến lược kinh doanh hợp lý, hiệu quả.

Qua quá trình thực tập tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng, em xin đưa ra một vài nhận xét, đánh giá ưu điểm và nhược điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

3.1.1. Những ưu điểm nổi bật

Nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được tổ chức hợp lý, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và đặc điểm hoạt động của công ty.

- Đối với việc tổ chức hạch toán:

- + Các chứng từ được sử dụng cho hạch toán ban đầu đều chứng minh được nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được lưu trữ một cách khoa học. Các chứng từ được sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi đầy đủ vào chứng từ.

- + Các chứng từ đều được kiểm tra, đối chiếu và xử lý hợp lý.

- + Quy trình luân chuyển chứng từ tương đối tốt, các chứng từ được phân lại, hệ thống hóa các nghiệp vụ trước khi đưa vào lưu trữ và lưu trữ một cách hợp lý, khoa học theo thời gian để thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Quy trình lập và luân chuyển chứng từ có sự liên kết chặt chẽ không chỉ giữa các kế toán viên mà còn giữa phòng kế toán với các phòng ban, tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng, thúc đẩy công việc tiến hành nhanh chóng, hạn chế rủi ro, mất mát xảy ra.

- Đối với công tác kế toán doanh thu

- + Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến doanh thu, kế toán của Công ty sẽ tiến hành ghi nhận doanh thu, hạch toán căn cứ trên chứng từ gốc một cách trung thực, chính xác, có sự giám sát của cấp trên và ghi nhận đúng thời điểm xảy ra, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu.

- + Chứng từ được lập khá đầy đủ và chi tiết theo từng quy trình, trình tự luân chuyển chứng từ cụ thể cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh thông qua hai phần mềm SMILE và Excel trên máy tính.

+ Công ty đã mở chi tiết cho TK 511 thành 15 tài khoản chi tiết thành 511102, 511104, 511106, 511118, 511119, 511302, 511332, 511342, 511346, 511352, 511354, 5113745, 511377, 511379, 511402 nên việc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được rõ ràng và chi tiết hơn

+ Các nghiệp vụ bán hàng và dịch vụ phát sinh được lập hóa đơn GTGT dựa trên các bằng chứng ghi nhận cụ thể, chắc chắn là hợp đồng đã được xác nhận từ phía đối tác. Điều này hạn chế sự sai sót trong việc lập và gửi hóa đơn cho khách hàng, tạo tin tưởng cho khách hàng. Kế toán sẽ dựa vào tất cả chứng từ vào đó để cập nhật vào phần mềm kế toán để phản ánh đầy đủ vào Sổ cái, giúp cho công tác kiểm tra, đối chiếu và quản lý được thuận tiện hơn, từ đó việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện chính xác và dễ dàng hơn

- Đối với công tác kết toán chi phí.

+ Mọi chi phí phát sinh của công ty được theo dõi cụ thể để có thể kiểm soát một cách chặt chẽ.

+ Công ty đã mở chi tiết cho các TK 632, TK 641, TK 642, ... nên việc hạch toán cho từng khoản mục thuận tiện hơn.

- Đối với công tác kết toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Công ty đã đáp ứng được nhu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty một cách kịp thời các chính xác, giúp ban lãnh đạo có những quyết định kịp thời, đúng đắn về chiến lược kinh doanh trong thời gian tiếp theo nhằm phát triển công ty.

- Đối với ứng dụng công nghệ thông tin

+ Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán thông qua việc sử dụng phần mềm Smile. Điều này giúp tự động hóa quá trình ghi nhận và xử lý dữ liệu, giảm thiểu sai sót do nhập liệu thủ công, tăng tính kịp thời và chính xác của thông tin kế toán, hỗ trợ lập báo cáo nhanh chóng,...

3.1.2. Những hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh công ty còn tồn tại cần hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn trong công tác điều hành, quản lý công ty.

- Về tình trạng kết nối mạng:

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống điện và mạng riêng cho văn phòng, tuy nhiên hệ thống mạng thường xuyên trục trặc, mất kết nối. Ảnh hưởng rất lớn tới việc nhập liệu hệ thống của các kế toán viên.

- Hạn chế trong công tác quản lý hàng tồn kho minibar:

+ Thiếu tính kịp thời và chính xác của thông tin kế toán: việc ghi nhận số lượng đồ uống được tổng kết cuối ngày có thể gây sai lệch số liệu giữa thực tế và sổ sách tại từng thời điểm.

+ Khó kiểm soát thất thoát, hao hụt: dễ nhầm lẫn hoặc xuất thiếu đồ khi tổng xuất xuất 1 lần vào cuối ngày.

+ Giảm hiệu quả kiểm soát nội bộ: Quy trình không đảm bảo nguyên tắc “ có chứng từ cho mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh”.

+ Khó đối chiếu kiểm kê: Khi có chênh lệch, việc tìm ra nguyên nhân chênh lệch trở nên phức tạp do thiếu dữ liệu chi tiết theo từng lần xuất.

+ Ảnh hưởng đến chi phí và doanh thu: Không phản ánh chính xác mức tiêu thụ theo thời gian thực.

3.2. Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng.

- Hoàn thiện quy trình xuất kho Minibar

+ Khách sạn cần quy định rõ: mỗi lần xuất hàng Minibar đều phải lập phiếu xuất kho riêng biệt, có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan (thủ kho, nhân viên nhận hàng, bộ phận giám sát)

+ Áp dụng nguyên tắc: nghiệp vụ phát sinh đến đâu ghi nhận đến đó

- Tăng cường kiểm soát nội bộ: phân biệt rõ ràng trách nhiệm giữa thủ kho và nhân viên Minibar/ phòng buồng.

- Thực hiện kiểm kê hàng ngày, hàng tuần đối với mặt hàng Minibar.

- Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát: bộ phận kế toán cần kiểm tra đột xuất chứng từ xuất kho, đối chiếu số liệu giữa kho và bộ phận Minibar.

KẾT LUẬN

Các quyết định của nhà quản trị phụ thuộc rất nhiều vào thông tin kế toán. Thông qua công tác kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh thì nhà quản trị mới đưa ra những quyết định, biện pháp nhằm giảm thiểu chi phí và tăng lợi nhuận.

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực trạng kế toán tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng em đã hiểu rõ hơn về kiến thức được giảng dạy cũng như thực tế công tác kế toán máy tại công ty.

Với những kiến thức đã học, từ các tài liệu tham khảo cùng với sự hướng dẫn nhiệt tình của Ths. Nguyễn Thị Hà My và kế toán viên tại Chi nhánh Công ty Cổ phần 216 tại Đà Nẵng, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp. Cho phép em được gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô trong khoa Kế toán Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, công nhân viên của Công ty Chi nhánh Cổ phần 216 tại Đà Nẵng. Em cũng xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Hà My đã hướng dẫn nhiệt tình và chu đáo, giúp em hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp này.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như những nhận thức về kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự nhận xét và góp ý của thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH Mã số chi nhánh: 0101324219-002 <i>Đăng ký lần đầu, ngày 21 tháng 07 năm 2016</i> <i>Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 12 tháng 09 năm 2019</i>	
 1. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: BRANCH OF 216 JOINT STOCK COMPANY IN DA NANG Tên chi nhánh viết tắt:	
2. Địa chỉ: <i>Lô 9, đường Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</i> Điện thoại: 0935.001.718 Fax: Email: Website:	
3. Thông tin về người đứng đầu Họ và tên: NGUYỄN MINH DƯƠNG Giới tính: Nam Sinh ngày: 19/08/1985 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân Số giấy chứng thực cá nhân: 013545969 Ngày cấp: 14/06/2012 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Chỗ ở hiện tại: Số 25 Phạm Văn Nghị, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	
4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN 216 Mã số doanh nghiệp: 0101324219 Địa chỉ trụ sở chính: Số 92C Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
TRƯỞNG PHÒNG  Đoàn Việt Tiến	

Phụ lục 2:

X

RVC

RVC Name

☒

1

THE OCEANIA

☒

2

POOL BAR

☒

4

ROOM SERVICE

☒

5

SPA

☒

7

BANQUET

Check No (From/To)

Bill No (From/To)

Date (From/To)

02/09/2025

02/09/2025

☒ All Checks

☐ Only NOT Printed

☐ Only Printed

Payment Mode

Table Info

☐ Include Deposit And Trnf Function Receipt

Search

Phụ lục 3:

Import Invoice POS

Import Invoice

Export

CheckNo, Bill No, Cus Narr

13/05/2025

Key

☐

23845130524081613

Update

☒

23845130524081147

Update

☐

23847130524081651

Update

☐

23848130524081655

Update

☐

23849130524081601

Update

☐

23850130524081606

Update

☐

23851130524124816

Update

☐

23852130524125333

Update

Pattern (*)

1002

Serial (*)

C25MFB

Upload Inv

Close

Phụ lục 4:

Get Revenue From FO

From date02/09/2025To date02/09/2025Filter

Load BackAssign VoucherPost - F10PrintClose

Select AllEx. Rate1

Select	Date	Posted time	Posted	V.No	Period	Description	Ex. Rate	Amount
☐	02/09/2025	03/09/2025	☒	RE2509-002	202509	Doanh thu ngày 02/09/2025	1	198726356

Phụ lục 5:

Reception

From:RSVN NESTA Da Nang <rsvndn@nestahotel.com.vn>

Sent:Friday, September 19, 2025 1:17 PM

To:'Le.globaltravel@gmail.com'

Cc:'Ms. Lieu Vu | NESTA Hotels Group'; 'fomdn'; 'rsvndn@nestahotel.com.vn'

Subject:XÁC NHẬN ĐẶT PHÒNG BK 139533 - LE GLOBAL TRAVEL

Dear anh/chị,

Greetings from NESTA Hotel Group - included in Danang, Hanoi, Saigon, Hoian, Can Tho, Dalat!

Chân thành cảm ơn anh/chị đã quan tâm và ủng hộ dịch vụ của khách sạn NESTA Danang. Thay mặt Ms. Liễu, em xin xác nhận new booking với chi tiết như sau:

Booking code	# 139553
Tên khách	VÕ THỊ QUỲNH NHI ✓
Check in sau 14h ngày	20/09/2025 ✓
Check out trước 12h ngày	21/09/2025 (1 đêm) ✓
Số lượng phòng	1 Superior Garden Double ✓
Tổng số khách lưu trú	2 người lớn
Giá phòng	1,120,000 VND/phòng/đêm
Tổng cộng tiền phòng	1,120,000 VND Done
Phương thức thanh toán	Đã thanh toán đủ tiền phòng
Yêu cầu	Không có yêu cầu.
Lưu ý	- Vui lòng xuất trình giấy tờ tùy thân của tất cả các thành viên trong đoàn tại thời điểm nhận phòng tại lễ tân (bao gồm cả trẻ em) - Phòng không hút thuốc. Nếu hút thuốc trong phòng phải chịu phí 2,000,000 VND/phòng theo quy định của khách sạn.
Thông tin xuất hóa đơn	Quý khách vui lòng cung cấp thông tin lấy hóa đơn chậm nhất trước ngày khách check-out. Nếu quý khách không cung cấp thông tin để lấy hóa đơn thì Khách sạn NESTA Danang không chịu trách nhiệm về hóa đơn này và sẽ xuất về người mua không lấy hóa đơn. Mọi khiếu nại sau này không có hiệu lực.
Thông tin chuyển khoản	Account No./ Số tài khoản: 111110219216 Account Name/ Tên tài khoản: Chi nhánh Công Ty Cổ Phần 216 Tại Đà Nẵng At bank: Ngân Hàng Vietin Bank (Chi nhánh Sông Hàn)

<https://1drv.ms/f/c/1831fa04038e3746/EkY2gphIE-jt-ggJhHLQ?AAAAB7yc0hy6IKnmMZKi2B4e-4A7e=vWhWfV>

Giá phòng bao gồm:
✓ Miễn phí đồ uống chào mừng trong quá trình làm thủ tục nhận phòng.
✓ Miễn phí an sàng tại nhà hàng dành cho tối đa 2 khách/phòng.

Phụ lục 6:



REGISTRATION FORM

ĐĂNG KÝ NHẬN PHÒNG

Confirmation Number : 139533

Tên khách: <i>Guest name:</i> VO THI QUYNH NHI	Số phòng: <i>Room No:</i> E207	Package Plan Có ăn sáng/Include Breakfast
Ngày đến: <i>Arrival:</i> September 20, 2025	Ngày đi: <i>Departure:</i> September 21, 2025	1 night(s)
Thị trường: <i>Market:</i>	Địa chỉ: <i>Address:</i>	
Công ty/Đại lý: <i>Company/TA:</i> LE GLOBAL TRAVEL	Ghi chú <i>Notice:</i> BB TA, OTH POA	
Loại phòng: <i>Room type:</i> SUPERIOR GARDEN VIEW	Quốc tịch: <i>Nationality:</i>	
Tổng Giá phòng: VND <i>Total Daily Rate:</i>	Hình thức thanh toán: <i>Method of payment:</i>	
Điện thoại: <i>Phone:</i> 0942 258 816	Email: <i>Email:</i> voquynhnh@gmail.com	

QUY ĐỊNH & ĐIỀU KHOẢN / TERMS & CONDITIONS

Giờ nhận phòng theo quy định là từ 14:00 và giờ trả phòng là 12:00 trưa. Chỉ những khách đăng ký mới được phép lưu trú tại phòng sau 22:00

Check-in time is from 14:00 and the check-out time is 12:00 noon. Only registered guest is allowed to stay in guestroom after 22:00

Tôi đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định của khách sạn, bao gồm tất cả những chi phí mà khách hàng của tôi phải chịu trong suốt thời gian tôi/họ ở đây. Tôi ủy quyền cho Khách sạn Nesta Đà Nẵng được phép thanh toán tất cả các khoản phí vào thẻ tín dụng của tôi nếu tôi không thanh toán tất cả các khoản phí khi trả phòng tại quầy Lễ tân trước khi trả phòng. Tôi hiểu rõ rằng tất cả những người cư trú trong phòng đều phải đăng ký theo Luật Đăng ký Việt Nam. Việc không cung cấp tất cả thông tin sẽ bị coi là vi phạm Luật Đăng ký Việt Nam và có thể được xử lý bởi cơ quan thi hành luật pháp địa phương.

I agree to be responsible for charges incurred, including all charges incurred by my guest for the duration of my (their) stay. I hereby authorize Nesta Danang Hotel to bill all charges on my credit card should I fail to settle all charges during check-out at the Reception upon my departure. I clearly understand that all occupants staying in the room must be registered by the Vietnamese Registration Law. Failure to do so will be deemed an offence against the Vietnamese Law and can be treated by local official law enforcement.

Khách sạn không chịu trách nhiệm cho những mất mát đối với các đồ vật có giá trị nhưng không được cất giữ trong két sắt an toàn đã được trang bị trong phòng.

The hotel takes no responsibility for any loss including valuable items which are not correctly placed in the provided Safety Box in the room.

Các phòng của khách sạn là phòng không hút thuốc. Chúng tôi sẽ phạt thu phí vệ sinh phát sinh 2,000,000 VND vào hóa đơn của quý khách nếu phát hiện quý khách hút thuốc trong phòng.

The rooms are non-smoking area. A VND 2,000,000 cleaning fee will be applied to your bill if this notice is disregarded.

Tôi hiểu và chấp nhận các điều khoản và điều kiện trên.

I hereby understand and accept the terms & conditions mentioned above.

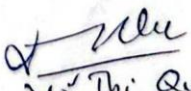
Ng Võ Phúc Nguyễn 5/10/2016.
Võ An Nhiên 5/12/2021



Front Desk Signature
Chữ ký nhân viên



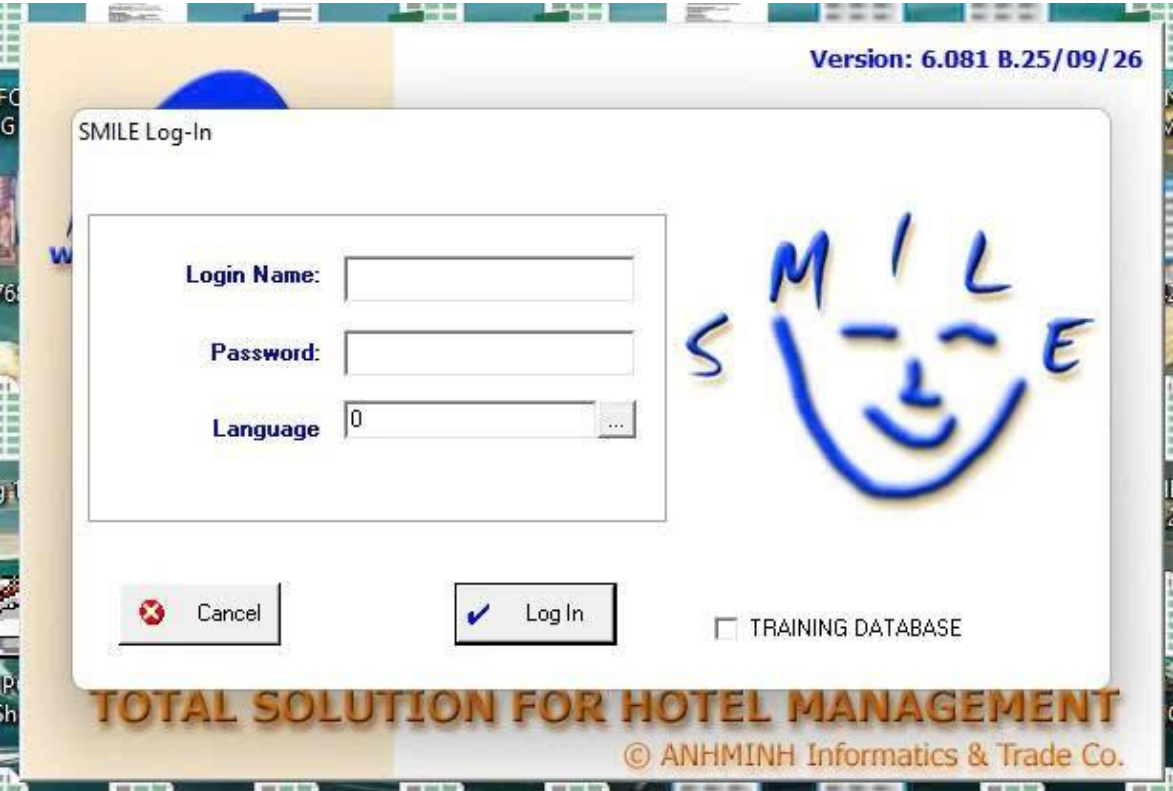
Guest Signature
Chữ ký khách hàng


 Võ Thị Quỳnh Như

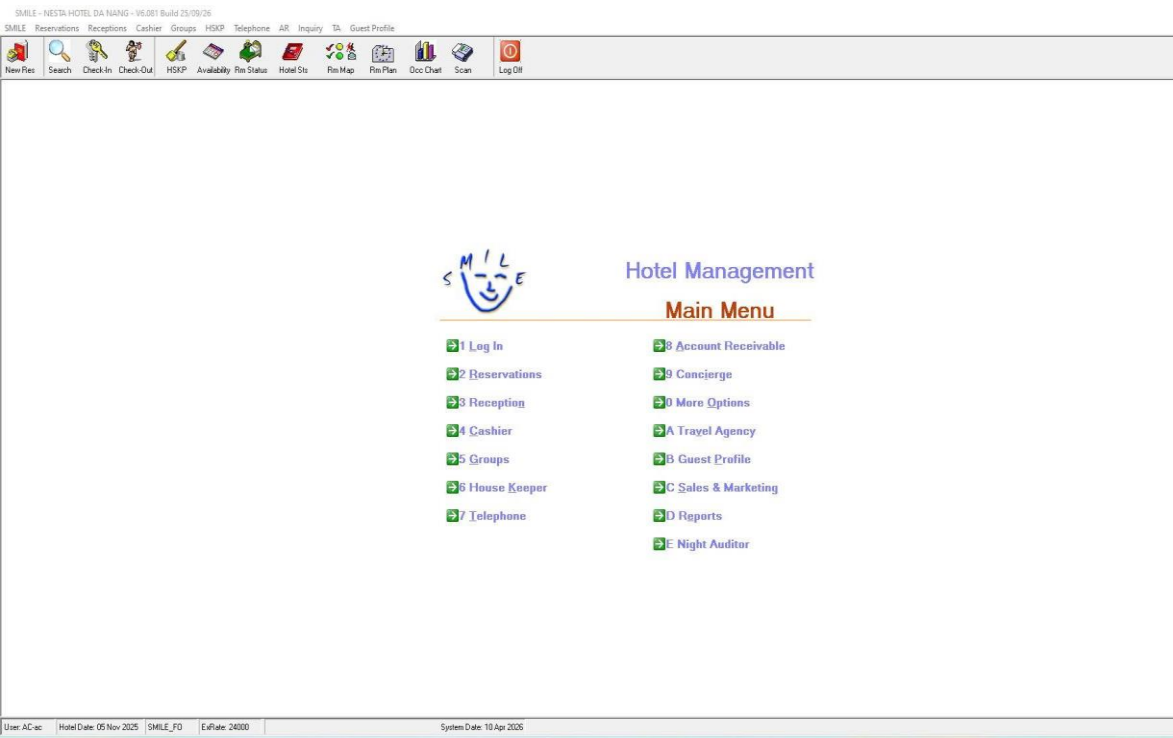


Được quét bằng CamScanner

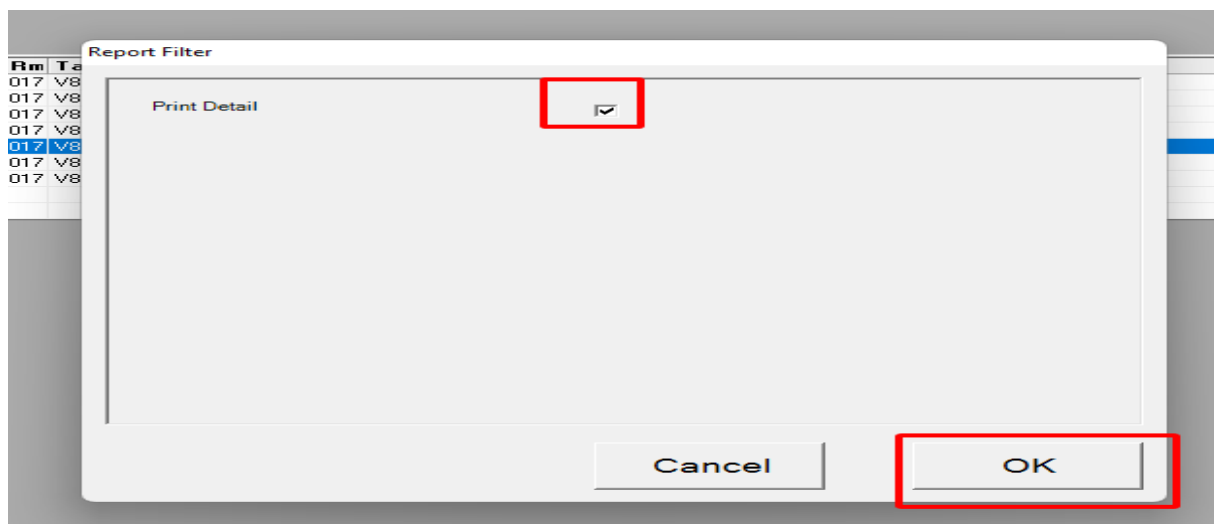
Phụ lục 7:



Phụ lục 8:



Phụ lục 9:



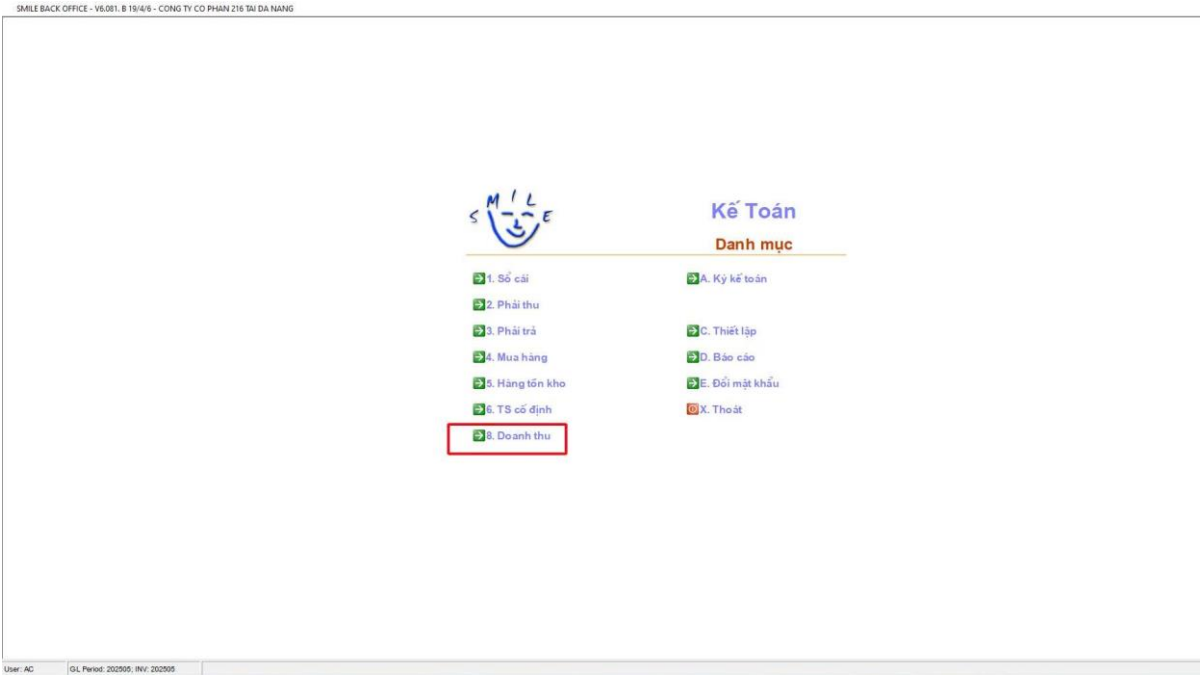
Phụ lục 10:



Phụ lục 11:



Phụ lục 12:



Phụ lục 13:

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN:511

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
Date, month	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 511102 Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					6.786.902.274	6.786.902.274
Tài khoản: 511104 Doanh thu ăn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
01/09/2025	RE2509-001	01/09/2025	Doanh thu ngày 01/09/2025	131110	0	753.166
02/09/2025	RE2509-002	02/09/2025	Doanh thu ngày 02/09/2025	131110	0	550.345
03/09/2025	RE2509-003	03/09/2025	Doanh thu ngày 03/09/2025	131110	0	251.723
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	32.432.739	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					564.202.686	564.202.686
				0	0	
Tài khoản: 511119 DT FB khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					155.710.772	155.710.772
Tài khoản: 511106 Doanh thu phòng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
19/09/2025	RE2509-019	19/09/2025	Doanh thu ngày 19/09/2025	131110	0	113.832.064
20/09/2025	RE2509-020	20/09/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	0	128.283.712
21/09/2025	RE2509-021	21/09/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	0	137.379.372
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	72.187.028	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					36.441.671.483	36.441.671.483
				0	0	

Tài khoản: 511106 Doanh thu uống						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					564.202.686	564.202.686
Tài khoản: 511106 Doanh thu Minibar						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
20/09/2025	RE2509-019	20/09/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	0	70.547
21/09/2025	RE2509-020	21/09/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	0	432.098
22/09/2025	RE2509-021	22/09/2025	Doanh thu ngày 22/09/2025	131110	0	277.779
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	974.423	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					139.666.909	139.666.909
					0	0
Tài khoản: 511332 Doanh thu giặt là						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					91.309.087	91.309.087
Tài khoản: 511342 DT vận chuyển						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					447.953.658	447.953.658
Tài khoản: 511346 DT các Tour						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					63.865.395	63.865.395
Tài khoản: 511352 Doanh thu Massage						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					300.320.666	300.320.666
Tài khoản: 511354 DT Vật liệu trị liệu						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					619.908.221	619.908.221

Tài khoản: 511374 DT trò chơi, giải trí						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					32.407.274	32.407.274
Tài khoản: 511377 Doanh thu phòng họp, hội nghị						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.014.550.262	1.014.550.262
Tài khoản: 511379 Doanh thu dịch vụ khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					421.364.670	421.364.670
Tài khoản: 511402 Phí dịch vụ						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.511.631.376	2.511.631.376

Phụ lục 14:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 632

Kỳ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 632112						

30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627716	77.018.289	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627726	8.636.031	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627728	302.727.274	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627732	9.533.301	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627734	2.542.248	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627744	202.626	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627746	9.768.250	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627748	115.101.351	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627749	12.702.857	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627760	13.856.000	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627762	3.733.332	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627765	2.300.992	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627766	11.500.000	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627767	1.600.000	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627773	8.338.106	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627776	210.833	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627799	77.200	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621202	348.166.735	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621204	51.935.855	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621208	2.168.763	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621210	31.218.892	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621212	38.073.411	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621214	16.978.819	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621216	9.115.000	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621218	361.580	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621220	8.044.518	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621224	13.646.111	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621226	2.777.778	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621299	4.390.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622102	708.401.626	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622108	41.156.875	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622110	44.799.999	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622112	17.492.258	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622114	63.476.447	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622118	58.247.500	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622120	10.272.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622122	3.327.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622124	6.554.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622130	57.300.218	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	2.875.092.636
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	406.502.570
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					38.015.139.310	38.015.139.310
					0	0

Phụ lục 15:

Số CTừ
T.Khoản 1
T.Khoản 2
Số tiền
Ngày
Update Dte
Diễn giải
Loại
Check All
New Only

Kỳ
202510
☒ Nợ ☒ Có
☒ Nợ ☒ Có

Chi tiết
Xuất Excel

T.Khoản
Số tiền
Market
☒ Exclude Month End Clearance
Xuất Excel

112110

DOITUONG

Bộ phận

Chi tiết
☐ Hide Allocated Trns
Add Allocation
Show Allocation
Alc Balance
None
0
0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef
☐ CN2510-059	Lãi TG VTB219	112110	52,987				
☐ CN2510-059	Lãi TG VTB219	515900		52,987	640		

Phụ lục 16

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 515

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher Số/No Ngày /Date		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
					Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 515900 Thu nhập hoạt động tài chính khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
25/04/2025	CN2504-1009	25/04/2025	Lãi TG BIDV T4.25	112111	0	106.521
...	...	...	...	...	...	...
31/10/2025	CN2510-0599	31/10/2025	Lãi TG VTB219	112110	0	52.987
...	...	...	...	...	...	...
30/12/2025	GL2512-004	30/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	215.943	0
...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	CN2511-0060	25/11/2025	Lãi TG BIDV T11.25	112111	0	92.197
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.572.783	2.572.783
					0	0

14

Phụ lục 17:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 641

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 641102 Lương cơ bản						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	JV2503-026	31/03/2025	Hoạch toán lương T3.2025	334110	18.009.256	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	JV2510-066	31/10/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	33.680.135
30/09/2025	JV2509-053	30/09/2025	Hoạch toán lương T9.2025	334110	33.680.135	
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					170.576.123	170.576.123
					0	0
Tài khoản: 641110 Lương tháng 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					10.666.670	10.666.670
					0	0
Tài khoản: 641112 Thưởng, bồi dưỡng đột xuất 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					5.776.490	5.776.490
					0	0
Tài khoản: 641114 Phí phục vụ được chia						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					19.269.901	19.269.901
					0	0
Tài khoản: 641124 Kinh phí công đoàn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.388.000	1.388.000
					0	0
Tài khoản: 641128 Thuế TNCN						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					11.267.920	11.267.920

Số dư cuối kỳ					0	0
Tài khoản: 641130 Tiền ăn ca, uống nước						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					17.326.745	17.326.745
					0	0
Tài khoản: 641202 Văn phòng phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					974.824	974.824
					0	0
Tài khoản: 641204 Báo chí và ấn phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					4.074.074	4.074.074
					0	0
Tài khoản: 641218 Quà cáp miễn phí cho khách						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.400.000	1.400.000
					0	0
Tài khoản: 641302 Trang phục nhân viên						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					490.001	490.001
					0	0
Tài khoản: 641306 Thiết bị văn phòng, phần mềm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					15.035.564	15.035.564
					0	0
Tài khoản: 641704 Chi phí quảng cáo thuê ngoài						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					384.380.995	384.380.995
					0	0
Tài khoản: 641706 Chi phí quảng cáo tự làm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.473.527	1.473.527
					0	0
Tài khoản: 641708 Khuyến khích, tiếp thị khách sạn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...

Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					17.444.232	17.444.232
					0	0
Tài khoản: 641714 Chi phí văn phòng đại diện						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.271.927.265	2.271.927.265
					0	0
Tài khoản: 641718 Chi phí hoa hồng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	JV2505-036	31/05/2025	Cp hoa hồng Expedia T5.25	112111	8.790.737	0
...	...	...	...	...	...	...
03/10/2025	AP2510-002	03/10/2025	CP hoa hồng hotelink T9.25	331100	1.275.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/2025	GL2510-004	31/10/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	792.551.511
...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	JV2511-002	03/11/2025	Cp hoa hồng hotelink T10.25	331100	2.207.750	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					5.800.899.492	5.800.899.492
					0	0
Tài khoản: 641720 Ăn uống, tiếp khách						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.739.580	1.739.580
					0	0
Tài khoản: 641722 Chi phí đi lại hàng ngày (Taxi, thuê xe)						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					190.000	190.000
					0	0
Tài khoản: 641724 Chi phí công tác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					9.523.354	9.523.354
					0	0
Tài khoản: 641728 Điện thoại, Fax, bưu phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					991.294	991.294
					0	0

Phụ lục 18:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 642

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 642102 Lương cơ bản						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	295.352.237
31/03/2025	JV2503-026	31/03/2025	Hoạch toán lương T3.2025	334110	295.352.237	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	318.979.739
30/09/2025	JV2509-053	30/09/2025	Hoạch toán lương T9.2025	334110	318.979.739	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					3.078.209.077	3.078.209.077
					0	0
Tài khoản: 642110 Lương tháng 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					148.487.955	148.487.955
					0	0
Tài khoản: 642112 Thưởng, bồi dưỡng đột xuất 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					10.124.417	10.124.417
					0	0
Tài khoản: 642114 Phí phục vụ được chia						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					209.730.856	209.730.856
					0	0
Tài khoản: 642118 Bảo hiểm xã hội						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	22.767.500
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338310	9.095.000	0
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338410	13.672.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	24.692.500

30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338310	11.093.500	0
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338410	13.599.000	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					236.617.500	236.617.500
					0	0
Tài khoản: 642120 Bảo hiểm y tế						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	4.038.000
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338410	620.000	0
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338610	3.418.000	0
...	...	...	...	...		
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	4.233.000
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338410	906.000	0
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338610	3.327.000	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					40.698.000	40.698.000
					0	0
Tài khoản: 642122 Bảo hiểm thất nghiệp						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	1.301.000
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338610	1.301.000	0
...	...	...	...	...		
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	1.411.000
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338610	1.411.000	0
...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					13.521.000	13.521.000
					0	0
Tài khoản: 642124 Kinh phí công đoàn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					26.760.000	26.760.000
					0	0
Tài khoản: 642128 Thuế TNCN						
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					3.465.000	3.465.000
					0	0
Tài khoản: 641130 Tiền ăn ca, uống nước						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					142.151.271	142.151.271
					0	0

Tài khoản: 642132 Chi phí quan hệ nhân viên						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				58.904.195	58.904.195	
				0	0	
Tài khoản: 642202 Văn phòng phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				18.193.173	18.193.173	
				0	0	
Tài khoản: 642204 Báo chí và ấn phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				613.889	613.889	
				0	0	
Tài khoản: 642299 Chi phí vật liệu quản lý khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				14.403.045	14.403.045	
				0	0	
Tài khoản: 642302 Trang phục nhân viên						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				34.285.403	34.285.403	
				0	0	
Tài khoản: 642306 Thiết bị văn phòng, phần mềm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				121.835.237	121.835.237	
				0	0	
Tài khoản: 642308 Đồ đạc, dụng cụ văn phòng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				286.779.436	286.779.436	
				0	0	
Tài khoản: 642329 Chi phí đồ dùng văn phòng khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				17.429.395	17.429.395	
				0	0	
Tài khoản: 642432 Khấu hao – phần mềm vt						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh				29.473.177	29.473.177	

Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642499 Khấu hao – TSCĐ vô hình – khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				14.551.822	14.551.822	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 64251 Phí, lệ phí						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				2.000.000	2.000.000	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642712 Phí dịch vụ ngân hàng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				746.690.749	746.690.749	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642718 Dịch vụ tư vấn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				991.527.271	991.527.271	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642720 Dịch vụ thuê ngoài						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				13.310.000	13.310.000	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642730 Ăn uống, tiếp khách						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				12.861.087	12.861.087	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642734 Chi phí công tác – VPĐH/ Chủ đầu tư						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				675.018.063	675.018.063	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642736 Chi phí đào tạo						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				27.658.401	27.658.401	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642738 Điện thoại, Fax, bưu phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	

28/02/2025	AP2502-028	28/02/2025	CP cước internet Viettel T2.25	331100	1.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	AP2502-027	31/03/2025	CP cước sim ĐT T3.25	331100	318.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	AP2509-086	30/09/2025	CP cước internet Viettel T9.25	331100	1.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	2.254.000
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					25.721.555	25.721.555
					0	0
Tài khoản: 642749 Chi phí khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					29.041.072	29.041.072
					0	0
Tài khoản: 642772 Bảo trì – Thiết bị kỹ thuật, điện						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					15.000	15.000
					0	0
Tài khoản: 642778 Bảo trì – Thâm nền						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.000.000	1.000.000
					0	0
Tài khoản: 642792 Bảo trì – Hệ thống phòng cháy						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.629.923	2.629.923
					0	0
Tài khoản: 642793 Bảo trì – Ht máy tính/ Phần mềm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					73.101.184	73.101.184
					0	0
Tài khoản: 642794 Vật dụng kỹ thuật						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					5.055.600	5.055.600
					0	0
Tài khoản: 642797 Thuê chuyển rác thải						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					79.556.360	79.556.360

Số dư cuối kỳ				0	0
Tài khoản: 642801 Chi phí trang trí					
			Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh				29.477.778	29.477.778
Số dư cuối kỳ				0	0

Phụ lục 19:

AR Account 1887

Blđ. Code ...> Thuế VAT Bill

Tài khoản

Tài khoản **Tran Thi Diem Thuong** Invoice Balance: 0 140.52
Payment Balance: 0 -140.51

Account: 1887 - Create new invoice

Số CTừ CTCNPT ... RX2509-0754 Ngày 30/09/2025 Chấp nhận Đóng

Diễn giải Ngày hết hạn 30/09/2025

Tham chiếu Kỳ Kế toán 202509 Ngày ghi sổ cái 30/09/2025

☐ Ko HĐ VAT ☐ HĐ đầu vào ☒ HĐ đầu ra

Hoa đơn Bộ phận

Mã KH Ngày

Diễn giải

CTừ gốc

Tên Nhủ CC

Địa chỉ

Mã thuế

Số tài khoản

Market

DOI TUONG

X Từ ngày Đến ngày Từ chối Tìm kiếm ☒ Link thuế VAT Nợ khó đòi

Xuất EXC Tạo mới Xóa Split Chuyển khoản Transfer Show All Chi tiết HĐ Đổi trừ Hủy đổi trừ Statement Thanh toán Đóng

Phụ lục 20:

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 711

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 711190 Thu nhập khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
28/02/2025	RX2502-0146	28/02/2025	DV thu phế liệu T2/25	131120	0	2.777.778
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	RX2509-0087	30/09/2025	DV thu gom rác T9.25 – Diem Thuong	131120	0	2.777.778
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	7.651.264	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					144.611.822	144.611.822
					0	0

Phụ lục 21:

Journal Voucher List

No	Description
----	-------------

Journal Voucher

Chứng từ

Loại

UNC BIDV

Số chứng từ

BI2505-0033

Diễn giải

Tiền chậm nộp

Ngày chứng từ

14/05/2025

Kỳ kế toán

202505

Tham chiếu

Tài khoản

CTừ kèm theo

Người giao dịch

Địa chỉ NGD

Công ty

Địa chỉ CTy

Ngân hàng

Số tài khoản

☐ AR/AP in Details

☐ AR Invoice

☐ AR Payment

☐ AP Invoice

☐ AP Payment

Client Code

X

Xuất Excel

Ghi sổ cái

Thêm Hoa Đơn

Thêm nhật ký

Bỏ qua

Thêm

Thoát

Phụ lục 22:

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Kỷ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Date, month						
Tài khoản: 811190 Chi phí khác						
			Dư đầu kỳ			
19/02/2025	BI2502-0031	19/02/2025	TT chậm nộp thuế	112111	60.144	
28/02/2025	GL2502-004	28/02/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		60.144
28/04/2025	IVB2504-000	28/04/2025	TT chậm nộp	112114	322.200	
30/04/2025	GL2504-004	30/04/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		322.200
14/05/2025	BI2505-0033	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112111	47.871	
14/05/2025	IVB2505-000	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112114	25.200	
14/05/2025	IVB2505-000	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112114	25.804	
31/05/2025	GL2505-004	31/05/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		98.875
01/11/2025	JV2511-012	01/11/2025	Chuyển thẻ xăng qua QLKS Nesta	112119	5.805.361	
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		5.805.361
10/12/2025	CP2512-001	10/12/2025	TT chậm nộp BHXH T10.25	111110	1.016.106	
31/12/2025	GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		1.016.106
Cộng số phát sinh					7.302.686	7.302.686
					Số dư cuối kỳ	

Phụ lục 23:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN:911

Kỳ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Date, month						
Tài khoản: 911102 Xác định kết quả HĐKD						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511102	0	701.249.756
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511104	0	173.515.903
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511106	0	68.515.685
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511118	0	13.134.898
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511119	0	2.518.769
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511302	0	3.722.040.288
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511332	0	11.578.924
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511342	0	24.519.391
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511346	0	5.238.272
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511342	0	29.736.932
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511354	0	61.750.420
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511374	0	1.675.468
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511375	0	110.229.275
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511379	0	3.702.823
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511402	0	246.469.999
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900	0	215.943
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	632112	5.375.053	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	63288	2.875.092.636	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641102	33.680.135	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641110	1.066.667	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641114	1.725.290	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641124	200.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641130	2.899.686	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641204	4.074.074	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641302	81.667	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641306	670.588	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641704	39.737.372	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641708	1.699.281	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641714	72.654.545	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641718	741.037.116	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641728	85.185	0

30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642102	318.979.739	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642110	12.266.667	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642114	21.062.763	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642118	24.692.500	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642120	4.233.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642122	1.411.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642124	2.822.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642130	14.349.730	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642132	1.225.626	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642202	1.171.759	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642299	2.653.349	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642302	3.257.503	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642306	11.165.347	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642308	27.204.793	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642329	1.538.623	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642499	1.212.651	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642712	88.599.668	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642718	82.254.545	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642730	280.500	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642736	25.000.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642738	2.254.230	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642749	1.385.648	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642778	1.000.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642792	657.481	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642793	9.178.668	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642794	405.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642797	7.555.636	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642801	2.777.778	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	771190	0	5.625.921
30/09/2025	GL2509-005	30/09/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	731.043.168	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900	0	20.433
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	63288	406.502.570	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641302	81.666	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641704	37.500.000	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642128	1.415.000	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642132	1.671.600	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642302	2.172.497	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642306	8.434.520	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642308	23.889.143	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642329	1.028.999	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642499	1.212.652	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642712	172.000	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642734	675.018.063	0

31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642792	657.480	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642793	5.403.416	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	711190	0	7.651.264
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	811190	1.016.106	0
31/12/2025	GL2509-005	31/12/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	0	1.158.504.015
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					59.856.392.012	59.856.392.012

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH Mã số chi nhánh: 0101324219-002 <i>Đăng ký lần đầu, ngày 21 tháng 07 năm 2016</i> <i>Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 12 tháng 09 năm 2019</i>	
 1. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: BRANCH OF 216 JOINT STOCK COMPANY IN DA NANG Tên chi nhánh viết tắt:	
2. Địa chỉ: <i>Lô 9, đường Phạm Văn Đồng, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</i> Điện thoại: 0935.001.718 Fax: Email: Website:	
3. Thông tin về người đứng đầu Họ và tên: NGUYỄN MINH DƯƠNG Giới tính: Nam Sinh ngày: 19/08/1985 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân Số giấy chứng thực cá nhân: 013545969 Ngày cấp: 14/06/2012 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Chỗ ở hiện tại: Số 25 Phạm Văn Nghị, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	
4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN 216 Mã số doanh nghiệp: 0101324219 Địa chỉ trụ sở chính: Số 92C Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
TRƯỞNG PHÒNG  Đoàn Việt Tiến	

Phụ lục 2:

X

RVC

RVC Name

☒

1

THE OCEANIA

☒

2

POOL BAR

☒

4

ROOM SERVICE

☒

5

SPA

☒

7

BANQUET

Check No (From/To)

Bill No (From/To)

Date (From/To)

02/09/2025

02/09/2025

☒ All Checks

☐ Only NOT Printed

☐ Only Printed

Payment Mode

Table Info

☐ Include Deposit And Trnf Function Receipt

Search

Phụ lục 3:

Import Invoice POS

Import Invoice

Export

CheckNo, Bill No, Cus Narr

13/05/2025

Key

☐

23845130524081613

Update

☒

23845130524081147

Update

☐

23847130524081651

Update

☐

23848130524081655

Update

☐

23849130524081601

Update

☐

23850130524081606

Update

☐

23851130524124816

Update

☐

23852130524125333

Update

Pattern (*)

1002

Serial (*)

C25MFB

Upload Inv

Close

Phụ lục 4:

Get Revenue From FO

From date02/09/2025To date02/09/2025Filter

Load BackAssign VoucherPost - F10PrintClose

Select AllEx.Rate1

Select	Date	Posted time	Posted	V.No	Period	Description	Ex.Rate	Amount
☐	02/09/2025	03/09/2025	☒	RE2509-002	202509	Doanh thu ngày 02/09/2025	1	198726356

Phụ lục 5:

Reception

From: RSVN Nesta Da Nang <rsvndn@nestahotel.com.vn>
Sent: Friday, September 19, 2025 1:17 PM
To: 'Le.globaltravel@gmail.com'
Cc: 'Ms. Lieu Vu | Nesta Hotels Group'; 'fomdn'; 'rsvndn@nestahotel.com.vn'
Subject: XÁC NHẬN ĐẶT PHÒNG BK 139533 - LE GLOBAL TRAVEL

Dear anh/chị,

Greetings from Nesta Hotel Group -- included in Danang, Hanoi, Saigon, Hoian, Can Tho, Dalat!

Chân thành cảm ơn anh/chị đã quan tâm và ủng hộ dịch vụ của khách sạn Nesta Danang.
 Thay mặt Ms. Liễu, em xin xác nhận new booking với chi tiết như sau:

Booking code	# 139553
Tên khách	VÕ THỊ QUỲNH NHI ✓
Check in sau 14h ngày	20/09/2025 ✓
Check out trước 12h ngày	21/09/2025 (1 đêm) ✓
Số lượng phòng	1 Superior Garden Double ✓
Tổng số khách lưu trú	2 người lớn
Giá phòng	1,120,000 VND/phòng/đêm
Tổng cộng tiền phòng	1,120,000 VND Done
Phương thức thanh toán	Đã thanh toán đủ tiền phòng
Yêu cầu	Không có yêu cầu.
Lưu ý	- Vui lòng xuất trình giấy tờ tùy thân của tất cả các thành viên trong đoàn tại thời điểm nhận phòng tại lễ tân (bao gồm cả trẻ em) - Phòng không hút thuốc. Nếu hút thuốc trong phòng phải chịu phí 2,000,000 VND/phòng theo quy định của khách sạn.
Thông tin xuất hóa đơn	Quý khách vui lòng cung cấp thông tin lấy hóa đơn chậm nhất trước ngày khách check-out. Nếu quý khách không cung cấp thông tin để lấy hóa đơn thì Khách sạn Nesta Danang không chịu trách nhiệm về hóa đơn này và sẽ xuất về người mua không lấy hóa đơn. Mọi khiếu nại sau này không có hiệu lực.
Thông tin chuyển khoản	Account No./ Số tài khoản: 111110219216 Account Name/ Tên tài khoản: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần 216 Tại Đà Nẵng At bank: Ngân Hàng Vietin Bank (Chi Nhánh Sông Hàn)

<https://1drv.ms/f/c/1831fa04038e3746/EkY2jghIE-jEggBhhLQ?AAAAB7ycphy6iKnmMZKi2B4e-4A?e=vWhWFv>

Giá phòng bao gồm:

- ✓ Miễn phí đồ uống chào mừng trong quá trình làm thủ tục nhận phòng.
- ✓ Miễn phí ăn sáng tại nhà hàng dành cho tối đa 2 khách/phòng.

Phụ lục 6:



REGISTRATION FORM ĐĂNG KÝ NHẬN PHÒNG

Confirmation Number : 139533

Tên khách: Guest name: <u>VO THI QUYNH NHI</u>	Số phòng: Room No: <u>E207</u>	Package Plan Có ăn sáng/Include Breakfast
Ngày đến: Arrival: <u>September 20, 2025</u>	Ngày đi: Departure: <u>September 21, 2025</u>	<u>1</u> night(s)
Thị trường: Market:	Địa chỉ: Address:	
Công ty/Đại lý: Company/TA: <u>LE GLOBAL TRAVEL</u>	Ghi chú Notice: <u>BB TA, OTH POA</u>	
Loại phòng: Room type: <u>SUPERIOR GARDEN VIEW</u>	Quốc tịch: Nationality:	
Tổng Giá phòng: VND Total Daily Rate:	Hình thức thanh toán: Method of payment:	
Điện thoại: Phone: <u>0942 258 816</u>	Email: <u>voquynhnh@gmail.com</u>	

QUY ĐỊNH & ĐIỀU KHOẢN / TERMS & CONDITIONS

Giờ nhận phòng theo quy định là từ 14:00 và giờ trả phòng là 12:00 trưa. Chỉ những khách đăng ký mới được phép lưu trú tại phòng sau 22:00
Check-in time is from 14:00 and the check-out time is 12:00 noon. Only registered guest is allowed to stay in guestroom after 22:00

Tôi đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán theo quy định của khách sạn, bao gồm tất cả những chi phí mà khách hàng của tôi phải chịu trong suốt thời gian tôi/họ ở đây. Tôi ủy quyền cho Khách sạn Nesta Đà Nẵng được phép thanh toán tất cả các khoản phí vào thẻ tín dụng của tôi nếu tôi không thanh toán tất cả các khoản phí khi trả phòng tại quầy Lễ tân trước khi trả phòng. Tôi hiểu rõ rằng tất cả những người cư trú trong phòng đều phải đăng ký theo Luật Đăng ký Việt Nam. Việc không cung cấp tất cả thông tin sẽ bị coi là vi phạm Luật Đăng ký Việt Nam và có thể được xử lý bởi cơ quan thi hành luật pháp địa phương.
I agree to be responsible for charges incurred, including all charges incurred by my guest for the duration of my (their) stay. I hereby authorize Nesta Danang Hotel to bill all charges on my credit card should I fail to settle all charges during check-out at the Reception upon my departure. I clearly understand that all occupants staying in the room must be registered by the Vietnamese Registration Law. Failure to do so will be deemed an offence against the Vietnamese Law and can be treated by local official law enforcement.

Khách sạn không chịu trách nhiệm cho những mất mát đối với các đồ vật có giá trị nhưng không được cất giữ trong két sắt an toàn đã được trang bị trong phòng.
The hotel takes no responsibility for any loss including valuable items which are not correctly placed in the provided Safety Box in the room.

Các phòng của khách sạn là phòng không hút thuốc. Chúng tôi sẽ phạt thu phí vệ sinh phát sinh 2,000,000 VND vào hóa đơn của quý khách nếu phát hiện quý khách hút thuốc trong phòng.
The rooms are non-smoking area. A VND 2,000,000 cleaning fee will be applied to your bill if this notice is disregarded.

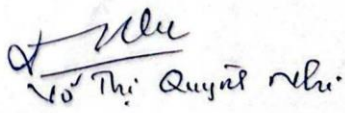
Tôi hiểu và chấp nhận các điều khoản và điều kiện trên.
I hereby understand and accept the terms & conditions mentioned above.

Ng Võ Phúc Nguyễn 5/10/2016.
Võ An Nhiên 5/12/2021

Front Desk Signature
Chữ ký nhân viên



Guest Signature
Chữ ký khách hàng

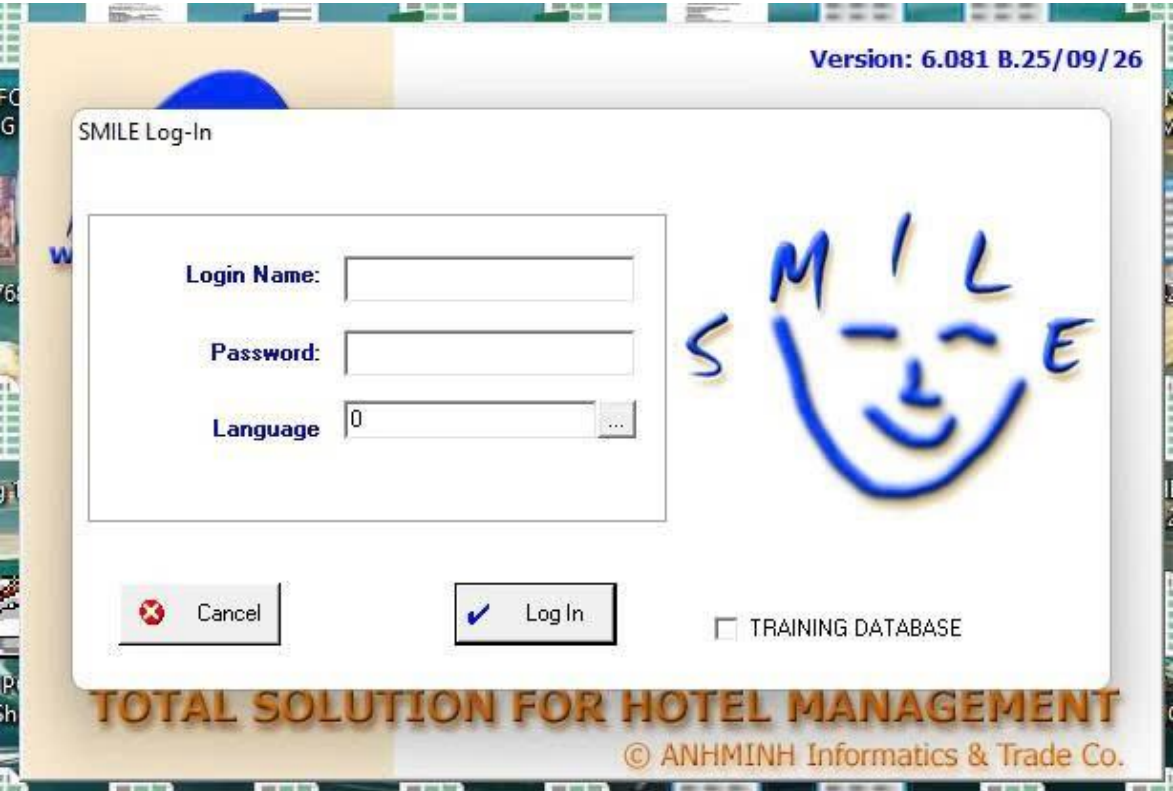




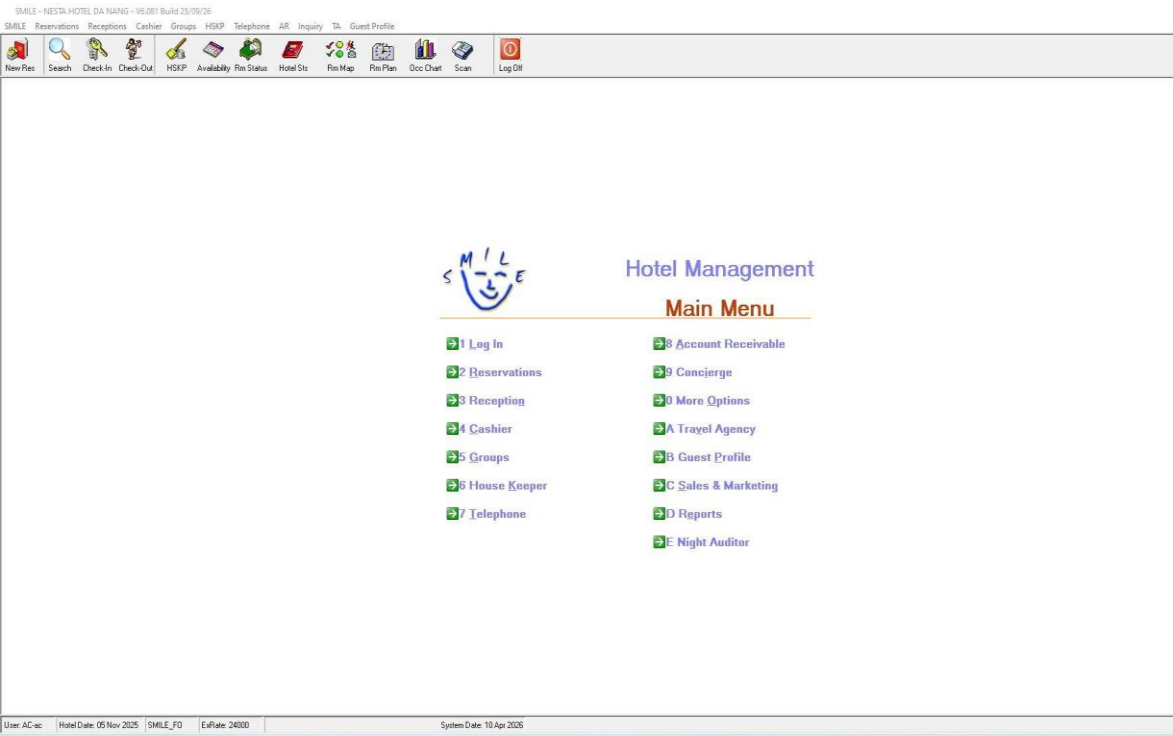


Được quét bằng CamScanner

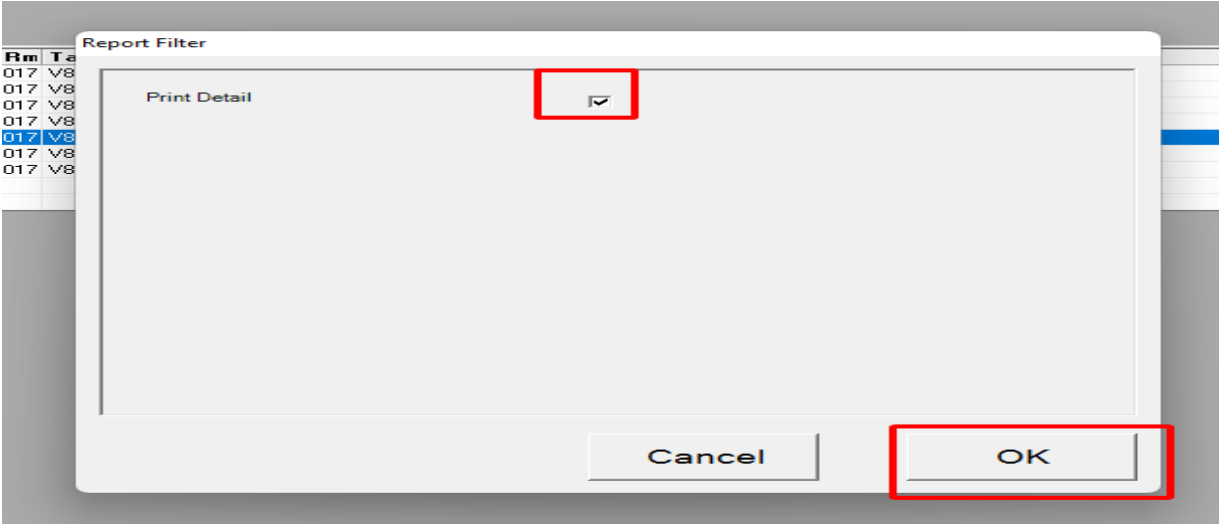
Phụ lục 7:



Phụ lục 8:



Phụ lục 9:



Phụ lục 10:



Phụ lục 11:



Phụ lục 12:

SMILE BACK OFFICE - V6.001. B 19/4/6 - CÔNG TY CỔ PHẦN TM DÀ NANG



1. Số cái

2. Phải thu

3. Phải trả

4. Mua hàng

5. Hàng tồn kho

6. T/S cố định

7. Doanh thu

Kế Toán

Danh mục

A. Kỳ kế toán

C. Thiết lập

D. Báo cáo

E. Đổi mật khẩu

X. Thoát

User: AC

GL Period: 202505, RV: 202505

Phụ lục 13:

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN:511

Kỳ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 511102 Doanh thu ăn sáng từ tiền phòng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					6.786.902.274	6.786.902.274
Tài khoản: 511104 Doanh thu ăn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
01/09/2025	RE2509-001	01/09/2025	Doanh thu ngày 01/09/2025	131110	0	753.166
02/09/2025	RE2509-002	02/09/2025	Doanh thu ngày 02/09/2025	131110	0	550.345
03/09/2025	RE2509-003	03/09/2025	Doanh thu ngày 03/09/2025	131110	0	251.723
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	32.432.739	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					564.202.686	564.202.686
					0	0
Tài khoản: 511119 DT FB khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					155.710.772	155.710.772
Tài khoản: 511106 Doanh thu phòng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
19/09/2025	RE2509-019	19/09/2025	Doanh thu ngày 19/09/2025	131110	0	113.832.064
20/09/2025	RE2509-020	20/09/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	0	128.283.712
21/09/2025	RE2509-021	21/09/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	0	137.379.372
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	72.187.028	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					36.441.671.483	36.441.671.483
					0	0

Tài khoản: 511106 Doanh thu uống						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					564.202.686	564.202.686
Tài khoản: 511106 Doanh thu Minibar						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
20/09/2025	RE2509-019	20/09/2025	Doanh thu ngày 20/09/2025	131110	0	70.547
21/09/2025	RE2509-020	21/09/2025	Doanh thu ngày 21/09/2025	131110	0	432.098
22/09/2025	RE2509-021	22/09/2025	Doanh thu ngày 22/09/2025	131110	0	277.779
...	...	...	...	...	...	...
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	974.423	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					139.666.909	139.666.909
					0	0
Tài khoản: 511332 Doanh thu giặt là						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					91.309.087	91.309.087
Tài khoản: 511342 DT vận chuyển						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					447.953.658	447.953.658
Tài khoản: 511346 DT các Tour						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					63.865.395	63.865.395
Tài khoản: 511352 Doanh thu Massage						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					300.320.666	300.320.666
Tài khoản: 511354 DT Vật liệu trị liệu						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					619.908.221	619.908.221

Tài khoản: 511374 DT trò chơi, giải trí						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					32.407.274	32.407.274
Tài khoản: 511377 Doanh thu phòng họp, hội nghị						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.014.550.262	1.014.550.262
Tài khoản: 511379 Doanh thu dịch vụ khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					421.364.670	421.364.670
Tài khoản: 511402 Phí dịch vụ						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.511.631.376	2.511.631.376

Phụ lục 14:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 632

Kỳ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Date, month						
Tài khoản: 632112						

30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627716	77.018.289	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627726	8.636.031	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627728	302.727.274	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627732	9.533.301	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627734	2.542.248	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627744	202.626	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627746	9.768.250	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627748	115.101.351	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627749	12.702.857	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627760	13.856.000	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627762	3.733.332	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627765	2.300.992	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627766	11.500.000	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627767	1.600.000	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627773	8.338.106	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627776	210.833	0
30/09/2025	GL2509-001	30/09/2025	Kết chuyển 627 --> 632	627799	77.200	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621202	348.166.735	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621204	51.935.855	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621208	2.168.763	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621210	31.218.892	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621212	38.073.411	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621214	16.978.819	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621216	9.115.000	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621218	361.580	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621220	8.044.518	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621224	13.646.111	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621226	2.777.778	0
30/09/2025	GL2509-002	30/09/2025	Kết chuyển 621-->632	621299	4.390.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622102	708.401.626	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622108	41.156.875	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622110	44.799.999	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622112	17.492.258	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622114	63.476.447	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622118	58.247.500	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622120	10.272.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622122	3.327.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622124	6.554.000	0
30/09/2025	GL2509-003	30/09/2025	Kết chuyển 622-->632	622130	57.300.218	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	2.875.092.636
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	406.502.570
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					38.015.139.310	38.015.139.310
					0	0

Phụ lục 15:

Số CTừ
T.Khoản 1
T.Khoản 2
Số tiền
Ngày
Update Dte
Diễn giải
Loại
Check All
New Only

Kỳ
202510
☒ Nợ ☒ Có
☒ Nợ ☒ Có

/ /
/ /

Chi tiết
Xuat
Excel

T.Khoản
Số tiền
Market
☒ Exclude Month End Clearance
Xuat Excel

112110

...
DOI TUONG
...

☐ Hide Allocated Trns
Add Allocation
Show Allocation
Alc Balance
None
0
0

Voucher No	Description	Account	Debit	Credit	Dept	Ref	XRef
☐ CN2510-059	Lãi TG VTB219	112110	52,987				
☐ CN2510-059	Lãi TG VTB219	515900		52,987	640		

Ac	Voucher No	Type	Date	Description
☒	CN2510-059	CRNTB	31/10/2025	Lãi TG VTB219

Phụ lục 16

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 515

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Date, month						
Tài khoản:	515900		Thu nhập hoạt động tài chính khác			
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
25/04/2025	CN2504-1009	25/04/2025	Lãi TG BIDV T4.25	112111	0	106.521
...	...	...	...	...	...	...
31/10/2025	CN2510-0599	31/10/2025	Lãi TG VTB219	112110	0	52.987
...	...	...	...	...	...	...
30/12/2025	GL2512-004	30/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	215.943	0
...	...	...	...	...	...	...
25/11/2025	CN2511-0060	25/11/2025	Lãi TG BIDV T11.25	112111	0	92.197
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.572.783	2.572.783
					0	0

Phụ lục 17:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 641

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 641102 Lương cơ bản						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	JV2503-026	31/03/2025	Hoạch toán lương T3.2025	334110	18.009.256	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	JV2510-066	31/10/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	33.680.135
30/09/2025	JV2509-053	30/09/2025	Hoạch toán lương T9.2025	334110	33.680.135	
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					170.576.123	170.576.123
					0	0
Tài khoản: 641110 Lương tháng 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					10.666.670	10.666.670
					0	0
Tài khoản: 641112 Thưởng, bồi dưỡng đột xuất 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					5.776.490	5.776.490
					0	0
Tài khoản: 641114 Phí phục vụ được chia						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					19.269.901	19.269.901
					0	0
Tài khoản: 641124 Kinh phí công đoàn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.388.000	1.388.000
					0	0
Tài khoản: 641128 Thuế TNCN						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					11.267.920	11.267.920

Số dư cuối kỳ					0	0
Tài khoản: 641130 Tiền ăn ca, uống nước						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					17.326.745	17.326.745
					0	0
Tài khoản: 641202 Văn phòng phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					974.824	974.824
					0	0
Tài khoản: 641204 Báo chí và ấn phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					4.074.074	4.074.074
					0	0
Tài khoản: 641218 Quà cáp miễn phí cho khách						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.400.000	1.400.000
					0	0
Tài khoản: 641302 Trang phục nhân viên						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					490.001	490.001
					0	0
Tài khoản: 641306 Thiết bị văn phòng, phần mềm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					15.035.564	15.035.564
					0	0
Tài khoản: 641704 Chi phí quảng cáo thuê ngoài						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					384.380.995	384.380.995
					0	0
Tài khoản: 641706 Chi phí quảng cáo tự làm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.473.527	1.473.527
					0	0
Tài khoản: 641708 Khuyến khích, tiếp thị khách sạn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...

Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					17.444.232	17.444.232
					0	0
Tài khoản: 641714 Chi phí văn phòng đại diện						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.271.927.265	2.271.927.265
					0	0
Tài khoản: 641718 Chi phí hoa hồng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/05/2025	JV2505-036	31/05/2025	Cp hoa hồng Expedia T5.25	112111	8.790.737	0
...	...	...	...	...	...	...
03/10/2025	AP2510-002	03/10/2025	CP hoa hồng hotelink T9.25	331100	1.275.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/2025	GL2510-004	31/10/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	792.551.511
...	...	...	...	...	...	...
03/11/2025	JV2511-002	03/11/2025	Cp hoa hồng hotelink T10.25	331100	2.207.750	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					5.800.899.492	5.800.899.492
					0	0
Tài khoản: 641720 Ăn uống, tiếp khách						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.739.580	1.739.580
					0	0
Tài khoản: 641722 Chi phí đi lại hàng ngày (Taxi, thuê xe)						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					190.000	190.000
					0	0
Tài khoản: 641724 Chi phí công tác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					9.523.354	9.523.354
					0	0
Tài khoản: 641728 Điện thoại, Fax, bưu phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					991.294	991.294
					0	0

Phụ lục 18:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 642

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng Date, month	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản: 642102 Lương cơ bản						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	295.352.237
31/03/2025	JV2503-026	31/03/2025	Hoạch toán lương T3.2025	334110	295.352.237	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	318.979.739
30/09/2025	JV2509-053	30/09/2025	Hoạch toán lương T9.2025	334110	318.979.739	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					3.078.209.077	3.078.209.077
Số dư cuối kỳ					0	0
Tài khoản: 642110 Lương tháng 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					148.487.955	148.487.955
Số dư cuối kỳ					0	0
Tài khoản: 642112 Thưởng, bồi dưỡng đột xuất 13						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					10.124.417	10.124.417
Số dư cuối kỳ					0	0
Tài khoản: 642114 Phí phục vụ được chia						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					209.730.856	209.730.856
Số dư cuối kỳ					0	0
Tài khoản: 642118 Bảo hiểm xã hội						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	22.767.500
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338310	9.095.000	0
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338410	13.672.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	0	24.692.500

30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338310	11.093.500	0
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338410	13.599.000	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					236.617.500	236.617.500
					0	0
Tài khoản: 642120 Bảo hiểm y tế						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	4.038.000
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338410	620.000	0
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338610	3.418.000	0
...	...	...	...	...		
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	4.233.000
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338410	906.000	0
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338610	3.327.000	0
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					40.698.000	40.698.000
					0	0
Tài khoản: 642122 Bảo hiểm thất nghiệp						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	GL2503-004	31/03/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	1.301.000
31/03/2025	JV2503-024	31/03/2025	Hoạch toán BHXH T3.2025	338610	1.301.000	0
...	...	...	...	...		
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) -> 911	911102	0	1.411.000
30/09/2025	JV2509-049	30/09/2025	Hoạch toán BHXH T9.2025	338610	1.411.000	0
...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					13.521.000	13.521.000
					0	0
Tài khoản: 642124 Kinh phí công đoàn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					26.760.000	26.760.000
					0	0
Tài khoản: 642128 Thuế TNCN						
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					3.465.000	3.465.000
					0	0
Tài khoản: 641130 Tiền ăn ca, uống nước						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					142.151.271	142.151.271
					0	0

Tài khoản: 642132 Chi phí quan hệ nhân viên						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				58.904.195	58.904.195	
				0	0	
Tài khoản: 642202 Văn phòng phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				18.193.173	18.193.173	
				0	0	
Tài khoản: 642204 Báo chí và ấn phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				613.889	613.889	
				0	0	
Tài khoản: 642299 Chi phí vật liệu quản lý khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				14.403.045	14.403.045	
				0	0	
Tài khoản: 642302 Trang phục nhân viên						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				34.285.403	34.285.403	
				0	0	
Tài khoản: 642306 Thiết bị văn phòng, phần mềm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				121.835.237	121.835.237	
				0	0	
Tài khoản: 642308 Đồ đạc, dụng cụ văn phòng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				286.779.436	286.779.436	
				0	0	
Tài khoản: 642329 Chi phí đồ dùng văn phòng khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ				17.429.395	17.429.395	
				0	0	
Tài khoản: 642432 Khấu hao – phần mềm vt						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh				29.473.177	29.473.177	

Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642499 Khấu hao – TSCĐ vô hình – khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				14.551.822	14.551.822	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 64251 Phí, lệ phí						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				2.000.000	2.000.000	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642712 Phí dịch vụ ngân hàng						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				746.690.749	746.690.749	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642718 Dịch vụ tư vấn						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				991.527.271	991.527.271	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642720 Dịch vụ thuê ngoài						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				13.310.000	13.310.000	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642730 Ăn uống, tiếp khách						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				12.861.087	12.861.087	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642734 Chi phí công tác – VPĐH/ Chủ đầu tư						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				675.018.063	675.018.063	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642736 Chi phí đào tạo						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	
Cộng số phát sinh				27.658.401	27.658.401	
Số dư cuối kỳ				0	0	
Tài khoản: 642738 Điện thoại, Fax, bưu phẩm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	

28/02/2025	AP2502-028	28/02/2025	CP cước internet Viettel T2.25	331100	1.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
31/03/2025	AP2502-027	31/03/2025	CP cước sim ĐT T3.25	331100	318.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	AP2509-086	30/09/2025	CP cước internet Viettel T9.25	331100	1.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102	0	2.254.000
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					25.721.555	25.721.555
					0	0
Tài khoản: 642749 Chi phí khác						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					29.041.072	29.041.072
					0	0
Tài khoản: 642772 Bảo trì – Thiết bị kỹ thuật, điện						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					15.000	15.000
					0	0
Tài khoản: 642778 Bảo trì – Thảm nền						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					1.000.000	1.000.000
					0	0
Tài khoản: 642792 Bảo trì – Hệ thống phòng cháy						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					2.629.923	2.629.923
					0	0
Tài khoản: 642793 Bảo trì – Ht máy tính/ Phần mềm						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					73.101.184	73.101.184
					0	0
Tài khoản: 642794 Vật dụng kỹ thuật						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					5.055.600	5.055.600
					0	0
Tài khoản: 642797 Thuê chuyển rác thải						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh					79.556.360	79.556.360

Số dư cuối kỳ				0	0
Tài khoản: 642801 Chi phí trang trí					
			Dư đầu kỳ		
...	...	...	...	...	...
Cộng số phát sinh				29.477.778	29.477.778
Số dư cuối kỳ				0	0

Phụ lục 19:

AR Account 1887

Blđ. Code

Thuế VAT

Bill

Tài khoản

Tài khoản

Tran Thi Diem Thuong

Invoice Balance:

0

140.52

Payment Balance:

0

140.51

Account: 1887 - Create new Invoice

Số CTừ

CTCNPT

RX2509-0754

Ngày

30/09/2025

Chấp nhận

Đóng

Diễn giải

Tham chiếu

Ngày hết hạn

30/09/2025

Kỳ Kế toán

202509

Ngày ghi sổ cái

30/09/2025

Ko HĐ VAT

HĐ đầu vào

HĐ đầu ra

Hoà đơn

Bộ phận

Mã KH

Ngày

Diễn giải

CTừ gốc

Tên Nhủ CC

Địa chỉ

Mã thuế

Số tài khoản

Market

DOI TUONG

X

Từ ngày

Đến ngày

Từ chối

Tim kiếm

Link thuế VAT

Nợ khó đòi

Xuất EXC

Tạo mới

Xóa

Split

Chuyển khoản

Transfer

Show All

Chỉ tất HĐ

Đổi trừ

Hủy đổi trừ

Statement

Thanh toán

Đóng

Phụ lục 20:

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG

Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN: 711

Kỳ kế toán: 202501 - 202512

Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Tài khoản:	711190		Thu nhập khác			
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
28/02/2025	RX2502-0146	28/02/2025	DV thu phế liệu T2/25	131120	0	2.777.778
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	RX2509-0087	30/09/2025	DV thu gom rác T9.25 – Diem Thuong	131120	0	2.777.778
...	...	...		...	...	...
31/12/2025	GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) → 911	911102	7.651.264	0
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					144.611.822	144.611.822
					0	0

Phụ lục 21:

Journal Voucher List		Journal Voucher		Type	
No	Description				
		Chứng từ			
		Loại	UNCBIDV		
		Số chứng từ	BI2505-0033		
		Diễn giải	Tiền chậm nộp		
		Ngày chứng từ	14/05/2025	Kỳ kế toán	202505
		Tham chiếu		Tài khoản	
		CTừ kèm theo			
		Người giao dịch			
		Địa chỉ NGD			
		Công ty			
		Địa chỉ CTy			
		Ngân hàng			
		Số tài khoản			
		☐ AR/AP in Details			
		☐ AR Invoice ☐ AR Payment ☐ AP Invoice ☐ AP Payment			
		Client Code			
X					
Xuất Excel		Thêm Hoa Đơn		Thêm nhật ký	
Ghi sổ cái		Bỏ qua		Thêm	
				Thoát	

Phụ lục 22:

CHI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt

SỐ CÁI TÀI KHOẢN

Kỷ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Date, month						
Tài khoản: 811190 Chi phí khác						
			Dư đầu kỳ			
19/02/2025	BI2502-0031	19/02/2025	TT chậm nộp thuế	112111	60.144	
28/02/2025	GL2502-004	28/02/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		60.144
28/04/2025	IVB2504-000	28/04/2025	TT chậm nộp	112114	322.200	
30/04/2025	GL2504-004	30/04/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		322.200
14/05/2025	BI2505-0033	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112111	47.871	
14/05/2025	IVB2505-000	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112114	25.200	
14/05/2025	IVB2505-000	14/05/2025	Tiền chậm nộp	112114	25.804	
31/05/2025	GL2505-004	31/05/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		98.875
01/11/2025	JV2511-012	01/11/2025	Chuyển thẻ xăng qua QLKS Nesta	112119	5.805.361	
30/11/2025	GL2511-004	30/11/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		5.805.361
10/12/2025	CP2512-001	10/12/2025	TT chậm nộp BHXH T10.25	111110	1.016.106	
31/12/2025	GL2512-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	911102		1.016.106
Cộng số phát sinh					7.302.686	7.302.686
					Số dư cuối kỳ	

Phụ lục 23:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN 216 TẠI ĐÀ NẴNG
Số 268 đường Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

SỔ CÁI TÀI KHOẢN:911

Kỳ kế toán: 202501 - 202512 Form No: 1.03

Đơn vị: VND

Ngày tháng	Chứng từ/ Voucher		Diễn giải/ Description	TK đối ứng Acc Ref	Số dư	
	Số/No	Ngày /Date			Nợ/Debit	Có/Credit
Date, month						
Tài khoản: 911102 Xác định kết quả HĐKD						
			Dư đầu kỳ			
...	...	...	...	...	...	...
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511102	0	701.249.756
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511104	0	173.515.903
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511106	0	68.515.685
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511118	0	13.134.898
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511119	0	2.518.769
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511302	0	3.722.040.288
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511332	0	11.578.924
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511342	0	24.519.391
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511346	0	5.238.272
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511342	0	29.736.932
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511354	0	61.750.420
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511374	0	1.675.468
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511375	0	110.229.275
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511379	0	3.702.823
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	511402	0	246.469.999
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900	0	215.943
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	632112	5.375.053	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	63288	2.875.092.636	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641102	33.680.135	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641110	1.066.667	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641114	1.725.290	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641124	200.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641130	2.899.686	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641204	4.074.074	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641302	81.667	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641306	670.588	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641704	39.737.372	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641708	1.699.281	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641714	72.654.545	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641718	741.037.116	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641728	85.185	0

30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642102	318.979.739	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642110	12.266.667	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642114	21.062.763	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642118	24.692.500	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642120	4.233.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642122	1.411.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642124	2.822.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642130	14.349.730	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642132	1.225.626	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642202	1.171.759	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642299	2.653.349	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642302	3.257.503	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642306	11.165.347	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642308	27.204.793	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642329	1.538.623	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642499	1.212.651	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642712	88.599.668	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642718	82.254.545	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642730	280.500	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642736	25.000.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642738	2.254.230	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642749	1.385.648	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642778	1.000.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642792	657.481	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642793	9.178.668	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642794	405.000	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642797	7.555.636	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642801	2.777.778	0
30/09/2025	GL2509-004	30/09/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	771190	0	5.625.921
30/09/2025	GL2509-005	30/09/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	731.043.168	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	515900	0	20.433
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	63288	406.502.570	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641302	81.666	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	641704	37.500.000	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642128	1.415.000	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642132	1.671.600	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642302	2.172.497	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642306	8.434.520	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642308	23.889.143	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642329	1.028.999	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642499	1.212.652	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642712	172.000	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642734	675.018.063	0

31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642792	657.480	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	642793	5.403.416	0
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	711190	0	7.651.264
31/12/2025	GL2509-004	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ (5,6,7,8) --> 911	811190	1.016.106	0
31/12/2025	GL2509-005	31/12/2025	Kết chuyển sang lợi nhuận 911 --> 421	421202	0	1.158.504.015
Cộng số phát sinh Số dư cuối kỳ					59.856.392.012	59.856.392.012

Phụ lục 24 (Một số điểm mới của Thông tư 99/2025/TT-BTC so với Thông tư 200/2014/TT-BTC)

TK 511

- Thông tư 99 giữ vững nguyên tắc cơ bản của TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nhưng có thể điều chỉnh hướng dẫn chi tiết để phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính mới.

TK 521

- So với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 99/2025/TT-BTC có một số thay đổi liên quan đến kế toán các khoản giảm trừ doanh thu, góp phần làm rõ bản chất kinh tế của các khoản điều chỉnh doanh thu và nâng cao tính minh bạch trong ghi nhận kế toán. Trước hết, Thông tư 99/2025/TT-BTC cho phép doanh nghiệp linh hoạt hơn trong việc tổ chức hệ thống tài khoản, theo đó không bắt buộc phải duy trì cố định các tài khoản cấp 2 như TK 5211, 5212, 5213 mà có thể thiết kế các tài khoản chi tiết phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị, miễn là vẫn đảm bảo phản ánh đầy đủ các khoản giảm trừ doanh thu.

- Không phản ánh thuế trực tiếp: tài khoản 521 theo thông tư 99/2025/TT-BTC không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu theo phương pháp trực tiếp.

TK 632

- Bổ sung phạm vi hạch toán liên quan đến tài khoản sinh học: Thông tư 99 bổ sung tài khoản 215 (tài sản sinh học), do đó tài khoản 632 được bổ sung chức năng phản ánh giá vốn liên quan đến việc tiêu thụ tài sản sinh học, sản phẩm từ tài sản sinh học.

- Chi tiết hơn về xử lý dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo Thông tư 99, khi trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Nợ TK 632 hoặc CóTK 632), đảm bảo giá vốn phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

- Minh bạch chi phí BĐS đầu tư: nội dung phản ánh chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư (khấu hao, sửa chữa, cho thuê) vào TK 632 được làm rõ hơn để tách biệt với giá vốn hàng bán, dịch vụ thông thường

- Thay đổi hướng dẫn hạch toán chiết khấu thương mại: Mặc dù vẫn giữ nguyên nguyên tắc các khoản giảm trừ doanh thu, TT99 cập nhật lại quy trình hạch toán các

khoản chiết khấu, giảm giá hàng bán nhằm đảm bảo việc kết chuyển doanh thu thuần và giá vốn được chính xác và minh mạch hơn.

TK 515

- Thông tư 99/2025/TT-BTC có nhiều điểm điều chỉnh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính nhằm đảm bảo phù hợp hơn với bản chất kinh tế của các giao dịch và tiệm cận với thông lệ quốc tế. Trước hết, Thông tư mới nhấn mạnh nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính phải dựa trên cơ sở dồn tích, nghĩa là doanh thu được ghi nhận khi phát sinh quyền được hưởng, không phụ thuộc vào thời điểm thực tế thu tiền. Quy định này đặc biệt quan trọng đối với các khoản lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu... giúp phản ánh đầy đủ và kịp thời doanh thu trong kỳ.

Một điểm mới đáng chú ý khác là việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư 99/2025/TT-BTC có xu hướng quy định rõ hơn việc phân loại lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ và lãi đánh giá lại cuối kỳ, đồng thời yêu cầu trình bày minh bạch hơn trên báo cáo tài chính. Điều này giúp người sử dụng báo cáo phân biệt được nguồn gốc của doanh thu tài chính và đánh giá đúng mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá

TK 635

- Chi phí đi vay không được vốn hóa: Thông tư 99/2025/TT-BTC làm rõ hơn các trường hợp chi phí lãi vay phát sinh nhưng không đủ điều kiện vốn hóa (không được đưa vào giá trị tài sản) sẽ hạch toán thẳng vào TK 635.

TK 641

- Thông tư 99/2025/TT-BTC có một số điểm điều chỉnh quan trọng liên quan đến kế toán chi phí bán hàng nhằm nâng cao tính minh bạch và phản ánh đúng bản chất chi phí. Trước hết, Thông tư mới nhấn mạnh việc phân loại chi phí bán hàng phải dựa trên bản chất kinh tế của từng khoản chi, tránh tình trạng ghi nhận mang tính hình thức hoặc phân loại chưa phù hợp như trước đây. Điều này giúp doanh nghiệp xác định chính xác hơn chi phí phục vụ cho hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ.

TK 642

Thông tư 99/2025/TT-BTC có những thay đổi trong việc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm nâng cao tính minh bạch và phản ánh đúng bản chất chi phí. Trước hết, Thông tư mới nhấn mạnh việc phân loại chi phí quản lý doanh nghiệp phải dựa trên nội dung kinh tế thực tế của từng khoản chi. Các khoản chi phải được ghi nhận đúng mục đích sử dụng, tránh tình trạng phân loại sai giữa chi phí quản lý, chi phí bán hàng và chi phí sản xuất như trước đây

TK 711

- Chi tiết hóa khoản thu: Thông tư 99/2025/TT-BTC khuyến khích/ yêu cầu chi tiết hơn các khoản thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản, thu nhập từ việc được phạt vi phạm

hợp đồng, hoặc các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, phản ánh đúng bản chất thu nhập khác.

Hạch toán chi phí tương ứng: Việc ghi nhận TK 711 cần gắn liền với việc ghi nhận TK 811 (Chi phí khác) đối với 1 giao dịch để xác định chênh lệch thuần

TK 811

- Thông tư 99/2025/TT-BTC quy định rõ hơn việc phân loại chi phí khác, chỉ ghi nhận vào TK 811 đối với các khoản chi không liên quan đến hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, giúp tránh nhầm lẫn với chi phí sản xuất, kinh doanh.

- Đồng thời, điều kiện ghi nhận chi phí khác cũng được quy định chặt chẽ hơn, yêu cầu các khoản chi phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ và xác định được giá trị một cách đáng tin cậy.

- Ngoài ra, Thông tư mới tăng cường yêu cầu trình bày minh bạch các khoản chi phí khác, đặc biệt là các khoản chi bất thường hoặc không lặp lại, nhằm nâng cao độ tin cậy và tính minh bạch của báo cáo tài chính.

TK 821

- Thông tư 99/2025/TT-BTC quy định rõ hơn việc phân biệt giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, giúp phản ánh chính xác nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp theo từng kỳ.

- Bên cạnh đó, điều kiện ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại được hướng dẫn chặt chẽ hơn, yêu cầu xác định rõ các khoản chênh lệch tạm thời và khả năng thu hồi lợi ích kinh tế trong tương lai.

- Ngoài ra, Thông tư mới cũng tăng cường yêu cầu trình bày và thuyết minh chi tiết về chi phí thuế TNDN trên báo cáo tài chính, nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng so sánh giữa các kỳ kế toán.

TK 911

- Thông tư 99/2025/TT-BTC quy định cụ thể và rõ ràng hơn về việc kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Theo đó, các khoản doanh thu, chi phí phải được phân loại đúng theo từng hoạt động như hoạt động kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác trước khi thực hiện kết chuyển, giúp phản ánh chính xác nguồn hình thành lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, Thông tư mới nhấn mạnh nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải được ghi nhận tương ứng với doanh thu phát sinh trong cùng kỳ, hạn chế tình trạng ghi nhận lệch kỳ làm sai lệch kết quả kinh doanh. Điều này giúp số liệu lợi nhuận thể hiện đúng hiệu quả hoạt động thực tế của doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc xác định và trình bày kết quả kinh doanh cũng được yêu cầu minh bạch hơn. Doanh nghiệp cần thuyết minh rõ các yếu tố cấu thành lợi nhuận như lợi nhuận từ

hoạt động kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác, đặc biệt đối với các khoản thu nhập hoặc chi phí bất thường. Nhờ đó, báo cáo tài chính có độ tin cậy cao hơn và thuận tiện cho việc so sánh giữa các kỳ kế toán